

# PHẬT PHÁP

## BOUDDHADHARMA

PHÁT HÀNH MỖI KỲ HAI THÁNG / SORTIE UNE FOIS TOUS LES DEUX MOIS

SỐ N. 05 12/ 2001

Kiến thân vô thật thị Phật thân  
Liễu tâm như huyễn thị Phật huyễn  
Liễu đặc tâm thân bốn tính không  
Tứ nhân dĩ Phật hà thù biệt.

*Thấy thân Không thật là thân Phật  
Rõ tâm như huyễn là Phật huyễn  
Rõ được thân tâm bốn tính không  
Người đó với Phật nào khác gì.*

Đức Phật Câu Lưu Tôn

Regarder le corps comme étant irréel,  
C'est le corps du Bouddha  
Considérer l'esprit comme étant illusoire,  
C'est le Bouddha illusoire  
Celui qui comprend bien le corps et l'esprit,  
C'est la nature vide  
Il n'est pas différent du Bouddha.

Các Bạn muốn nghiên cứu và thâm nhập Phật Pháp là ở đây.  
Cette Propagation de l'Enseignement du Bouddha vous permettra d'étudier et  
connaître la bonne voie du Bouddha.

<b>PHẬT PHÁP</b> BOUDDHADHARMA	<b>MỤC LỤC / SOMMAIRE</b>
<ul style="list-style-type: none"> <li>▣ <i>Tờ Phật pháp / La Revue Bouddhadharma phát hành mỗi kỳ hai tháng / Sortie une fois tous les deux mois.</i></li> <li>▣ <i>Chủ Nhiệm / Directeur de publication :</i> <i>Thích Minh Định.</i></li> <li>▣ <i>Les correcteurs les Sutras en français :</i> <i>Pan Xin Ya, Vilcoq Viviane, Nguyễn Chiêm Khoa, Lý Thị Minh Nguyệt.</i></li> <li>▣ <i>Các Kinh tiếng Việt và tiếng Pháp dịch ra đăng trên tờ Phật Pháp do ban biên dịch Chùa Kim Quang.</i></li> <li>▣ <i>Les Sutras publiés dans la revue Bouddhadharma sont traduits par les membres de la Pagode Kim Quang.</i></li> <li>▣ <i>Báo Phật Pháp chuyên đăng những Kinh, Chú của Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng giải và Khai thị, Pháp ngữ của Hoà Thượng.</i></li> <li>▣ <i>La revue Bouddhadharma sont publiés les Sutras, les Mantras expliqués par le Vénérable Maître Hsuan Hua et ses bonnes paroles pour cultiver la Voie du Bouddha.</i></li> <li>▣ <i>Mọi sự phát tâm cúng dường ủng hộ, ngân phiếu xin đề Pagode Kim Quang.</i></li> <li>▣ <i>Mọi chi tiết xin liên liên lạc về :</i> <i>Chùa Kim Quang</i> <i>8 B rue Fontaine</i> <i>93000 Bobigny - France</i> <i>Tel./fax : 01.48.50.98.66</i> <i>E-Mail : <a href="mailto:chuakimquang@infonie">chuakimquang@infonie</a></i> <i><a href="mailto:Kimquangtu@hotmail.fr">Kimquangtu@hotmail.fr</a></i></li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>▣ Kinh Hoa Nghiêm 3</li> <li>▣ Kinh Pháp Hoa 6</li> <li>▣ Chú Lăng Nghiêm 9</li> <li>▣ Cuộc Đời Tôn Giả Xá Lợi Phất 23</li> <li>▣ Chú Đại Bi 12</li> <li>▣ Đại Trí Độ Luận 14</li> <li>▣ Pháp Giới Của Trời 17</li> <li>▣ Số 0 : Tự Tính Đại Quang Minh Tạng 19</li> <li>▣ Cửa Khai Mở Trí Huệ 21</li> <li>▣ Nghiệp Và Tình 22</li> <li>▣ Cuộc Đời Tôn Giả Xá Lợi Phất 23</li> <li>▣ Hồi Niệm Nhân Duyên . . . . 24</li> <li>▣ Le Sutra Du Dharma De La Fleur 27</li> <li>▣ Le Sutra Shurangama 30</li> <li>▣ Le Mantra Shurangama 32</li> <li>▣ Le Sutra Du Vajna Prajna Paramita 35</li> <li>▣ Le Bouddha Parle Le Sutra . . . 38</li> <li>▣ Chant De L'Illumination 41</li> <li>▣ Le Monde Du Dharma . . . 43</li> <li>▣ Les Termes Bouddhistes 44</li> <li>▣ La Nature Du Bouddha Eternelle 45</li> <li>▣ Le Souvenir De La Vie Du Vén. . . 48</li> <li>▣ L'histoire Du Bouddha 51</li> </ul>

# KINH HOA NGHIÊM

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng  
Việt dịch : Thích Minh Định

Tiếp theo kỳ trước

**N**HỮNG ĐỒ TRANG NGHIÊM, ĐỀU PHÓNG QUANG MINH NHƯ MÂY. TỬ TRONG CUNG ĐIỆN LẦU CÁC HOA ẢNH LÀM THÀNH TRÀNG. CÓ VÔ SỐ BỒ TÁT VÀ CHÚNG HỘI ĐẠO TRÀNG, ĐỀU VÂN TẬP ĐẾN. CHỦ PHẬT ĐỀU PHÓNG QUANG MINH, TRONG QUANG MINH CÓ DIỆU ÂM THANH KHÔNG THỂ NGHĨ BÀN, LẠI CÓ CHÂU MA NI VƯƠNG BÁU LÀM THÀNH LƯỚI.

*Tất cả hoa báu trang nghiêm đều phóng quang minh, giống như các loại mây báu, trong cung điện có khoảng không gian, thứ quang ảnh này tụ hội thành hình tràng báu, trong tràng báu này có vô lượng vô biên Bồ Tát, không những có vô lượng vô biên Bồ Tát mà mỗi vị Bồ Tát đều đem chúng sinh trong đạo tràng của mình đều suất lãnh đến bồ đề đạo tràng. Khi chư Bồ Tát đến đạo tràng của Đức Phật thì xuất hiện quang minh của chư Phật chiếu soi với nhau. Trong quang minh của Phật cũng phát ra âm thanh vi diệu không thể tả, lại có châu ma ni vương báu làm lưới báu.*

**THẦN THÔNG OAI LỰC TỰ TẠI CỦA NHƯ LAI, KHIẾN CHO TẤT CẢ CẢNH GIỚI ĐỀU XUẤT HIỆN TRONG ĐẠO TRÀNG.**

*Vì Như Lai đắc được thần thông oai lực tự tại, tất cả các thứ diệu âm, các thứ quang minh, các thứ cảnh giới, đều từ trong đạo tràng hiện ra. Cho nên trong bồ đề đạo tràng có cảnh giới không thể nghĩ bàn này.*

**NHÀ CỦA PHÒNG XÁ CHỖ Ở CỦA TẤT CẢ CHÚNG SINH ĐỀU HIỆN RA HÌNH BÓNG Ở TRONG ĐÓ.**

*Sức thần thông tự tại của Như Lai, biến hiện cảnh giới không thể nghĩ bàn, ở trong cảnh giới giống như lưu ly, như hư không, tất cả chúng sinh ở trong hư không, nơi ăn chốn ở đều hiện ra hình bóng trong cảnh giới này.*

*Vì vậy, cho nên trong kinh kim cang có nói : "Tất cả chúng sinh, có những tâm gì, Như Lai đều biết", nghĩa là tất cả tâm niệm và hành vi của chúng sinh, không biết có bao nhiêu thứ tâm ? Như Lai đều biết đều thấy. Vì đều không ra ngoài phạm vi bốn trí của Như Lai. Bốn trí là gì ? Tức là thành sở tác trí, diệu quán sát trí, bình đẳng tánh trí, đại viên cảnh trí, bốn trí này là từ bát thức của phàm phu biến ra. Mục đích chúng ta tu đạo là chuyển thức thành trí.*

**LẠI NHỜ THẦN LỰC CỦA CHỦ PHẬT GIA TRÌ, TRONG KHOẢNG MỘT NIỆM BAO KHẮP PHÁP GIỚI. TÒA SỬ TỬ CAO LỚN TỐT ĐẸP.**

*Tòa của Phật ngồi gọi là tòa sư tử, vì sư tử là chúa của loài thú, khi sư tử hống lên thì tất cả loài thú đều sợ hãi. Cho nên Phật nói pháp dụ như sư tử hống, thiên ma ngoại đạo nghe được thì sinh tâm sợ hãi mà hàng phục được chúng, do đó tòa của Phật gọi là tòa sư tử. tòa sư tử này cao lớn tốt đẹp lạ thường.*

**ĐÀI LÀM BẰNG CHÂU MA NI, LƯỚI BẰNG HOA SEN, DIỆU BÁU THANH TỊNH DÙNG VIỀNG**

**CHUNG QUANH, CÁC LOẠI HOA ĐẸP NHIỀU MÀU KẾT THÀNH CHUỖI.**

*Tòa sư tử này dùng châu ma ni báu làm đài, dùng các loại hoa sen nhiều màu để làm lưới, lại dùng diệp báu thanh tịnh viêng chung quanh, thứ diệp báu thanh tịnh này lại gọi là tị trần châu. Thứ châu báu này để ở chỗ nào thì chỗ đó chẳng nhiễm một bụi trần. Thứ châu báu này do gì làm thành ? là do trì giới thanh tịnh, mà cảm ứng diệp báu sở hiện. Lại dùng đủ loại hoa nhiều màu để làm chuỗi anh lạc.*

**CUNG ĐIỆN LẦU CÁC, CỦA NÈO THỀM BỤC THẢY ĐỀU TRANG NGHIÊM. CÂY BÁU CÀNH LÁ BÔNG TRÁI CHEN NHAU LA LIỆT.**

*Cung điện lầu các cửa nẻo thềm bậc tất cả đều tốt đẹp trang nghiêm, có mười thứ mỹ lệ trang hoàng không thể nghĩ bàn, khiến cho ai thấy thì đều sinh tâm Bồ đề và tâm thanh tịnh. Người trên thế giới này tại sao có tâm ô nhiễm ? có tư tưởng không thanh tịnh ? Vì nghiệp chướng của chúng ta không thanh tịnh, cho nên hiển hiện ra thế giới không thanh tịnh. Nếu nghiệp thanh tịnh thì sở cảm hiện ra thế giới cũng thanh tịnh. Dùng bảy thứ báu để trang nghiêm cành lá và trái thật. Cây báu này ở ba bên bốn phía tòa sư tử, xen nhau la liệt.*

**CHÂU MANI TUÔNG RA ÁNH SÁNG NHƯ MÂY, HỔ TƯỢNG CHIẾU SOI LẤN NHAU.**

*Châu mani báu tuông ra ánh sáng như mây, ánh sáng này chiếu ánh sáng kia, ánh sáng kia chiếu ánh sáng nọ, hổ tương chiếu soi lẫn nhau.*

**MƯỜI PHƯƠNG CHỦ PHẬT, HOÁ HIỆN CHÂU VƯƠNG.**

*Lúc bấy giờ, mười phương chư Phật đến bên tòa sư tử, hóa hiện châu vương (nghĩa là lý tròn giải đầy) phàm là khi mới thành Phật đều có tất cả chư Phật hiện hình quán đảnh, tất cả Bồ Tát thân cận kính ngưỡng.*

**DIỆP BÁU TỪ TRONG BÚI TÓC CỦA TẤT CẢ BỒ TÁT ĐỀU PHÓNG QUANG MINH, CHIẾU SÁNG ĐẠO TRÀNG.**

*Diệp báu từ trong búi tóc của vô số Bồ Tát trong mười phương đều phóng ra quang minh chiếu sáng đạo tràng.*

**LẠI NHỜ OAI THẦN LỰC CỦA CHỦ PHẬT GIA TRÌ, CÁC BỒ TÁT ĐỀU DIỄN NÓI CẢNH GIỚI RỘNG LỚN CỦA NHƯ LAI, ÂM THANH VI DIỆP CHẴNG CÓ CHỖ NÀO MÀ KHÔNG NGHE ĐƯỢC.**

*Lại nhờ oai đức thần thông của tất cả mười phương chư Phật gia trì, các Bồ Tát đều diễn nói diệu pháp của Như Lai. Cảnh giới rộng lớn này dùng âm thanh vi diệu, thông đạt bốn phương, chẳng có chỗ nào mà không nghe được diệu âm này, tức là ở trong một hạt bụi cũng nghe được, vì đều đang chuyển bánh xe pháp.*

**LÚC BẤY GIỜ, ĐỨC THỂ TÔN NGỒI TRÊN TOÀ SƯ TỬ, Ở TRONG TẤT CẢ CÁC PHÁP, PHẬT LÀ TỐI CHÁNH GIÁC. TRÍ HUỆ CỦA PHẬT NHẬP VÀO BA ĐỜI, THẢY ĐỀU BÌNH ĐẲNG.**

*Lúc đó, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni ngồi trên tòa sư tử, ở trong tất cả các pháp Phật là tối chánh giác. Bồ Tát có thể nói là chánh giác, nhưng chưa đạt được tối chánh giác. Hàng nhị thừa có thể nói là giác, không thể nói là chánh giác. Ngoại đạo và phàm phu thì không giác, không giác mà cho rằng tự giác, đó là tà tri tà kiến, không giác tức là ngu si. Người ngu si cho rằng mình làm gì cũng đều đúng, chẳng có gì không đúng, cho nên mới gọi là không giác.*

*Trí huệ của Phật nhập vào được ba đời, biết được quá khứ trông nhân gì ? đời hiện tại kết quả gì ? đời bây giờ trông nhân gì ? đời vị lai kết quả gì ? Đức Phật không những biết chính mình mà cũng biết tất cả chúng sinh. Đời quá khứ cũng bình đẳng, đời hiện tại cũng bình đẳng, đời vị lai cũng bình đẳng.*

*Ba đời là gì ? Tức là quá khứ, hiện tại và vị lai. Quá khứ là kiếp trước, hiện tại là đời này, vị lai là đời sau, đó là ba đời. Lúc này có người nói : "Tôi không tin, tôi một đời còn chưa hiểu làm sao tin ba đời ? ". Bạn nói rất có lý ! Tuy nhiên bạn không minh bạch một đời, đương nhiên không thể minh*

*bạch ba đời. Không tin ba đời là có thể, nhưng bạn có tin có ngày hôm qua chăng ? có ngày hôm nay chăng ? có ngày mai chăng ? Việc hôm qua, ngày hôm nay đã quên mất, việc ngày mai càng không biết. Sự việc ba ngày này còn không nhớ rõ, hà huống là sự việc ba đời làm sao nhớ được ?*

## **THÂN PHẬT ĐẦY KHẮP TẤT CẢ THẾ GIỚI. ÂM THANH CỦA PHẬT VANG ĐẾN TẤT CẢ CỠ TRƯỚC TRONG MƯỜI PHƯƠNG.**

*Thân của Phật không những đầy khắp tất cả thế giới mà còn đầy khắp pháp giới. Do đó : "Thân Phật đầy khắp trong pháp giới, hiện khắp trước tất cả chúng sinh". Âm thanh của Phật lại thông đạt đến khắp các cõi nước trong mười phương, do đó : "Phật dùng một diệu âm, nghe khắp trong mười phương".*

## **VÍ NHƯ HỦ KHÔNG BAO TRÙM HẾT THẢY VẠN VẬT, MÀ TRONG CÁC CẢNH GIỚI CHẴNG CÓ PHÂN BIỆT.**

*Pháp thân của Phật giống như hư không, bao dung tất cả sum la vạn tượng, mà hư không đối với tất cả cảnh giới chẳng có phân biệt, không phân biệt đó đây.*

## **LẠI NHƯ HỦ KHÔNG CÙNG KHẮP TẤT CẢ BÌNH ĐẰNG, MÀ VÀO TRONG CÁC CỠ NƯỚC.**

*Pháp thân Phật lại như hư không, cùng khắp tất cả chỗ. Ở cõi nước lớn thì có hư không lớn, ở cõi nước nhỏ thì có hư không nhỏ, tóm lại cõi nước lớn bao nhiêu thì hư không lớn bấy nhiêu, là bình đẳng, không có lớn có nhỏ.*

## **THÂN PHẬT THƯỜNG NGỰ KHẮP TẤT CẢ ĐẠO TRÀNG. TRONG TẤT CẢ ĐẠO TRÀNG CÓ VÔ SỐ BỒ TÁT OAI ĐỨC QUANG MINH NHƯ MẶT TRỜI MỌC CHIẾU SÁNG THẾ GIỚI.**

*Pháp thân của Phật thường đầy khắp pháp giới ngời khắp tất cả đạo tràng. Ở trong đạo tràng có vô số Bồ Tát, oai đức quang minh như ánh sáng mặt trời giữa trưa, chiếu làm cho mắt không thể mở được, lại giống như mặt trời vừa mới mọc lên, chiếu khắp thế giới.*

## **PHẬT TRONG BA ĐỜI TU HÀNH, PHƯỚC BÁU NHƯ BIỂN CẢ, HOÀN TOÀN THANH TỊNH.**

*Phật trong ba đời tích lũy phước báu nhiều như biển cả, đã hoàn toàn thanh tịnh không ô nhiễm. Phước báu mà chúng ta tu, chẳng phải tu trong một đời một kiếp, mà là tu trong nhiều đời nhiều kiếp. Tu phước thì tương lai sẽ có phước báu. Tu huệ thì tương lai sẽ có trí huệ. Tốt nhất là phước huệ đều tu thì tương lai phước huệ đều song toàn, nên nhớ : "Đừng cho rằng việc thiện nhỏ mà không làm, đừng cho rằng việc ác nhỏ mà làm". Việc thiện tuy nhỏ cũng phải làm, việc thiện nhiều là do tích tập từ ít mà thành. việc ác tuy nhỏ cũng đừng làm, đại ác là từ tiểu ác tu tập mà thành. Nên chú ý ! Phải luôn luôn tu phước tu huệ, mới có phước báu như biển cả. Ở trong phước có tu phước thanh tịnh, có tu phước ô nhiễm. Phật và Bồ Tát tu phước đều là thanh tịnh, nghĩa là Hằng hà sa số phiền não đều đã đoạn sạch.*

# KINH PHÁP HOA

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng

Việt dịch : Thích Minh Định

*(Tiếp theo kỳ trước)*

**G**ải thích tên "Diệu Pháp Liên Hoa" thì chữ thứ nhất là diệu. Chữ diệu quá rộng lớn, nói ngang nói dọc, nói xuôi nói ngược cũng đều diệu. Pháp của Đức Phật nói đều là diệu pháp, diệu pháp bao hàm tất cả cho đến Tam Tạng mười hai bộ đều bao quát ở trong diệu pháp.

Tam Tạng là tạng Kinh, tạng luật, tạng luận. Tạng Kinh là nói về định học, tạng luật là nói về giới học, tạng luận là nói về huệ học. Kinh luật luận bao hàm đạo lý vô lượng vô biên, vô cùng vô tận, mà công đức ở trong giới định huệ cũng vô cùng vô tận. Tức nhiên Kinh luật luận là diệu pháp, giới định huệ cũng là diệu pháp. Về giới định huệ bạn đã nghe qua rất nhiều, vậy thử hỏi cứu kính làm được tới đâu rồi ? Chúng ta nghe Phật pháp, không những phải minh bạch mà còn phải y theo pháp tu hành thì mới thật sự có sở đắc. Biết mà chẳng hành thì cũng như không biết. Tại sao ? Vì đó cũng như biết vật ăn là ngon, nhưng phải ăn thì mới thật sự thọ dụng. Phật pháp cũng như thế, biết một chút hành một chút thì đó mới là nhà thực hành. Nếu biết mà không hành thì đối với bạn, đối với Phật pháp chẳng ích gì, giống như người đá không khác, hình dáng tuy là người mà chẳng nói được, chẳng đi được.

Diệu gồm có tâm pháp diệu, chúng sinh pháp diệu và Phật pháp diệu. Phân ra mà nói thì có ba, hợp lại thì chỉ có một. Bất cứ phân ra hoặc hợp lại để giảng đều là diệu pháp. Ba là diệu pháp, một cũng là diệu pháp.

Tam tạng mười hai bộ. Tam tạng là Kinh, luật, luận, bao quát giới, định, huệ ba học vô lậu. Mười hai bộ Kinh là : 1. Khế Kinh, 2. Trùng tụng, 3. Phúng tụng, 4. Nhân duyên, 5. Bốn sự, 6. Bốn sanh, 7. Vị tăng hữu, 8. Ví dụ, 9. Luận nghị, 10. Tự thuyết, 11. Phương quảng, 12. Thọ ký. Tuy nhiên mười hai bộ Kinh ý nghĩa thâm sâu, nhưng chủ yếu là nhớ và hiểu rõ nghĩa lý của Phật. Phật pháp không nhất định chú trọng học vấn mà là

chú trọng chân thật hành trì. Lục Tổ Huệ Năng chưa từng đi học, chẳng biết chữ, thế mà Ngài giảng Kinh thuyết pháp. Vì Ngài chẳng biết chữ, khi giảng Kinh thì nhờ họ đọc Kinh văn, họ đọc một câu thì Ngài giảng một câu.

Pháp của Ngài nói hợp với ý của Phật, hợp với Phật pháp. Lục Tổ tuy không biết chữ mà giảng Kinh thuyết pháp, là vì đắc được tâm ấn của Phật tổ, diệu pháp dùng tâm ấn tâm, cho nên pháp của Ngài nói đều là diệu pháp. Lục Tổ đắc được tâm pháp của Ngũ Tổ, y bát của Ngũ Tổ được truyền cho Ngài, Ngài ở với thợ săn mười lăm năm, trong đoạn thời gian này, Ngài dụng công tu hành, khai mở đại trí huệ. Chúng ta người tu đạo nên nhớ đừng muốn mau, người xưa có nói : "Đừng muốn mau, muốn mau tất không thành". Dụng công tu hành cũng giống như bắn cung, căng quá thì gãy, chậm quá thì lỏng lẻo, đừng căng đừng chậm mới thành công. Do đó "Tiến lên nhanh chóng thì lùi cũng mau chóng". Ở bên Tàu có con phù du, sáng sinh thì chiều chết, sanh ra mau chết đi cũng nhanh. Cho nên chúng ta người tu đạo phải thật dụng công, ngàn vạn không thể đi lối tắt, cho rằng lối tắt của bàng môn tả đạo đi sẽ thành tựu nhanh hơn, nhưng thực tế thì họ chẳng đạt được mục đích. Chúng ta phải y chiếu lục độ vạn hạnh đại đạo mà tu hành, đó mới là diệu pháp. Trung đạo tức là diệu pháp, lìa xa trung đạo thì chẳng phải là diệu pháp.

Vào đời nhà Hán có hai người đều làm quan trong triều, một người là Viên An và người kia là Triều Thố. Viên An tìm cách giết hại Triều Thố, về sau Viên An xuất gia làm Hoà Thượng. Vì ông ta luôn luôn thấy quý, thấy hèn quý của Triều Thố muốn đến để giết ông ta, dù ban ngày hay ban đêm cũng thế, khiến cho ông ta cảm thấy chính mình đã làm việc sai lầm, do đó mà sám hối đi xuất gia. Sau khi ông ta xuất gia rồi thì chẳng còn thấy hèn quý nữa, mới quyết tâm dụng công tu hành. Vì một niệm sai lầm giết người mà xuất gia, cho nên ông ta hy vọng đời sau cũng muốn làm hoà thượng chứ chẳng muốn làm quan. Quả nhiên đời thứ hai ông ta trở

thành một đại Pháp Sư đi hoàng pháp khắp nơi, là một vị khổ tu hành chẳng tham danh lợi dưỡng. Đời này ông ta cũng chẳng thấy hồn quỷ của Triều Thố. Trải qua mười đời như thế, vì ông ta khổ công tu hành, có chút đạo đức, cho nên mỗi đời thân phận càng cao. Đến đời thứ mười một thì ông ta làm quốc sư, là thầy của hoàng đế. Hoàng đế thưởng cho ông ta chiếc ghế báu làm bằng gỗ trầm hương (đương thời gỗ trầm hương ở bên Tàu là một thứ gỗ quý trọng nhất, chỉ có hoàng đế mới ngồi ghế tạo bằng gỗ này). Khi quốc sư ngồi trên ghế báu thì tinh thần cảm thấy quá sung sướng, ông ta nghĩ : "Hiện tại trên đời Pháp Sư tôn quý được ngồi trên ghế báu này chẳng mấy vị, đây thật là tốt biết bao !".

Khi ông ta sinh một tâm niệm cống cao cho rằng hiện nay chỉ mình ta tôn quý trong thiên hạ, liền lúc đó oan hồn của Triều Thố mười đời về trước chưa siêu thoát nay đến tìm ông ta, đột nhiên trên đầu gối ông ta nổi lên mụn ghẻ mặt người, có miệng, mũi và biết nói, luôn luôn nói với ông ta : "Ông đừng nghĩ cách trốn tôi nữa, tôi đã theo ông mười đời, ông chưa đền mạng cho tôi". Quốc sư Ngô Đạt mắc phải bệnh mụn nhọt này, ngày đêm la đau, thật khó mà chịu đựng, dù tụng Chú Đại Bi, Chú Lăng Nghiêm và tụng Kinh cũng chẳng tiêu tội được, vì ông ta nghiệp quá nặng. Đó là do ông ta sinh một tâm niệm cống cao ngã mạn, cho nên thân hộ pháp cũng xa lìa, không bảo hộ nữa. Khi đó ông ta nhớ đến Tôn Giả Ca Nặc Ca, ông ta đã từng hầu hạ Tôn Giả, đương thời Tôn Giả toàn thân bị bệnh ghẻ chảy máu chảy mủ lại có mùi hôi thối. Quốc Sư Ngô Đạt vẫn hầu hạ Tôn Giả hết mình, rửa ráy thuốc thang phục dịch mọi việc, khiến cho Tôn Giả lành bệnh. Kỳ thật Tôn Giả Ca Nặc Ca chẳng phải thật có bệnh, Ngài thị hiện để độ Quốc Sư Ngô Đạt. Quả nhiên Quốc Sư đối tốt với Ngài, sau khi Tôn Giả lành bệnh mới nói với Quốc Sư : "Khi ông có nạn thì đến núi Trà Sơn ở Tứ Xuyên tìm ta, ta sẽ có biện pháp giải quyết". Lúc đó Quốc Sư Ngô Đạt bị mụn ghẻ mặt người chẳng cách chi trị được, bèn nhớ đến tìm Tôn Giả Ca Nặc Ca. Tôn Giả dùng nước tam muội tắm cho ông ta thì mụn ghẻ mặt người lành khỏi. Cho nên người tu đạo bất cứ như thế nào cũng đừng sanh tâm cống cao ngã mạn.

Ở trên đã giảng đại khái về ý nghĩa tâm pháp diệu. Bây giờ giảng về chúng sinh pháp diệu. Chúng sinh là gì ? Chúng sinh là các thứ nhân

duyên hòa hợp mà sinh, cho nên gọi là chúng sinh. Chúng sinh phân làm mười hai loài : Noãn sinh (sinh bằng trứng), thai sinh (sinh bằng thai), thấp sinh (sinh bằng ẩm ướt), hóa sinh (biến hóa sinh ra), hữu sắc, vô sắc, hữu tướng, vô tướng, phi hữu sắc, phi vô sắc, phi hữu tướng, phi vô tướng. Mỗi loài trong mười hai loài lại có đủ thứ sự khác nhau.

Ví như loài sinh bằng trứng, có loài biết bay, có loài chẳng biết bay. Loài biết bay lại có muôn ngàn loại khác nhau, không ai có thể biết rõ hết hoàn toàn. Bạn nói có diệu chăng ? Phân biệt không rõ ràng là diệu, phân biệt rõ ràng cũng diệu. Đó là loài sinh bằng trứng, còn loài bằng thai, sinh bằng biến hóa, bằng ẩm thấp v...v... cho đến tất cả chúng sinh cũng như thế.

Người là thai sinh, tất cả súc sinh cũng là thai sinh. Loài sinh bằng trứng như thế nào ? Trứng do tưởng mà sinh, vì có tưởng nghĩ có nên có sự sinh bằng trứng. Sinh bằng thai là do ái tình mà sinh. Ai ai cũng cho rằng ái tình là việc khoái lạc nhất, nhưng thực tế mặt trái của khoái lạc nhất là đau khổ nhất. Hiện nay tại nước Mỹ có rất nhiều người thức tỉnh về ái tình chẳng tự do, do đó thoát khỏi ái tình, đi đến bờ tỉnh thức. Một số thanh niên nam nữ, tùy tiện nói về ái tình, tùy tiện kết hợp rồi tùy tiện chia tay, nói rằng đó là tự do, kỳ thật đó là hiểu lầm tự do. Nam nữ đều chẳng kết hôn, không giữ quy củ, đó không những chẳng phải là tự do mà là làm lẫn trong sự làm lẫn. Tại sao ? Vì nếu kết hôn rồi tuy không tự do vẫn là con đường từ ngàn xưa. Nếu hiểu lầm ái tình, nói không kết hôn thì có thể tùy tiện, đó là muốn chết sớm một chút, muốn phá hoại thân thể của mình sớm một chút, thân thể mà đã bại hoại thì sẽ chết sớm một chút, tình hình này nếu mà không sớm cứu vãn thì tai họa sẽ không nhỏ, đó là nói về thai do tình mà có.

Bất cứ là người hoặc là súc sinh, vì súc sinh cũng có tình, tại sao chúng có tình ? Vì thứ tình này do điên đảo tập khí quá sâu từ vô lượng kiếp cho đến nay. Khi làm người thì tình dục quá nặng, cho nên bị đọa lạc vào súc sinh ; nếu trong đường súc sinh chưa thức tỉnh thì tình dục sẽ càng nặng, thì sẽ càng ngu si ám độn.

Thấp sinh và hóa sinh sinh ra như thế nào ? Cũng vì tâm dâm dục quá nặng. Bất cứ chúng sinh nào cũng vì có tình, do đó : "Nghiệp sạch tình không tức là Phật, nghiệp nặng tình mê là phàm phu". Ai bị tình làm mê là phàm phu, nếu bạn chẳng còn dính mắc về tình nữa xem nó là không tức là Thánh nhân.

Loài người và loài súc sinh đều có ngàn vạn khác biệt, song le cũng chẳng lìa khỏi diệu pháp này, đều bao hàm ở trong diệu pháp, cho nên chúng sinh pháp cũng là diệu pháp.

Bạn không nghiên cứu nó thì chẳng biết ra sao, nếu mà nghiên cứu thì mỗi loài đều có đạo lý của nó. Tại sao lại làm người ? Tại sao lại làm chó ? Tại sao lại làm heo ? làm bò ? Trong đó đều hàm tàng một diệu pháp. Đạo lý diệu pháp này chẳng dễ gì mình bạch được, không dễ dàng mình bạch tức là diệu pháp. Bạn nói tôi mình bạch được, mình bạch cũng là diệu pháp. Diệu pháp là một cảnh giới không thể nghĩ bàn, cảnh giới không thể nghĩ bàn này giống như ở trong phần chúng sinh.

Nói đến Phật pháp diệu, Phật pháp là gì ? Cái gì lại chẳng phải là Phật pháp ? Tất cả các pháp đều là Phật pháp. Phật có tất cả hết thấy các pháp, chẳng có gì mà chẳng phải là Phật pháp. Cứu kính có bao nhiêu ? Tổng quát lại thì có tám vạn bốn ngàn pháp môn. Trong tám vạn bốn ngàn pháp môn thì pháp môn nào diệu nhất ? Pháp môn nào cũng đều diệu nhất. Trước kia có người hỏi tôi : "Trong tám vạn bốn ngàn pháp môn, môn nào là số một ? là cao nhất ?" Tôi đáp : "Bạn cho rằng môn nào hợp với bạn thì pháp môn đó đệ nhất, cao nhất ; còn pháp môn nào chẳng hợp với bạn thì pháp môn đó thấp nhất". Phải xem căn tánh của bạn. Phật nói ra tám vạn bốn ngàn pháp môn là để đối trị tám vạn bốn ngàn bệnh của chúng sinh. Bệnh của bạn trị rồi thì pháp môn đó chẳng còn giá trị nữa. Nếu bệnh của bạn vẫn còn thì pháp môn đó có thể trị bệnh của bạn, thì pháp môn đó là đệ nhất. Cho nên tám vạn bốn ngàn pháp môn thì có tám vạn bốn ngàn đệ nhất, cũng có tám vạn bốn ngàn chương ngại và tám vạn bốn ngàn tối cao vô thượng.

Hiện tại giảng đến Phật pháp diệu, tức cũng có tám vạn bốn ngàn pháp diệu. Tại sao ? Vì là pháp bình đẳng chẳng có cao thấp, pháp pháp đều là toa thuốc. Bạn có bệnh gì thì uống thuốc đó, thuốc này dùng để trị bệnh của bạn, nếu lành bệnh thì thuốc hay, nếu bạn dùng lầm thuốc thì dù thuốc hay cũng biến thành thuốc độc.

Hôm nay có người hỏi tôi ăn thịt có thể khai ngộ chăng ? Tôi nói : "Nếu kẻ ăn thịt một lần nuốt được một con heo, một con dê hoặc một con bò, nếu có miệng lớn như thế thì có thể ; nếu không có miệng lớn như thế thì chẳng có ai bảo đảm có thể khai ngộ. Lục Tổ Huệ Năng sống với thợ săn

hơn mười năm, do đó Ngài ăn thịt, song Ngài ăn rau bên thịt. Vì Ngài sống với thợ săn, thợ săn họ dùng thịt làm thức ăn, nếu Ngài không ăn thịt thì chẳng có gì để ăn, về sau Ngài tự trồng chút ít rau cải cũng chẳng nấu riêng, Ngài bỏ rau vào trong nồi thịt, khi ăn Ngài vớt rau ăn, đó gọi là rau bên thịt. Lục Tổ Ngài ăn rau bên thịt, vì Ngài là người đã khai ngộ thành Phật, thì Ngài ăn thịt, ăn gì cũng có thể được. Chúng ta chẳng có trí huệ đức hạnh như Ngài Lục Tổ, chẳng khai ngộ, mà cứ tham ăn hưởng thụ, ăn vật ngon vào trong bụng cũng biến thành bản thủ, chẳng có ý nghĩa gì hết". Tâm của chúng ta có thể đến mười pháp giới. Mười pháp giới không ra ngoài một niệm tâm hiện tiền. Ví như chúng ta sinh một tâm niệm ác thì trồng xuống nhân địa ngục, sinh một niệm ác nữa thì trồng xuống nhân ngạ quỷ, sinh một niệm ác ghét hận thì trồng xuống nhân A Tu La, sinh một niệm ác ngu si thì trồng xuống nhân súc sinh. Bạn sinh một niệm thiện thì sẽ sinh vào loài người, nếu sinh tâm giữ năm giới, tu mười điều lành thì sẽ sinh về cõi trời. Nếu như phát tâm tu hành khổ tập diệt đạo Tứ Diệu Đế thì trồng nhân Thanh Văn. Bạn phát tâm tu lục độ vạn hạnh thì trồng nhân Bồ Tát. Bạn phát tâm tu trì tất cả Phật pháp, hy vọng thành Phật thì đó là trồng nhân Phật.

Phật, Bồ Tát, Duyên Giác, Thanh Văn, trời, người, A tu la, súc sinh, ngạ quỷ, địa ngục là mười pháp giới. Phật, Bồ Tát, Duyên Giác, Thanh Văn là bốn pháp giới của bậc Thánh. Trời, người, A tu la, súc sinh, ngạ quỷ, địa ngục là sáu pháp giới của phàm phu, hợp lại là mười pháp giới. Mười pháp giới là từ một niệm tâm hiện tiền của chúng ta tạo thành, cho nên nói tâm pháp diệu. Nếu tâm pháp không diệu thì chúng sinh pháp cũng không diệu ; chúng sinh pháp không diệu thì Phật pháp cũng không diệu. Vì tâm pháp diệu cho nên chúng sinh pháp cũng diệu, Phật pháp cũng diệu. Mười phương chư Phật cũng chẳng vượt ra một tâm niệm hiện tiền, mười phương các Bồ Tát cũng chẳng vượt ra một tâm niệm hiện tiền của chúng ta ; cho đến mười phương các Duyên Giác, Thanh Văn cũng chẳng vượt ra một tâm niệm hiện tiền của chúng ta. Thậm chí trời, người, A tu la, súc sinh, ngạ quỷ, địa ngục cũng chẳng vượt ra một niệm tâm hiện tiền.

Nói đến chữ tâm, người xưa có nói mấy câu rằng :

"Ba chám bày như sao,  
Uốn cong tợ trăng non,  
Mang lông từ đây khởi,  
Làm Phật cũng do nó".



*(còn tiếp)*

# CHÚ LĂNG NGHIÊM

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng  
Việt dịch Thích Minh Định

Tiếp theo kỳ trước

**C**hú Lăng Nghiêm là vua trong các Chú, cũng dài nhất trong các Chú. Chú này quan hệ đến sự hưng suy của Phật Giáo. Nếu trên thế giới không còn người nào tụng Chú Lăng Nghiêm thì thế giới sớm sẽ huỷ diệt. Vì trên đời không có chánh pháp, chỉ có Kinh Lăng Nghiêm và Chú Lăng Nghiêm là quan trọng nhất trong chánh pháp. Kinh Lăng Nghiêm mà nói là vì Chú Lăng Nghiêm, là giải thích Chú Lăng Nghiêm, khen ngợi Chú Lăng Nghiêm. Trong Kinh Lăng Nghiêm có đoạn Kinh nói về kết pháp đàn rất tử mỉ. Muốn biết tử mỉ thì xem Kinh Lăng Nghiêm.

Chú Lăng Nghiêm gọi là Phật đánh quang minh, là trên đỉnh hoá thân của Phật nói. Cho nên là vi diệu không thể nghĩ bàn. Mỗi câu có lối dùng của mỗi câu, mỗi chữ đều có áo diệu của mỗi chữ, đều không thể nghĩ bàn. "Phật đánh quang minh" tức là biểu thị sức lực của Chú, phá trừ hết thảy đen tối, thành tựu hết thảy công đức. Nếu bạn tụng trì Chú Lăng Nghiêm thì tương lai nhất định sẽ thành Phật, nhất định được vô thượng chánh đẳng chánh giác. Nếu thường tụng niệm Chú Lăng Nghiêm thì sẽ tiêu trừ nghiệp chướng đời quá khứ. Đây là diệu dụng của Chú Lăng Nghiêm. Sao gọi là "Vô"? Vì cao minh vô cực. Quang minh đến cực điểm rồi thì không có gì siêu qua quang minh này. "Thượng" là tôn thượng chẳng gì bằng, không có gì có thể so sánh tôn quý cao thượng bằng. "Thần" tức là không thể nghĩ bàn, cũng là oai linh không thể dò được. "Chú" tức là cảm ứng đạo giao, có một sức mạnh. Bạn niệm Chú thì có cảm ứng.

"Phật đánh quang minh Ma Ha Tát Đát Đa Bát Đát La Vô Thượng Thần Chú". Phật đánh quang minh như cây lọng lớn che chiếu khắp hết thảy những người trì tụng Chú. Trên đây là đại khái ý nghĩa về tên gọi.

**TÔN CHỈ DỊCH CHÚ**

"Phiên dịch Kinh Chú gồm có bốn cách". Phương pháp phiên dịch Kinh Chú có bốn nguyên tắc. Thứ nhất: "Âm chữ đều dịch, như Kinh văn vậy". Âm cũng dịch, chữ cũng dịch, tức là hết thảy tất cả Kinh văn. Thứ hai: "Âm chữ đều không dịch, Kinh sách bằng tiếng Phạn". Âm là Phạn âm, chữ là chữ Phạn, tức là Kinh điển bằng Phạn văn. Thứ ba: "Dịch âm không dịch chữ, chữ vạn vậy". Như chữ vạn, chỉ dịch âm của nó. Thứ tư: "Dịch chữ không dịch âm, các Chú ngữ vậy". Dịch chữ thành văn tiến Trung Hoa, nhưng âm là âm tiếng Phạn. Tất cả các Chú đều là một loại này, dịch sang tiếng Anh cũng giống nhau, chữ là chữ Anh văn, nhưng âm là âm tiếng Phạn. Bây giờ nói là loại thứ tư này, dịch chữ không dịch âm.

"Lại có năm loại không dịch".

1. "Bí mật: Là các Chú vậy". Người khác không biết, rất bí mật, làm sao có thể dịch? Chú ngữ mà dịch ra thì không còn bí mật nữa. Bí mật như thế nào? Trong một câu bao hàm nhiều ý, rất nhiều sức lực, rất nhiều cách dùng, cho nên không dịch.

2. "Đa hàm: Bạt già lục nghĩa": Một câu bao hàm rất nhiều ý nghĩa, cho nên không dịch. Ví như "Bát Nhã", gồm có văn tự Bát Nhã, quán chiếu Bát Nhã, thật tướng Bát Nhã, ba ý nghĩa, cho nên không dịch. Và ví như Bạt Già Phạm có sáu ý nghĩa, cho nên không dịch. Sáu ý nghĩa là: Thứ nhất: Tự tại, tức là không nói dối. Khi nói dối thì tâm theo đuổi bên ngoài, cho nên không được tự tại. Thứ hai: Xí thanh, tức là quang minh xí thanh, chẳng phải là năm uẩn xí thanh. Thứ ba: Đoan nghiêm: Đoan chánh oai nghiêm, trang nghiêm. Thứ tư: Danh xưng. Thứ năm: Cát tường. Thứ sáu: Tôn quý.

3. "Bổn vô. Như Diêm Phù thụ". Tại Trung Quốc vốn không có cây Diêm Phù, nếu dịch ra thì không ai hiểu, cho nên giữ nguyên cây Diêm Phù.

4. "Thuận cổ. Như A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề". Tức là người xưa dịch ra không sai. A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề nghĩa là vô thượng chánh

đăng chánh giác. Tôn trọng người xưa phí nhiều tâm huyết dịch ra. Chúng ta không nên tiêu tân lập dị làm ra cái mới, nói rằng tôi giỏi hơn người xưa.

5. "Sinh thiện. Bát Nhã tôn trọng": Hay sinh ra đủ thứ pháp lành, cho nên cũng không dịch. "Kim thuộc đệ nhất" : Hiện nay thuộc về thứ nhất bí mật không dịch.

"Chánh mạch vân. Hiền giáo. Như thọ phương hiền thuyết. Mật Chú. Như thọ dược mật trị": Kinh cũng như toa thuốc, rất minh hiển. Mật Chú giống như liều thuốc, một liều thuốc đó, trị chứng bệnh đó, đến thời tự nhiên sẽ có sức lực đó, bạn không dễ gì biết được, cho nên gọi là mật trị. "Nghĩa khai tam lược. 1. Lý pháp lược. Dùng một chữ bao hàm vô biên diệu lý, như nguyên hưởng lợi trình. 2. Oai đức lược. Tam bảo Thần Thánh gọi là đức lược đại. Như vương thần thanh thế. 3. Thực ngữ lược": Mật Chú có ba thứ lược. 1. Lý pháp lược : Đạo lý không có bờ mé, cho nên trong một chữ bao hàm vô lượng vô biên đạo lý vi diệu. Như Kinh Dịch có nói : "Nguyên hưởng lợi trình", bốn chữ, tức bao quát trong bát quái có rất nhiều nghĩa lý. 2. Oai đức lược : Sự oai đức đại chúng. Phật Pháp Tăng Tam Bảo Thần Thánh gọi là xưng phổ văn, công đức cũng lớn, sức lực cũng lớn, đủ đại oai đức. Giống như quốc vương đại thần đủ đại thanh thế. 3. Thực ngữ lược.

"Chân ngôn chú nguyện. Siêu phạm nhập Thánh. Như chiếu sắc kế cực": Chúng ta niệm chân ngôn chú nguyện cho người, nguyện cho bạn được hết thảy cát tường bình an. Vì ở đây không có vọng ngôn, cho nên gọi là chân ngôn. Giống như chân ngôn trong 42 Thủ Nhân đều là chú nguyện, như nguyện cho bạn được siêu phạm nhập Thánh, sớm thành quả Thánh. Chân ngôn lại như chiếu thư hoặc sắc lệnh của hoàng đế, kêu bạn làm gì thì làm cái đó. Kế cực tức là thừa kế ngôi vua, làm hoàng đế.

"Trường thủy diệp vân. Tự cổ bất phiến. Lược có ngữ ý": Pháp Sư Trường Thủy nói từ xưa không dịch đại lược có năm ý nghĩa. 1. "Chư Phật mật ngữ, dư Thánh nan thông": Những lời chư Phật nói, ngoài Thánh Hiền ra, đều không có ai hiểu được. 2. "Chư Phật mật ấn, như vương ấn tín": Tâm ấn bí mật của chư Phật giống như ấn tín của vua. 3. "Tổng trì pháp môn, Bà Già lược nghĩa": Hay nhiếp tất cả các pháp, trì vô lượng nghĩa, tức cũng như Bát Già có sáu nghĩa. 4. "Quý thần

vương danh, hồ sắc tự hộ" : Tên của quý thần vương, kêu chúng đến thủ hộ gia trì. 5. "Bất tư nghi lược, xá tội thọ thức": Tội nghiệp đều được xá miễn, gọi chúng đến nhận chút chức vụ, làm việc. "Cò Sơn viết. Chư Kinh mật Chú, liệt giai bất phiến": Pháp Sư Cò Sơn nói, chiếu quy cụ của các Kinh mật Chú thì không nên dịch.

"Tự cô nhân sư, đa hữu di thuyết, Thiên Thai hội chi, bất xuất tứ tất": Tất cả các Pháp Sư thời xưa đều thuyết pháp không giống nhau. Tông Thiên Thai tổng quát lại những sự thuyết pháp không ra ngoài bốn tất đàn.

"Nhứt vân chú giả, quý thần vương danh. Xưng kỳ vương hiệu, bộ lạc kính chủ, bất cảm vi phi, thủ thế giới hoan hỉ ích dã": Trong Chú có tên của các quý thần vương. Như trong Chú Lăng Nghiêm có rất nhiều tên quý thần vương, như quý Cư Bàn Trà, Tỳ Xá Già. Bạn gọi tên đại quý vương thì tiểu quý vương vì cung kính quý vương, cho nên không dám làm càn, đều giữ quy cụ. Đây là thế giới tất đàn, khiến cho hết thảy mọi người trên thế gian đều được lợi ích vui vẻ.

"Nhị vân chú giả, như quân trung mật hiệu, tương ung vô sở ha vấn, không tương ưng tức chấp trị, thị vi nhân sinh thiện ích dã": Lại như trong quân đội, mỗi ngày đều có khẩu lệnh, từ lệnh của quan phát ra thì binh lính ở dưới đều biết. Ban đêm trên đường trở về, nếu gặp nhau mà không nhận ra, liền hỏi khẩu lệnh. Hoặc đáp "thiên" hoặc đáp "địa". Nếu đáp đúng thì chẳng có việc gì. Nếu trả lời sai thì sẽ có chuyện. Bạn không thể hỏi kẻ khác khẩu lệnh là gì. Nếu bạn đáp đúng thì không trách phạt bạn. Nếu đáp không đúng thì bắt bạn trị tội. Đây là vì sinh thiện ích vậy.

"Bí mật của Chú hay tiêu trừ tội nghiệp, nhưng người không biết, cũng giống như kẻ địch trốn ra nước khác, lường gạt người nói tôi là thái tử của nước nọ. Vua tin lời, bèn gả công chúa cho y. Y như kẻ bần cùng bỗng nhiên giàu có, ra về ta đây, rất là sân hận, cái này cũng không đúng, cái kia cũng không đúng, khắp thân đều nóng giận, rất khó phục dịch. Có một người biết lai lịch của y, bèn giả mượn một bài kệ nói y. Bài kệ này trước đã nói qua, nhưng mọi người đều quên mất, tôi làm lại một bài kệ :

"Không đức đi nước khác  
Lường gạt thảy mọi người  
Vốn là kẻ bần cùng  
Sao lại quá sân hận".

Không có đức hạnh chạy đi đến nước khác, lường gạt hết thầy mọi người. Bốn lai là một kẻ bần cùng, hà tất quá sân hận. Đọc bài kệ này cho y thì y liền lão thực, bảo cho mọi người đều biết bí mật của y, thì y không giận nóng giận, đây là đối trị tập quán kẻ ác, làm cho chừa bỏ tập quán ác".

"Chú là ngôn ngữ bí mật của chư Phật, chỉ có Phật mới biết đạo lý của Chú. Cũng như ông vua muốn Tiên-đà-bà. Tiên đà bà là gì ? Là muối, nước, khí, ngựa đều là tiên đà bà. Vua muốn tiên đà bà thì chẳng ai biết vua muốn gì, chỉ có quan là người có trí huệ mới biết. Ví như lúc vua ăn cơm thì muốn Tiên đà bà, ông quan có trí liền biết là muốn muối, ăn cơm xong lại muốn Tiên đà bà, tức là muốn nước rửa tay và xúc miệng. Khi vua muốn đi du hành thì muốn Tiên đà bà, tức là ngựa, cho nên nói bốn thứ này cùng một tên gọi. Muốn xem vua lúc nào muốn gì thì phải biết cơ. Cho nên nói chỉ có ông quan có trí mới biết. Chú cũng như thế, một câu Chú có rất nhiều ý nghĩa, quý thần đều biết. Chỉ có một câu Chú mà bao hàm rất nhiều nghĩa lý, rất nhiều sức lực. Sức lực gì ? Là trị hết bệnh, giải độc, tiêu trừ nghiệp chướng, còn có thể sinh thiện, hợp làm một với đạo, khôi phục thiên lý vốn có".

"Chú có bốn điều lợi ích, cũng giống như tiên đà bà. Một lời có đủ bốn nghĩa. Bốn điều lợi ích là đối trị tất đàn, phá ác tất đàn, nhập lý tất đàn, sinh thiện tất đàn, như đã nói ở trên.

Chú Lăng Nghiêm rất hiếm có, là pháp hội khó gặp được. Nhưng các bạn ở tại đây nghe Chú Lăng Nghiêm, một bên thì nghe, một bên thì ngủ, không những chính mình chẳng đắc được thọ dụng, còn người khác cũng ngồi đó khởi vọng tưởng, đó là hành vi không cung kính pháp. Nếu như bạn học pháp mà không nghe lời thầy thì đó là trộm pháp. Lúc bạn nghe pháp mà không chú ý nghe, ngủ gục, đó gọi là khinh mạn pháp. Khinh mạn pháp và trộm pháp đều không hợp pháp. lúc các bạn nghe pháp nghĩ muốn buồn ngủ, thì có thể uống ly cà phê trước khi đến nghe. Uống ly cà phê, hoặc một ly trà, chớ đừng đến đây chịu không nổi, rồi ngủ tại đây, đánh cờ với Chu Công. Đó là làm cho thời gian trôi qua lãng phí, bỏ mất cơ hội. Bạn phải biết, bạn đến giảng đường này là vì pháp mà đến, không phải vì ngủ mà đến, cũng không phải vì ăn mà đến. Tức nhiên vì pháp mà đến thì phải được một chút pháp, đừng lụy tôi lãng phí nhiều khí lực, bạn nhập tam

muội ngủ tại đó, rất tự tại, rất đoan nghiêm, rất cát tường cũng rất tôn quý, đều bao quát sáu nghĩa Bát Già Phạm. Như vậy chẳng tốt chút nào. Cho nên tôi hy vọng những người ngủ lúc nghe giảng Kinh thì phẩn chấn tinh thần lại, đừng ngủ nhiều như thế.

"Pháp Sư Vu Khê nói : Tên của các quý thần vương như : Tỳ Xá Già, Cựu Bàn Trà tức là quý ứng hình, yết la ha .v.v. , đợi khi giảng đến Chú thì sẽ nói rõ. Và hội (đệ) đầu tiên Bà Già Bà Đế .v.v. đều là tên của chư Phật Bồ Tát, khiến cho người nghe đến đều cảm kích thâm ân của Phật Bồ Tát. Và cuối hội (đệ) đầu tiên Bát Đà La, Thương Yết La Chế Bà .v.v. đều là tên của Kim Cang Mật Tích, khiến cho hết thầy thiên ma ngoại đạo, quý li mị vọng lượng nghe đến thì sinh tâm sợ hãi, đó đều là những sự hoan hỉ ích lợi. Và cuối mỗi hội, hoặc như mật lệnh trong quân đội, hoặc trong sự tịch mặc che lấp sự xấu ác, hoặc là lời bí mật của chư Phật, đâu chẳng phải là muốn khiến cho người nghe Chú Lăng Nghiêm, người trì tụng Chú Lăng Nghiêm hoan hỉ sinh thiện, tiêu trừ ác nghiệp, khôi phục bản thể thiên lý. Cho nên hoặc hiển nói hoặc mật nói đều lợi ích chúng sinh giống nhau".

"Pháp Sư Trường Thủy nói : Trước Đát Địch Tha (trước tâm Chú) đều là quy mạng chư Phật Bồ Tát, Hiền Thánh, hoặc là chú nguyện gia bị, xa lìa các ác quý bệnh lìa khổ được vui .v.v. , đến chữ Ân mới nói tâm Chú. Tâm Chú này đều là bí mật của Thủ Lăng Nghiêm đại định. Từ xưa đến nay đều là bí mật không dịch.

"Trong Bồ Di nói : Mật ngữ tại địa vị Thánh nhân, chúng ta phàm phu tục tử làm sao hiểu đặng ? Tuy nhiên lại phiên dịch thành tiếng Trung Hoa, cũng chẳng hiểu được nghĩa lý của nó. Như điển ngữ, danh vật, nhưng người sau nghe chẳng biết chỉ cái gì ? Đây giống như người nói lời văn nhã, gọi bò là "đại vũ", gọi dê là "nhu mao" ; nói "thanh dịch" là chỉ nước, nói "thanh chúc" là chỉ rượu. Người không có học vấn thì chẳng hiểu là nói cái gì ? Giống như bây giờ tôi nói ra bạn mới biết, nếu tôi không giảng thì bạn cũng chẳng biết đại vũ, nhu mao, thanh dịch, thanh chúc là gì ? Nói các thứ hiển mật cũng như vậy.

"Ở trước nói đều là nói dụng ý bí mật không dịch. Bây giờ lại có người nói cổ đức cũng có phiên dịch chú ngữ, như Tôn Giả Trúc Pháp Hộ trong Chú Chánh Pháp Hoa Đà La Ni dịch văn lại dịch âm. Và trong Kinh Trì Tâm Phạm Thiên Sở Vấn Chú Ngữ cũng đều phiên dịch thành tiếng Trung Hoa, bất quá

*bản dịch này không chính thức lưu truyền, do đó  
rất ít người biết.*

*(Còn tiếp)*

# CHÚ ĐẠI BI

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng  
Việt dịch Thích Minh Định

Tiếp theo kỳ trước

## 14. Tát Bà A Tha Đâu Du Bằng.

*Cam lồ quán đánh hoạch thanh lương  
Phổ cứu quần manh đắc an Khang  
Lục đạo tứ sinh thành lợi lạc  
Từ bi hỉ xả trợ Pháp Vương.*

Tạm dịch :

*Cam lồ quán đánh được mát mẻ  
Khắp cứu quần sinh được an Khang  
Sáu nẻo bốn loài đều lợi lạc  
Từ bi hỉ xả giúp Pháp Vương.*

**C**âu Chú này phải chia ra ba câu để đọc, vì câu Chú này có ba ý nghĩa khác nhau.

"Tát Bà": là tiếng Phạn, dịch là 'tất cả'. Tất cả ở đây nghĩa là "bình đẳng", do đó "Tát Bà" tức là nói "tâm bình đẳng".

"A Tha Đâu": Cũng là Tiếng Phạn, dịch là "giàu sướng không nghèo". Giàu là giàu có, sướng là sung sướng. Tại sao giàu có sung sướng ? Vì không nghèo. Đó là một lối dịch. Còn có một lối dịch khác là "như ý bất diệt". Như ý tức là bạn nghĩ gì thì theo ý của bạn mà thành tựu ; bất diệt, nghĩa là thành tựu theo như ý, vĩnh viễn không tiêu diệt. Ở trong mười thứ tâm này, là nói về "tâm vô vi". Tâm vô vi này tức là giàu sướng không nghèo, cũng là như ý bất diệt.

"Du Bằng": Cũng là Tiếng Phạn, dịch ra là "nghiêm tịnh vô ưu". Nghiêm tức là trang nghiêm ; tịnh là thanh tịnh. Tức trang nghiêm lại thanh tịnh, thanh tịnh lại trang nghiêm, cho nên chẳng có ưu sầu. Nghĩa là nói về "tâm vô kiến thủ", kiến thủ là thuộc về một trong năm lợi sử, bạn nhìn thấy thì trong tâm có sự thủ trước nên gọi là tâm kiến thủ.

## 15. A Thệ Dạng.

*Dạ Xoa Thiên Vương phi hổ bì  
Thường thiện phật ác chung hiểm cấp*

*Tuần hành tứ phương ký công quả  
Chủ trì công đạo bình đẳng tề.*

Tạm dịch :

*Dạ Xoa Thiên Vương khoác da cạp  
Thường thiện phật ác lúc nguy cấp  
Tuần tra bốn phương ghi tội phước  
Chủ trì công đạo giữ công bằng.*

"A Thệ Dạng": Cũng là Đại Phạm Thiên, dịch ra là nghĩa gì ? Tức là "pháp vô tỷ", pháp này chẳng có pháp nào sánh với nó. Còn gọi là "giáo vô tỷ", giáo này cũng chẳng có tôn giáo nào có thể sánh được. Trong mười thứ tâm thì thuộc về "tâm thấp kém", thấy ai cũng đều khiêm cung hòa mục và "tâm chẳng tạp loạn". Pháp này là pháp thanh tịnh chẳng nhiễm ô, tức cũng là Bát Nhã tâm pháp của Bồ Tát Quán Thế Âm. Chiếu theo Kinh Đại Bi Đà La Ni mà nói thì mười thứ tâm này là tướng mạo của Đà La Ni. Cho nên chúng ta hãy chiếu theo Kinh Đà La Ni để tu hành, chiếu theo Kinh Đà La Ni để thành đạo chứng quả.

## 16. Tát Bà Tát Đa, Na Ma Bà Tát Đa, Na Ma Bà Già.

*Quán Âm hoá hiện thân thần vương  
Thiên thủ pháp bảo diệu nan cùng  
Xà kế hắc diện phục yêu quái  
Chánh pháp cứu trụ nguyện hồng thâm.*

Tạm dịch :

*Quán âm hoá hiện thân thần vương  
Ngàn tay Pháp bảo diệu nan lường  
Xà kế mặt đen phục yêu quái  
Chánh pháp cứu trụ nguyện thâm sâu.*

"Tát Bà Tát Đa" là tiếng Phạn, dịch là "Bồ Tát Đại Thân Tâm". "Na Ma Bà Tát Đa" cũng là tiếng Phạn, dịch là "Đồng Trinh Khai Sĩ". Đồng Trinh Khai Sĩ là gì ? Tức cũng là một tên khác của Pháp Vương Tử. Phật là Đấng Pháp Vương, Bồ Tát là con của Đấng Pháp Vương. Đồng

Trình, tức là "bản tính". Khai Sĩ cũng là tên khác của Bồ Tát; Bồ Tát có khi gọi là Đại Sĩ, có khi gọi là Khai Sĩ. Bồ Tát nhập vào Phật vị, cho đến Bồ Tát Thập Địa cũng đều gọi là Pháp Vương Tử.

"Na Ma Bà Già": Na Ma cũng là tiếng Phạn, dịch là "Vô Đẳng Đẳng Chú". Trong Tâm Kinh có phải có "Vô Đẳng Đẳng Chú" chăng? Vô đẳng tức là chẳng có gì có thể bình đẳng được với Ngài, Ngài là ai? là "Bà Già". Bà Già cũng là tiếng Phạn, dịch là "Thế Tôn", tức cũng là mười phương chư Phật.

## 17. Ma Phạt Đạt Đậu.

Thiện nhân hoan hỉ ác nhân bố  
Ưu khổ viễn ly vạn bệnh sưu  
Phật nhãn quán sát biến pháp giới  
Kim luân thời diệt nhất thiết ma.

Tạm dịch :

Người thiện vui mừng kẻ ác sợ  
Lo khổ xa lìa bách bệnh khởi  
Phật nhãn quán sát khắp pháp giới  
Kim Luân phá tan các loại ma.

"Ma Phạt Đạt Đậu" là tiếng Phạn, dịch là "thiên thân thế hữu". Ý nghĩa câu Chú này là Bồ Tát gia bị cho ta, hộ trì ta, làm thiên thân với ta; thế hữu là bằng hữu thế gian, thành tựu tất cả các pháp, hết thấy tất cả các pháp lành đều có thể thành tựu. Câu Chú này là cầu chư Phật Bồ Tát đến gia hộ cho mình.

## 18. Đát Diệt Tha, Ân.

Xuất quảng trường thiết biến tam thiên  
Quán Âm thị hiện hoá nữ nam  
Ứng cúng sát tặc A La Hán  
Tự lợi lợi tha giác hạnh viên.

Tạm dịch :

Thè lưới rộng dài khắp tam thiên  
Quán Âm thị hiện cứu nam nữ  
Ứng cúng giết tặc A La Hán  
Lợi mình lợi người giác hạnh tròn.

"Đát Diệt Tha" lại là tiếng Phạn, dịch ra là gì? Tức là trong Tâm Kinh có nói "Tức Thuyết Chú Viết". Tức Thuyết Chú Viết tức là Đát Diệt Tha; Đát Diệt Tha cũng là Tức Thuyết Chú Viết, nghĩa là Chú ấy nói rằng. Đát Diệt Tha lại dịch là "sở vị". Đây là Bồ Tát Quán Thế Âm dùng tâm đại bi nói ra Chân Ngôn (bài Chú) này, nói

ra Chú chữ Phạn này, lại nói ra đủ thứ thủ ấn (dùng tay kết ấn), lại nói ra trí nhân này (Ngài làm mất trí huệ cho chúng sinh). Đó đều là đủ thứ pháp môn. Đát Diệt Tha tức cũng cần nói đủ thứ pháp môn này. Phải nói đủ thứ trí nhân, cho nên dịch là "sở vị" (điều muốn nói)

"Ân" : Ở trên đã giảng rồi. Bạn đọc chữ Ân này thì tất cả quỷ thần đều chấp tay cung kính, nghe hiệu lệnh của bạn. Chữ Ân này sinh ra những ý nghĩa dưới đây.

## 19. A Bà Lô Hê.

Quý thần cung kính thỉnh phạm âm  
Tam mục đồng tất chúng sinh tâm  
Nhất thiết cầu nguyện giai thành tựu  
Vạn hạnh đồng nhập Bát Nhã môn.

Tạm dịch :

Quý thần cung kính nghe Phạm âm  
Ba mắt thấu suốt tâm chúng sinh  
Tất cả nguyện cầu đều thành tựu  
Vạn hạnh cùng vào môn Trí huệ.

"A Bà Lô Hê" cũng là tiếng Phạn, dịch là "Quán Âm". A Bà Lô Hê tức là Quán Âm; Quán Âm cũng là A Bà Lô Hê, tôi tin rằng A Bà Lô Hê tức là Avalokite, âm cũng gần giống nhau.

Quán âm là gì? Tức là quán âm thanh thế gian. Dùng gì để quán? Ngài dùng trí huệ để quán sát tất cả âm thanh thế gian. Âm thanh thế gian có rất nhiều thứ, Bồ Tát Quán Âm quán âm thanh khổ của thế gian, âm thanh bi của thế gian, âm thanh thọ nạn của mọi người ở thế gian, cho nên gọi là Quán Âm.

## 20. Lô Ca Đế.

Đại Phạm Thiên Vương suất thân binh  
Thập phương Bồ Tát đồng hiện thân  
Độ thoát chúng sinh xuất khổ hải  
Tốc chúng bỉ nạn tịch diệt thành.

Tạm dịch :

Đại Phạm Thiên Vương đem thân binh  
Mười phương Bồ Tát cùng hiện thân  
Cứu độ chúng sinh thoát biển khổ  
Mau chúng tịch diệt đến bờ kia.

"Lô Ca Đê" cũng là Tiếng Phạn, dịch ra là "Quán Tự Tại", lại dịch là "Thế Tôn". Hợp lại với câu Chú ở trên là "Quán Âm Tự Tại".

(còn tiếp)



# ĐẠI TRÍ ĐỘ LUẬN

Tác giả Bồ Tát Long Thọ

Viết dịch : Hoà Thượng Thích Trung Quán

Tiếp theo kỳ trước

**T**rong Phật pháp là vứt bỏ tất cả yêu, tất cả kiến, tất cả mình, kiêu mạn, cắt đứt không đấm nhiễm, như Kinh Phiệt Dụ nói : Các ông muốn giải được pháp Phiệt Dụ của ta thì pháp lành còn phải xả, huống chi là pháp chẳng lành ! Phật tử ở Bát Nhã Ba La Mật không niệm, không trụ, huống chi pháp khác mà có trụ, trước (đấm nhiễm). Cho nên ở đầu gọi là "Nhu Thị". Ý Phật như thế, đệ tử không yêu pháp, không nhiễm pháp, không bè đảng, chỉ cầu ly khổ, giải thoát, không có lý luận, các pháp tướng, như thuyết A Đà Bà Kỳ Kinh, Ma Kiện Đề gạn kệ rằng :

Quyết định trong các pháp !  
Càng sinh hết thấy tướng  
Tất cả trong ngoài diệt  
Làm sao được đắc đạo ?

Phật đáp kệ rằng :

Chẳng kiến, văn, giác, tri !  
Chẳng trì giới mà được  
Cũng chẳng chẳng thấy nghe  
Chẳng phải chẳng trì giới được  
Như thế luận xả hết  
Cũng bỏ ngã, ngã sở (ta, của ta) !  
Không thủ các pháp tướng  
Như thế sẽ đắc đạo.

Ma Kiện Đề hỏi rằng :

Nếu chẳng thấy nghe thấy  
Chẳng trì giới mà đắc  
Cũng chẳng phải chẳng thấy nghe  
Chẳng phải chẳng trì giới mà được  
Như tâm tôi quán sát  
Trì tâm pháp đắc đạo !

Phật đáp rằng :

Ông nương cửa tà kiến  
Ta biết ông đạo si  
Ông chẳng thấy vọng tưởng  
Người máy thời tự tâm !

Lại nữa, cho rằng pháp mình chân thật, pháp người vọng ngữ, pháp mình nhất, pháp người chẳng thật,

đó là gốc đầu tranh. Nay như nghĩa ấy, chỉ bảo người pháp không tranh cãi, nghe người ta nói, nói người không lỗi, nên các Kinh Phật đều gọi là "Nhu Thị".

Lược nói chữ "Nhu Thị" xong, nay xin giải về chữ "ngã" (tôi).

**Hỏi :** Trong Phật pháp nói tất cả pháp đều không, không có ngã (ta), tại sao nơi đầu Kinh có câu "Nhu thị ngã văn" (Tôi nghe như vậy) ?

**Đáp :** Đệ tử Phật tuy biết vô ngã, nhưng tùy thế tục mà gọi ngã, không thật là ngã ! Ví như lấy tiền vàng mua tiền bằng đồng, người ta không cười vì phép mua bán như vậy. Cũng thế, ở trong pháp vô ngã mà nói ngã là tùy thế tục, không phải là việc khó. Như trong Thiên vấn, kệ nói rằng :

A La Hán Tỳ Kheo !  
Các lậu đã hết lâu  
Ở bên thân rốt sau  
Hay nói ta mình chẳng ?

Phật đáp :

A La Hán Tỳ Kheo  
Các lậu hết đã lâu  
Ở bên thân rốt sau  
Hay nói có ta mình !

Trong pháp thế gian nói ngã không phải đệ nhất nghĩa, bởi thế các pháp không, vô ngã, mà nói ngã không có lỗi.

Lại nữa, trong lời nói ở đời có ba căn bản : Tà (sai), mạn (ỷ hơn người) và danh tự (chỉ có tên thôi), trong đó hai thứ bất tịnh, một thứ tịnh. Người phạm đủ cả ba. Người học đã thấy đạo còn hai : Mạn và danh tự. Người đã hết lậu (không còn rơi vào vòng sống chết), chỉ dùng có một lời : Danh tự ! Nội tâm tuy không trái thực pháp mà tùy theo đời cùng dùng lời ấy, không tranh cãi.

Lại nữa, có người khó tính, chấp trước tướng vô ngã là thật, còn lại là vọng ngữ, hỏi rằng trong pháp thật tướng vô ngã tại sao lại nói "Như thị ngã văn" ?  
Đệ tử Phật biết tất cả pháp đều không, không chỗ có, tâm không chấp trước kể cả thật tướng của các pháp, hướng chi trong pháp vô ngã mà còn chấp trước ! Do đó không nên gạn rằng : Tại sao nói ngã ? Như trong Trung Luận, kệ nói rằng :

Nếu có chỗ chẳng không !  
Thì nên có chỗ không  
Chẳng không còn chẳng được  
Hướng chi được ở không  
Người phạm thấy chẳng không  
Cũng lại thấy ở không  
Chẳng thấy, thấy không thấy  
Ấy thật là Niết Bàn  
Không hai cửa an ổn  
Hay phá các tà kiến  
Chư Phật chôn hành xứ  
Gọi là pháp vô ngã.

Lược nói chữ ngã đã xong, nay xin giải về chữ "Văn".

**Hỏi** : Văn là nghe. Nghe gì ? Dùng căn tai ? Nhĩ thức (cái biết của tai) ? Ý thức (cái biết của ý) chẳng ? Nếu dùng căn tai, thì căn tai không có giác tri không nghe được ; nếu dùng nhĩ thức thì nhĩ thức không phân nổi một niệm, cũng không nghe được ; nếu dùng ý thức thì ý thức cũng không thể nghe ! Vì sao ? Vì năm thức trước (các thức của mắt, tai, mũi, lưỡi, thân) biết năm trần sau đó ý thức mới biết. Ý thức chỉ biết năm trần ở quá khứ, vị lai mà không thể biết ở hiện tại vì nếu biết năm trần ở hiện tại thì người mù, điếc cũng biết thanh, sắc hay sao ?

**Đáp** : Không phải căn tai, nhĩ thức hay ý thức có thể riêng biệt nghe tiếng. Tiếng nghe được là do nhiều nhân duyên hoà hợp mà nên, riêng một pháp không thể sinh được sự nghe. Căn tai không có giác tri, thức không có sắc, không đối không nơi chốn. Âm thanh không có giác, cũng không có căn. Có tai, có âm thanh ở chỗ có thể nghe được, có ý muốn nghe, tình trần ý hoà hợp nên nhĩ thức sinh ra ; tùy nhĩ thức sinh ý thức hay phân biệt hết thấy hết thấy nhân duyên mà được nghe tiếng. Trong Phật pháp, tuy nghe tiếng cũng không có một pháp có thể làm, có thể thấy, có thể biết, như kệ nói :

Có nghiệp cũng có quả !  
Không làm nghiệp quả ấy,

Là đệ nhất thậm thâm  
Pháp của Phật nói đó  
Tuy không cũng chẳng đoạn  
Tiếp nối cũng chẳng thường  
Tội phúc cũng chẳng mất  
Như thế là pháp Phật.

Lược giải chữ "Văn" đã xong, nay xin giải về chữ "Nhất" trong "Nhất Thời".

**Hỏi** : Trong Phật pháp, con số thời gian là không thật có, tại sao lại nói "nhất thời" (một thời) ?

**Đáp** : Tùy thế tục nên có nhất thời, như lấy bùn, gỗ tạo tượng, nghĩ đến trời nên lễ bái. Tuy thật không có, nhưng tùy thế tục mà nói nhất thời, không có lỗi.

**Hỏi** : Không nên không nhất thời. Phật tự nói rằng : Một người xuất thế thì nhiều người lợi lạc. Phật Thế Tôn vậy. Như kệ nói :

Ta hành vô sư bảo  
Chỉ nhất không bè bạn  
Chứa một hạnh được Phật  
Tự nhiên thông Thánh đạo.

Như thế, nơi nơi Phật nói nhất, nên phải có nhất. Lại nữa, nhất pháp hoà hợp gọi là nhất. Nếu thật không nhất pháp thì tại sao trong một vật một tâm sinh, chẳng hai, ba ? Trong hai vật hai tâm sinh, chẳng một, ba ? .v.v. Nếu thật không các số thì trong một vật nên hai tâm sinh ; trong hai vật nên một tâm sinh, .v.v. Thế nên định biết trong một vật có một pháp, pháp ấy hoà hợp vậy. Trong một vật, một tâm sinh.

**Đáp** : Nếu một cái bình là một nghĩa, một người như Nguyễn sinh, Trần sinh cũng là một nghĩa. Nếu như thế ấy thì nơi nơi có một, chỗ chỗ đều là bình? Ví như chỗ chỗ có Nguyễn sinh thì cũng nên nơi nơi có Trần sinh. Nay theo các vật đều là bình, một bình một có ; như thế chỗ chỗ nhất đều là bình, tất cả là một vật không có phân biệt.

Lại nữa, nhất là con số, bình cũng là con số. Thế của bình có năm pháp, nhất cũng có năm pháp. Bình có sắc, có đối ; nhất cũng có sắc có đối. Nếu ở nhất thì không gọi là bình, nay không theo bình, nếu nói nhất thì không bao gồm bình, nếu nói bình cũng không bao gồm nhất. Bình,

nhất không khác nhau ! Muốn nói nhất nên nói bình, muốn nói bình nên nói nhất, như vậy thì toán loạn.

**Hỏi** : Trong nhất có lỗi như thế, thì trong dị (khác) có lỗi gì ?

**Đáp** : Nếu nhất với bình khác nhau thì bình không phải nhất, nếu bình với nhất khác nhau thì nhất không phải bình. Nếu bình với nhất hợp một thì bình gọi là nhất. Nay nhất với bình hợp một, sao lại không gọi nhất là bình. Vì thế không thể nói bình và nhất khác nhau.

**Hỏi** : Tuy bình với nhất hợp một, bình là nhất, song nhất không thể là bình ?

**Đáp** : Các số đầu là nhất, nhất với bình khác, thế nên bình không làm nhất ; nhất không có có, nhiều cũng không vì trước nhất sau nhiều ; như thế, dị (khác) trong nhất cũng không được. Bởi thế, trong nhị môn cầu một pháp cũng không được ; nếu không được làm sao ám, giới, nhập bao gồm ? Những đệ tử Phật tùy thế tục nói là nhất, tâm thật không chấp trước, biết số pháp chỉ có trên danh tự, cho nên trong Phật pháp nói nhất thời, nhất nhân, nhất sư mà không rơi vào tà kiến.

Lược nói chữ nhất đã xong, nay xin giải chữ " Thời "

**Hỏi** : Có người nói : Tất cả trời đất, tốt xấu đều lấy thời gian làm nhân. Như trong thời Kinh nói :

Thời đến chúng sinh thực (chín mùi)

Thời đến thì giục vội

Thời hay giác ngộ người

Cho nên thời làm nhân

Thế giới như bánh xe

Thời biến như vòng xoay

Người cũng như bánh xe

Hoặc lên hay hoặc xuống.

Lại có người nói : Tuy trời đất tốt xấu, tất cả vật chẳng phải thời gian làm, song thời là nhân không đổi, nên thật có thời, pháp vi tế không thể thấy biết. Nhìn diễn tiến của hoa quả hột nên biết có thời. Năm nay, năm qua, lâu, chậm, mau là tướng của thời. Tuy không thấy nhưng có thể biết có thời, vì thấy quả thì biết có nhân, cho nên có pháp thời. Pháp thời không hoại nên thường ?

**Đáp** : Lấy đất làm bình thì viên đất là ở thời hiện tại, bụi đất ở thời quá khứ, bình ở thời vị lai. Tướng của thời thường nên thời quá khứ không làm thời vị lai. Theo Kinh thư pháp ông (bà la môn), thời là một vật nên thời quá khứ chẳng làm thời vị lai cũng

chẳng làm thời hiện tại. Tap quá, nên trong thời quá khứ không có vị lai, hiện tại cũng vậy.

**Hỏi** : Ông nhìn nhận bụi đất ở thời quá khứ, nếu có quá khứ tất phải có vị lai, thế nên thật có pháp thời ?

**Đáp** : Như trên đã nói bình là thời vị lai, bụi đất ở thời quá khứ ; thời vị lai không làm thời quá khứ. Trong tướng thời vị lai là thời vị lai, sao gọi là thời quá khứ được ? Thế nên, thời quá khứ cũng không.

**Hỏi** : Quá khứ, hiện tại, vị lai đều có tướng, tại sao không có thời ?

**Đáp** : Nếu ba thuở đều có tự tướng thì hết là hiện tại, quá khứ, vị lai. Vị lai là chưa đến, nên đổi là đã đến.

**Hỏi** : Thời quá khứ, thời vị lai chẳng phải hành tướng của hiện tại ; thời quá khứ có hành tướng của quá khứ ; vị lai có hành tướng của vị lai, thế nên mỗi mỗi pháp tướng đều có thời.

**Đáp** : Quá khứ đã qua rồi, qua rồi thì mất tướng quá khứ. Quá khứ chẳng quá khứ thì không có tướng quá khứ. Thời vị lai cũng như thế. Bởi vậy, pháp thời không thật, làm sao lại sinh trời đất, tốt xấu, hoa quả, mọi vật ? Để trừ tà kiến, nên nói kiến, ám, giới, nhập, sinh diệt giả danh làm thời, không có thời khác. Phương hướng, thời gian, ly, hợp, một, khác, dài, ngắn, đều chỉ có danh tự (tên gọi), xuất phát từ tâm phàm phu chấp trước thật có pháp. Thế nên trừ bỏ danh tự, ngôn ngữ pháp của thế gian.

**Hỏi** : Nếu không có thời, sao có thời ăn ? Ngăn ăn phi thời là giới ?

**Đáp** : Trên đã nói : Danh tự ở thế gian có pháp, có thời. Trong giới luật, pháp kết giới là thật ở thế gian không phải là pháp đệ nhất thật tướng. Tướng ta, tướng mình thật không thể có được. Vì muốn giúp cho Phật pháp được lâu dài nên chư Phật Thế Tôn kết giới, quy định đệ tử lễ pháp, trong đó không có mong cầu, có thật gì ? Gì là tương ưng ? Gì là không tương ưng ? Gì là pháp tướng như thế ? Gì là pháp không tướng như thế ? Thế nên việc ấy không nên cho là khó.

(còn tiếp)

# PHÁP GIỚI CỦA TRỜI

Hoà Thượng Tuyên Hoá

Lục Dục Phạm Thiên  
Ngũ Giới Thập Thiện  
Chủng Hữu Lộ Nhân  
Luân Hồi Nan Đoạn.

Tạm dịch :

Lục dục Phạm Thiên  
Năm giới mười thiện  
Trồng nhân hữu lộ  
Luân hồi khó dứt.

**H**ôm nay chúng ta giảng về "Lục dục Phạm Thiên".

Thứ nhất là sáu cõi trời dục giới, sáu cõi trời dục giới gọi là trời dục giới. Trời dục giới, trời sắc giới, trời vô sắc giới đó gọi là tam giới.

Hiện tại chúng ta ở trong phạm vi trời Tứ Thiên Vương thuộc trời dục giới. Chúng ta chịu sự cai quản của Tứ Đại Thiên Vương. Cõi trời này nằm ở giữa núi Tu Di. Núi Tu Di có một nửa ở tại nhân gian, phần nửa trên là chỗ ở của Tứ Thiên Vương. Tứ Thiên Vương ở bốn hướng đông tây nam bắc của núi Tu Di, đồng thời cai quản tứ thiên hạ đó là Đông Thắng Thần Châu, Nam Thiệm Bộ Châu, Tây Ngưu Hóa Châu, Bắc Câu Lưu Châu. Nếu nói tỉ mỉ thì rất nhiều nói không hết được.

Tuổi thọ của chư Thiên ở cõi trời Tứ Thiên Vương này bao lâu ? Năm trăm tuổi ! Năm trăm tuổi của họ chẳng phải là năm trăm tuổi ở nhân gian, một ngày một đêm ở đây, bằng năm mươi năm ở nhân gian. Bạn hãy tính xem năm trăm tuổi ở cõi trời Tứ Thiên Vương là bao nhiêu năm ở nhân gian ? Tuổi thọ ở cõi trời này là năm trăm tuổi mà ở nhân gian năm mươi năm thì một ngày một đêm ở cõi trời Tứ Thiên Vương, bạn hãy tính xem, nếu 365 ngày thì ở nhân gian bao nhiêu năm ? Nếu bạn biết tính thì sẽ tính được số mục, đây là trời Tứ Thiên Vương.

Thứ hai là trời Đạo Lợi. Trời Đạo Lợi là Tiếng Phạn, dịch ra gọi là gì ? Không biết. Không biết dịch ra là gì thì gọi là "trời không biết". Trời không biết tức là trời Tam Thập Tam, Tiếng Phạn gọi là Đạo Lợi, dịch ra là trời Tam Thập Tam. Sao gọi là trời Tam Thập Tam ? Vì trời Đế Thích ở

chính giữa. Trời Đế Thích ở trong Chú Lăng Nghiêm tức

là "Nhân Đà La Gia", tức cũng là Chúa của Thiên Chúa giáo, Gia Tô giáo. Người Tàu gọi y là Ngọc Hoàng đại đế, hoặc là Thượng đế.

Thời xưa người Tàu không biết có Phật, cũng chẳng biết có Thượng đế. Cho nên vào thời vua Thang khi tế trời thì nhà vua dùng con bò đen để tế trời, khẩn rằng : "Bẩm ! Tòì tiểu tử tên Lý, dám dùng bò đực đen, dám bấm với hoàng hoàng hậu đế". Hoàng hoàng ý nghĩa là lớn ; Hoàng hoàng hậu đế. "Thân trăm có tội chứ chẳng phải lão bá tánh ; nếu lão bá tánh có tội tức là tội tại thân của Trẫm".

Vua Thang nói : "Tòì tiểu tử tên Lý", vua Thang tên gọi là Lý, vua coi mình như đứa trẻ, rất khiêm nhường nói : "Con là một tiểu tử vô dụng", giống như một đứa trẻ. "Dám dùng bò đực đen", con dám dùng bò màu đen, "dám khải bấm với Hoàng hoàng hậu đế", con rất chí thành khẩn thiết bấm với Thượng đế. Nói gì ? Nói : "Nếu trăm có tội", nói có tội thì chỉ mình trăm có tội, chẳng dính dáng gì đến lão bá tánh. "Nếu lão bá tánh có tội thì tội đó ở tại thân trẫm. Nếu một số lão bá tánh có tội thì đừng trách họ, vì con không dạy họ cho tốt, cho nên tội của họ tức là tội của con".

Bậc Thánh nhân thời xưa là như thế, tự mình trách phạt mình, chẳng phải như người thời nay, biết rõ là mình có tội, thế mà cứ nói : "Ồ ! lỗi đó chẳng quan hệ gì đến tôi, đó là lỗi của anh ta, là anh ta không đúng, sao lại trách tôi ?", hoặc là "Ông trời thật không công bằng, tại sao họ giàu có ? còn tại sao tôi nghèo ? Tại sao họ lại sang còn tôi thì quá hèn ?" Luôn luôn oán trời trách người mà việc gì cũng chẳng trách mình không đúng ; đều tìm sự không đúng của người, trái hẳn với Thánh nhân thời xưa là trách mình không đúng.

Trên cõi trời Đạo Lợi thì trời Đế Thích ở chính giữa, hướng đông có tám trời, hướng tây có

tám trời, hướng nam có tám trời, hướng bắc có tám trời, cộng hết thấy là ba mươi ba trời.

Thứ ba là trời Dạ Ma. Trời Dạ Ma cũng là Tiếng Phạn, dịch là gì ? Chư Thiên cõi trời này khoái lạc vô cùng, suốt ngày đến tối đều ca hát. Ca hát gì? Họ đặc biệt vui mừng ca hát "sung sướng, sung sướng ! Tôi rất sung sướng vô cùng ! Tôi rất sung sướng vô cùng !" Ngày đêm sáu thời đều sung sướng, cho nên dịch là "thời phần" nghĩa là thời khác đều sung sướng.

Thứ tư là trời Đâu Suất. Trời Đâu Suất, Tiếng Phạn gọi là Tushita dịch là "Hỷ túc". Họ luôn luôn đều hoan hỉ, luôn luôn đều đầy đủ, đó tức là tri túc thường lạc. Vì họ biết tri túc cho nên luôn luôn vui vẻ, do đó gọi là trời "Tri Túc", nghĩa là suốt ngày đến tối chẳng sầu, chẳng lo, chẳng có phiền não, chẳng có sự lo âu.

Thứ năm là trời Hóa Lạc. Họ biến hóa ra sự khoái lạc. Cõi trời Tri Túc họ chẳng biến hóa mà cũng hoan hỉ biết đủ, thậm chí không khoái lạc họ cũng biết đủ. Trời Hóa Lạc này biến hóa ra sự khoái lạc. Thứ sáu là trời Tha Hóa Tự Tại. Sao gọi là Tha Hóa ? Tức là họ vốn chẳng có sự khoái lạc, cho nên họ đem sự khoái lạc ở các cõi trời khác làm sự khoái lạc cho chính mình, cho nên gọi là Tha Hóa Tự Tại. Ở cõi trời này có rất nhiều thiên ma, dùng thiên ma làm quyến thuộc. Tại sao họ phải đem sự khoái lạc ở cõi trời khác về làm sự khoái lạc cho chính mình ? Vì họ sống chẳng đếm xỉa gì đến đạo lý. Giống như kẻ trộm cướp ở nhân gian, đa số đều là những chư thiên Trời Hóa Lạc bị đọa lạc, họ đến nhân gian còn thói trộm cắp tiền của người, làm tiền của chính mình. Trên đây là sáu cõi trời dục giới.

Phạm Thiên tức là Đại Phạm Thiên, Phạm Chúng Thiên, Phạm Phụ Thiên. Lục dục Phạm Thiên, "Năm giới Mười thiện". Họ đắc được phước báu sinh về cõi trời là nhờ tu năm giới, làm mười điều lành. Song le năm giới mười điều lành đều là căn lành hữu lậu, cho nên nói "trồng căn hữu lậu" : tức là trồng căn lành hữu lậu. Hoặc có người biên "trồng nhân hữu lậu", chữ "nhân" thay thế chữ căn cũng được, trồng nhân hữu lậu. "Khải hữu tha yên" (câu cuối này vốn ở trong pháp giới của loài người), người khác chẳng quản được, đều do tự mình tạo.

Giảng Kinh thuyết pháp thật không dễ dàng, tôi chẳng chuẩn bị trước khi giảng, có người nói : "Sự phụ giảng sai !" Đó là trong tâm nghĩ như thế chứ không dám nói ra, song le con người tôi cũng lạ thật, một khi bạn nghĩ trong tâm của bạn thì tôi nhận được điện báo của bạn, cho nên tôi phải đổi lại câu sau : "Luân hồi khó dứt" phải chăng ? Lần này tôi đứng phải chăng ? Có phải trong tâm của bạn nói tôi giảng sai, phải chăng ? (đệ tử nói : "phải"), chẳng phải một người nghĩ như thế, còn bao nhiêu người phải mau nói ra, ai tưởng như thế ? Phải thành thật, nếu không thành thật thì vĩnh viễn sẽ không thành đạo.

# SỐ 0 : Tỉ Tính ãi Quang Minh Tảng

Hoà Thượng Tuyên Hoá

**C**húng sinh từ vô thuỷ kiếp đến nay, lưu chuyển trong sinh tử luân hồi, chuyển tới chuyển lui, cũng chuyển chẳng ra khỏi sinh tử luân hồi. Giống như hạt bụi, phiêu lãng không ngừng, lúc lên trời, lúc ở dưới đất, lúc làm người, lúc làm A Tu La, lúc làm súc sinh, lúc làm ngựa quý. Đây là chẳng có bắt đầu, cũng chẳng có kết thúc.

Khi nào chúng được quả vị Phật, thì lúc đó thoát khỏi sinh tử luân hồi. Trước khi chưa thành Phật thì vẫn lưu chuyển trong sáu nẻo luân hồi. Bồ Tát còn có mê cách ám, A La Hán còn hôn mê lúc trụ thai. Pháp thân Đại Sĩ thị hiện nhân gian phổ độ chúng sinh, có lúc cũng bị theo dòng sinh tử, làm cho đầu não hôn mê, chẳng biết làm thế nào đoạn sinh tử.

Vô thuỷ thì chẳng có bắt đầu, vô chung thì chẳng có kết thúc. Giống như số 0, chẳng có bắt đầu cũng chẳng có kết thúc, nó là một nguyên hoá. Nếu như phá vỡ số 0 thì sẽ thành số 1, tức là có bắt đầu. Bắt đầu gì? Số mục bắt đầu. Có 1 rồi thì lại thêm 1 trở thành 2. Lại thêm 1 trở thành 3. Tiếp tục thêm 1 thì thành 10, thành 100, thành vạn. Từ vạn biến hoá thành ức, từ ức biến hoá thành triệu, cho đến số nhiều bất tận.

Hiện nay là thời đại khoa học, có thể lực ngày đi ngày dậm, ngày tháng đổi khác, dùng hoả tiễn bay lên vệ tinh, vận hành trong quỹ đạo hư không chẳng nghỉ. Thuyền thái không này với thuyền thái không kia có thể tiếp hợp ở trong hư không, đây đều là tác dụng của sự bắt đầu số mục. Dùng số mục để tính toán hội hợp kỹ thuật, dùng số mục để khống chế hội hợp thời gian. Cứ như thế mà phát triển chẳng có lúc nào kết thúc.

Khi nào có thể kết thúc? Hiện nay chưa thể biết được. Khi kết thúc thì sẽ đến kiếp không của thành, trụ, hoại, không bốn kiếp. Kiếp thành là bắt đầu, kiếp không là kết thúc. Kiếp thành có hai mươi tiểu kiếp, trụ có hai mươi tiểu kiếp, hoại cũng có hai mươi tiểu kiếp, không cũng có hai mươi tiểu kiếp. Tám mươi tiểu kiếp làm một đại kiếp. Tuổi thọ của trái đất chỉ một đại kiếp thời gian.

Chúng sinh từ vô thuỷ kiếp đến nay, trước hết có người nam hay có người nữ? Nếu như trước hết có

người nam, mà chẳng có người nữ thì làm sao có người nam? Nếu như trước hết có người nữ, mà chẳng có người nam thì làm sao có người nữ? Đây tức là bắt đầu, chẳng biết từ nơi nào bắt đầu.

Hoặc trước hết có gà hay có trứng? Vấn đề này cũng là đạo lý nghiên cứu chẳng minh bạch. Cứu kính thì như thế nào? Có thể nói rằng đều do từ trong số 0 mà ra. Cho nên nói số 0 này là vô thuỷ vô chung, không trong không ngoài, không lớn không nhỏ. Nếu thu nó nhỏ lại thì là một hạt bụi; nếu phóng lớn ra tức là một pháp giới. Tận hư không khắp pháp giới, chẳng vượt ra ngoài số 0 này. Số 0 này là gốc sinh sinh hoá hoá, là chân không diệu hữu của vô thuỷ vô chung. Số 0 này phóng lớn ra là chân không, thu nhỏ lại là diệu hữu.

Chân không diệu hữu, tức là chân không chẳng không, hay sinh diệu hữu. Diệu hữu chẳng hữu, chẳng ngại chân không. Không, hữu chẳng hai, tức không tức hữu, tức hữu tức không, đây tức là trung đạo liễu nghĩa, tức cũng là chân thật nghĩa của pháp đại thừa.

Số 0 này, khi chưa bắt đầu, tức là chân không diệu hữu. Chân không này chẳng phải thật không, diệu hữu này chẳng phải thật hữu, mà là trung đạo viên dung vô ngại, chẳng lệch về bên nào. Các vị! Nếu minh bạch đạo lý này thì sẽ minh bạch pháp chân thật. Nếu chẳng minh bạch pháp này thì là người hồ đồ, người chẳng có trí huệ chân chánh.

Số 0 này, nếu bắt đầu thì nó là trí huệ quang minh. Nếu chẳng bắt đầu thì nó là vô minh đại đen tối. Vô minh cũng là số 0 này, trí huệ cũng là số 0 này. Số không này, lớn mà chẳng ngoài, nhỏ mà chẳng trong. Nói rộng ra thì chẳng có gì lớn bằng nó, nói hẹp vào thì chẳng có gì nhỏ bằng nó. Số 0 này lớn mà hoá, là nguồn gốc thanh tịnh, tính diệu chân như; nhỏ mà ẩn tàng, là một niệm vô minh ban đầu. Đây là giải thích vô thuỷ (chẳng có bắt đầu).

Tại sao chúng sinh lưu chuyển trong sinh tử luân hồi? Vì chẳng thấu hiểu pháp chân thật.

Cho nên các Đức Phật thấy chúng sinh quá thương xót mà vì chúng sinh phát tâm đại bi, xuất hiện ra đời, giáo hoá tất cả chúng sinh lia khổ được vui, phát tâm bồ đề (trên cầu Phật đạo, dưới độ chúng sinh, tu đạo vô thượng).

Chúng ta thọ quả báo trong luân hồi là vì trong tâm chúng ta đã tạo thành thứ nghiệp đó, mới thọ quả báo đó. Tóm lại, trong quá khứ khởi vọng tưởng thiên đường thì sinh về thiên đường; khởi vọng tưởng địa ngục thì đọa vào địa ngục. Nếu tạo tội nghiệp thì đọa vào ba đường ác. Nếu tạo công đức thì sinh về ba đường lành. Đây là nói tóm lược. Nếu nói tỉ mỉ thì hết thảy vị lai cũng nói chẳng xong.

Thế giới này là do vọng tưởng của chúng sinh tạo thành. Nếu chúng sinh chẳng có vọng tưởng thì thế giới này sẽ không. Vì chúng sinh chưa minh bạch hiểu rõ pháp chân như thật tướng, pháp chân như diệu hữu, cho nên thế giới này mới tồn tại.

Pháp chân không diệu hữu tức là số 0. Thế giới do số 0 mà sinh, chúng sinh cũng do số 0 mà sinh. Hết thảy tất cả đều do số 0 mà sinh ra. Vì số 0 chẳng có số nội, chẳng vượt ra số ngoại. Phóng ra thì di lục hợp, cuộn lại thì thối tàng nơi mật. Tức cũng là cảnh giới vô thủy vô chung, không trong không ngoài, không lớn không nhỏ.

Pháp chân thật này tức là chân không diệu hữu. Chân không chẳng không. Tại sao chẳng không? Vì nó có diệu hữu. Diệu hữu chẳng hữu. Tại sao chẳng hữu? Vì nó có chân không. Do đó "Chân không chẳng ngại diệu hữu, diệu hữu chẳng ngại chân không". Đạo lý này có thể giải quyết được vấn đề người nam có trước hay người nữ có trước; gà có trước hay trứng có trước? Những vấn đề nan giải này, dùng số 0 để giải quyết thì tất cả mọi vấn đề đều nghênh nhận mà giải.

Tại sao trong chân không hay sinh ra diệu hữu? Hay hiện ra tất cả? Mà trong diệu hữu vẫn chẳng lia khỏi chân không? Cảnh giới này trước khi chưa được pháp môn tâm ấn của chư Phật thì chẳng thể nào minh bạch được. Nếu minh bạch pháp môn dùng tâm ấn tâm của chư Phật thì sẽ minh bạch pháp môn chân thật này.

Pháp môn chân thật này ở trong tự tính vốn có, không cần tìm cầu bên ngoài. Nếu tìm cầu bên ngoài thì dù có trải qua tám vạn đại kiếp cũng tìm chẳng được. Nếu hồi quang phản chiếu (xoay vào trong tự tính) thì sẽ thấy được. Do đó "Biển khô vô biên, hồi đầu là bờ". Nói tóm lại, truy cầu bên ngoài tức là

biển khô vô biên. Tìm cầu bên trong, dụng công phu trong tự tính tức là hồi đầu là bờ.

Chúng ta suốt ngày đèn tối, điên điên đảo đảo, vọng tưởng lăn xả, chạy theo sáu căn và sáu trần, chẳng minh bạch diệu pháp chân thật. Chư Phật ở trong cõi Tịnh Độ Thường Tịch Quang, ngồi kiết già nhập định. Ở trong định quán sát tất cả chúng sinh, hoàn toàn ngu si, thật đáng thương xót, chấp đông chấp tây, lầy khổ làm vui, chẳng biết bỏ mê về với giác ngộ, chẳng biết mượn giả tu chân, chẳng biết bỏ vọng về chân, chẳng biết trở lại cầu chính mình. Cho nên chư Phật từ bi, ở trong định có thể đến thế giới độ chúng sinh có duyên, chỉ bày bờ mê, khiến cho họ hồi đầu. Đáng tiếc chúng ta truy đuổi vọng duyên, chẳng nhận thức được pháp chân thật. Phật "khổ khẩu tâm bà" vì chúng ta thuyết pháp, giáo hoá chúng sinh chẳng nhằm mỗi, song chúng ta chẳng nghe lời, quá ngu si, chẳng những chẳng y theo pháp tu hành mà ngược lại thối lùi về sau, chẳng nghe lời vàng ngọc của Phật. Phật lại nghĩ biện pháp đến ở trước chúng ta để điều phục chúng sinh càng càng khó độ. Đây là nguyên nhân Phật xuất hiện ra đời.

Pháp chân thật này không thể phá hoại được, dù thiên ma ngoại đạo cũng chẳng cách chi phá hoại được. Tại sao? Vì chánh pháp kiên cố như kim cang, cho nên không thể phá hoại được. Nếu bị phá hoại thì chẳng phải là pháp chân thật.

Đại tự tại, đại quang minh này có thể thị hiện khắp tất cả thế gian. Đại quang minh tạng này chỉ thị pháp môn chấm dứt sinh tử, phá trừ vô minh, hiển hiện pháp môn pháp tính quang minh vốn có.

Các vị! Nếu chẳng tin thì có thể thử xem. Đến lúc đó bạn chẳng có cách chi không tin, không tin cũng tin, vì nó là như thế, có phương pháp gì không tin chẳng?

Đại quang minh tạng này chính mình vốn có, chứ chẳng phải người khác bố thí cho bạn, cũng chẳng phải chư Phật gia bị cho bạn, mà là chính bạn có đầy đủ. Đại quang minh tạng này tức là chân như thật tính. Nếu tu hành pháp chân thật này thì có thể chuyển thức A lại da (thức thứ tám) thành đại viên cảnh trí, thoát khỏi sinh tử. Nếu chẳng nhận chân tu hành thì chủng tử của thức A lại da theo nhân duyên có

*với cha mẹ mà đi đầu thai, sinh sinh không ngừng,  
vĩnh viễn chẳng ngừng thì chẳng được giải thoát.*



# CỬA KHAI MỞ TRÍ HUỆ

Hoà Thượng Tuyên Hoá Giảng ngày 16/05/1987

**M**ục đích chủ yếu ngài thiên là khai mở trí huệ. Từ vô thủy kiếp đến nay, chúng ta vì không hiểu ngài thiên, không hiểu tu trí huệ. Cho nên ngày càng ngu si, ngày càng nhiều vọng tưởng, phiền não. Vì sao? Vì không tu hành, không ngài thiên. Sự khai ngộ thì không có hình tướng, không có nhan sắc, không thể dùng nhãn quang phàm phu để đo lường cảnh giới đã khai ngộ. Cứu kính thì khai ngộ gì? Tức là biết sinh từ đâu đến? Chết đi về đâu? Biết sinh như thế nào? Chết như thế nào? Hiểu biết rồi thì có thể phá vô minh, phá vô minh thì không còn phiền não. Không phiền não thì ít vọng tưởng tạp niệm. Tạp niệm ít thì tà niệm cũng ít. Tà niệm ít thì chánh niệm hiện tiền. Trí huệ liền càng ngày càng tăng trưởng. Như cây cỏ mùa xuân, ngày càng lớn nhanh. Nhưng nhìn thì chẳng thấy mỗi ngày lớn bao nhiêu. Trí huệ cũng lại như thế. Chánh niệm tồn tại thì tà niệm bớt đi. Trí huệ liền càng ngày càng tăng trưởng. Bạn nhìn thấy được chăng? Nhìn chẳng thấy đặng. Vì trí huệ là việc thần Thánh không thể thấy. Bạn có trí huệ chăng? Bạn tự mình cảm giác được. Nếu như bạn không điên đảo, hồ đồ như lúc trước, chuyên làm những việc đáng làm thì bạn có trí huệ. Nhưng nếu bạn còn hồ đồ điên đảo, chuyên làm những việc không nên làm thì đó là ngu si.

Tu hành thì phải trở về cội nguồn, khai phát quặng mỏ trí huệ vốn có. Khai quật ra thì liền hiểu biết chân chánh. Chân chánh hiểu biết đến cực điểm tức là Phật. Phật với phàm phu không khác gì cho lắm. Chỗ bất đồng là Phật thì người có đại trí huệ. Chúng ta tin Phật không cần cầu thần thông diệu dụng, ba thân, bốn trí, năm nhãn, sáu thông. Bạn chỉ cần tin trí huệ của

Phật, chúng ta ai ai cũng đầy đủ trí huệ, không riêng Phật mới có. Phật là người chỉ đường cho chúng ta, chúng ta tiếp nhận con đường mà đi, đi khai phát quặng mỏ trí huệ vốn có.

Hiện tại các nhà khoa học, nhà hóa học, nhà vật lý học, nhà triết học v...v... đều hướng ngoại tìm đáp án. Thực ra hết thấy đều vốn có đủ trong tự tính chúng ta. Tham thiền là khai mở công xưởng hóa học của bản thân, làm đủ các thứ thí nghiệm. Tham thiền là thí nghiệm hóa học, là mẹ của khoa học, là mẹ của triết lý, có thể khiến cho bạn khai đại trí huệ. Khai trí huệ rồi thì hết thấy mọi vấn đề đều ngang nhiên mà giải quyết. Người thường tham thiền, thì thường phát quật đại viên cảnh trí, bình đẳng tánh trí, diệu quán sát trí, thành sở tác trí vốn có. Nếu đắc được bốn trí này, thì năm nhãn, sáu thông không cầu mà tự được. Cho nên không cần hằng ngày đi tìm thần thông diệu dụng, những thứ này là tự tính của chúng ta vốn tự đầy đủ.

Nhưng bạn phải có tâm nhẫn nại, sớm tối ngài thiên thì sẽ thanh tâm quả dục, tự tính thanh tịnh, trừ khử nhiễm ô, đây là lúc trong bộ máy hóa học làm thí nghiệm các loại, dùng nguyên liệu gì thì sẽ thu hoạch được sản phẩm đó. Do đó ngài thiên thì phải đề khởi chánh niệm. Cũng như cây cỏ mùa xuân từ từ phát triển. Nếu không tham thiền, không tu hành, cũng như đá mài dao, không thấy được sự mất mát, mà càng ngày càng mòn đi. Lúc chúng ta làm việc hồ đồ đã làm mất đi tinh thần quý báu, thân thể lại hư hoại, cuối cùng thì chết đi. Nếu trân tiết tự thân, giữ gìn tinh khiết thì có thể bảo trì thân thể kiện khang, thì trí huệ càng ngày càng tăng trưởng.

# NGHIỆP VÀ TÌNH

Hoà Thượng Tuyên Hoá

"Nghệp nặng tình mê là phạm phu,  
Nghệp sạch tình không tức là Phật".

**P**hật thì nghiệp vô bất tận, tình thì vô bất không. Thế nào là nghiệp sạch tình không ? Thật ra khó mà nói hết được, chỉ nói những ý chính là thanh tâm quả dục, không nổi nóng, cảnh giới nghịch đến thì thuận theo mà thọ. Nghiệp thì dần dần tiêu mất, tình cũng dần dần không còn tơ hào nữa. Chúng ta phần đông nghiệp lực rất nặng, tình cũng quá mê, ngày ngày bận rộn, từ sáng đến tối cũng vì sinh hoạt mà bận rộn.

Chúng ta nghĩ kỹ xem, từ xưa đến nay mọi người cũng đều vì đời sống sinh hoạt mà bận rộn. Từ nhỏ rồi lớn lên, lớn lên rồi già, già rồi thì chết. Đều ở trong khổ sinh, già, bệnh, chết làm lay chuyển. Tại sao ? Vì tình mê hoặc mà không có trí huệ chân chánh. Có trí huệ chân chánh thì không thể vì tình làm mê. Bạn nhìn xem tại sao trên thế gian quá nhiều khổ não ? Cũng vì chữ tình. Vì có tình cho nên có nghiệp chướng. Nghiệp thì làm cho tăng thêm tình.

Nghệp gọi là gì ? Nghệp tức là y tựa trách nhiệm của con người, y tựa trách nhiệm trên sinh mạng, y tựa trách nhiệm trên tinh thần. Nghiệp thì không có hình tướng cho nên nhìn không thấy, nghe không đặng, ngửi không có mùi. Nếu như nghiệp có hình tướng thì sớm đã đầy khắp hư không. Vì không có hình tướng cho nên nghiệp chướng của bạn nhiều thì tự bạn lại y tựa gánh lấy trách nhiệm ; nghiệp chướng của ai nhiều thì người đó gánh lấy ; nghiệp chướng của tôi nhiều thì tôi tự gánh lấy. Mỗi người tạo nghiệp khác nhau, do kho tàng của mỗi người thu lại, tức là thu vào trong ruộng bát thức. Kho tàng này có thần thông, nghiệp nặng cũng buông xả đặng, nghiệp nhẹ cũng buông xả đặng. Đó là không lớn, không nhỏ cũng không có gì phân biệt, đó đều là chính bạn chứ không phải kẻ khác. Ai lấy cũng chẳng được, cướp đi cũng chẳng được. Nghiệp có thiện nghiệp và ác nghiệp. Thiện nghiệp viên mãn thì thành Phật, ác nghiệp viên mãn thì

đọa địa ngục, chuyển nạ quý, làm súc sinh. Do đó bạn có nghiệp thì thọ quả báo. Thọ quả báo thì oán trời trách đất nói : "Ông trời không công bình", mà không thừa nhận mình làm không tốt, cứ oán trách bên ngoài. Bạn phải minh bạch những gì mà mình thấy gặp, những gì mà mình có được, đều là do nhân đã tạo từ quá khứ. Hiện tại đã kết quả. Cho nên "Trồng nhân gì thì được quả đó", trồng nhân lành thì kết quả lành, trồng nhân ác thì kết quả ác. Không thể trồng cam mà kết quả ớt, không thể trồng ớt mà kết quả dưa. Hiểu rõ "Như thị nhân, như thị quả" thì không thể oán trời trách đất, cũng không thể trách người. Cũng như bạn mượn tiền thì trả tiền, nếu không trả thì cuối cùng nhân đó vẫn tồn tại. Tuy nhiên tạm thời chưa trả xong, tương lai cũng phải trả. Cho nên : "Giết người thì đền mạng, thiếu nợ thì trả tiền". Không những quốc pháp như thế mà Phật pháp cũng như thế. Cho nên mỗi người phải tùy duyên mà tiêu nghiệp cũ, đừng tạo nghiệp mới.

Thế nào là tình không ? "Người chẳng phải là gỗ đá, ai mà chẳng có tình". Tình này có hình tướng thì bị tình mê hoặc. Một khi mê hoặc thì ai ai cũng bị nhiễm khổ cho là vui, không có phiền não thì tìm phiền não để thọ. Không phiền não thì tăng thêm một chút phiền não để thọ. Không khổ thì nghĩ tưởng một chút khổ để thọ. Tình không thì chính mình phải giảm bớt tham, sân, cầu, ích kỷ, tự lợi, nói dối. Bạn nhận chân "cước đạp thập địa", hiểu rõ sáu đại tông chỉ thì bạn sẽ dần dần tình không.

Phật Thích Ca "Ba A Tăng Kỳ tu phước tu huệ, trăm kiếp trồng tướng tốt", không phải dễ dàng mà nghiệp sạch tình không được. Không phải một lần liền không được, mà là phải thực hành. Chúng ta đều bỏ giác hợp trần, quên mất trí huệ, chấp trước để cho cảnh giới sáu trần làm lay chuyển. Muốn nghiệp sạch tình không thì đừng bị sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, sáu trần làm giao động, được như thế thì có giới lực, có giới lực thì sinh định lực, có định lực thì có huệ lực. Có trí

huệ thì không thể bị tình làm mê. Không bị tình làm mê thì không thể bị nghiệp dắt đi. Nghiệp nhẹ thì sạch từng chút từng chút. Nói thì dễ, nhưng làm thì khó. Tuy là khó, chúng ta cũng đừng cho là khó, hãy nỗ lực thực hành.

## CUỘC ĐỜI TÔN GIẢ XÁ LỢI PHÁT

Soạn Giả : Nyanaponika

Dịch Giả : Nguyễn Điều

### Tiếp theo kỳ trước :

Khi biết rằng người bạn cùng mang một nỗi lo âu như mình, Upatissa bèn nói : Đó là một mối quan tâm đáng khen của chúng ta. Nhưng muốn đi tìm một người thầy để dạy cho chúng ta con đường giải thoát, chỉ có cách là chúng ta phải rời bỏ nhà cửa để du phương và tìm sống với các bậc đạo sĩ hữu hạnh, song biết ẩn sĩ nào đắc đạo mà chúng ta theo bây giờ ?

Thuở ấy có một giáo chủ sống trong thành Rājagaha (thành Vương Xá). Vị này thuộc phái Du Sĩ Paribbajaka, tên gọi là Sānjaya. Ông có một số môn đồ rất đông.

Với ý định sẽ gia nhập làm môn đệ của vị ấy, Upatissa (Xá Lợi Phát) và Kolita (Mục Kiền Liên) bèn tìm đến đó. Mỗi người cùng dắt theo năm trăm thanh niên đồ đệ của mình rồi tất cả đều được nhận vào môn phái của Sānjaya. Kể từ đó tiếng tăm và hậu thuẫn của đại sĩ Sānjaya trở nên vang dội.

Sau một thời gian ngắn, đôi bạn Upatissa và Kolita đã học hết học thuyết của giáo chủ Sānjaya. Họ hỏi thầy đạo sĩ rằng : Thưa thầy, giáo pháp của thầy chỉ có chừng ấy hay còn gì hay hơn nữa ?

Sānjaya đạo sĩ đáp : Chỉ có thế, và các người đã biết cả rồi.

Nghe vậy đôi bạn thân Upatissa (Xá Lợi Phát) và Kolita (Mục Kiền Liên) liền nghĩ : "Nếu chỉ có thế mà mình lại tiếp tục cuộc đời đạo sĩ này với ông ta thì vô ích quá ! Mình đã lìa bỏ gia đình, sống đời để tìm giải thoát thế sự, mà theo ông thầy này mình chẳng được chi cả" !

Rồi họ lại nghĩ tiếp : "Nhưng nước Ấn Độ rộng bao la, nếu mình kiên nhẫn tầm Sư không thối chuyển, cứ đi từ làng này qua làng khác, tỉnh nọ đến tỉnh kia chắc hẳn sẽ tìm được một vị thầy dạy cho ta phương pháp thoát tử" !

Kể từ đó mỗi khi họ nghe có một đạo sĩ uyên bác nào, dù ở xa đi nữa, đôi bạn Kolita và Upatissa

cũng tìm đến cầu đạo. Nhưng chẳng có một vị nào giải đáp nổi một câu hỏi của họ, trong khi ấy đối với những người khác thì các vị đạo sĩ ấy tỏ ra thông suốt.

Sau khi đi khắp xứ Ấn Độ, cả hai phải cùng quay về, và lúc về đến chỗ cũ, họ đồng cam kết với nhau rằng : "Trong hai người nếu ai tìm được con đường bất tử trước thì phải chỉ lại cho người kia".

Từ đó họ chính thức kết làm huynh đệ và tình giao hữu giữa đôi thanh niên lại càng sâu đậm hơn. Chẳng bao lâu, sau khi Upatissa và bạn Kolita hẹn ước như thế thì Đức Thế Tôn - Đấng hoàn toàn giác ngộ lại đến thành Rājagaha (thành Vương Xá). Vì khi ngài thuyết xong một bài pháp nói về "lửa" tại thị trấn Gaya ; Ngài bèn nhớ đến lời hứa mà Ngài đã hứa với vua Bimbisara ( vua Tần Bà Sa La) trước khi đắc thành Chánh Đẳng Chánh Giác là Ngài sẽ trở lại thành Rājagaha (Vương Xá) ngay sau khi Ngài đã đắc được đạo giác ngộ. Đức Thế Tôn du hành suốt quãng đường dài từ Gaya đến thành Vương Xá và được vua Tần Bà Sa La thân hành ra đón tiếp tại Trúc Lâm Tịnh Xá (Veluvana Vihara).

Trong số sáu mươi một vị Thánh A La Hán mà Đức Bổn Sư đã phái đi để truyền bá cho thế gian về ân đức của Tam Bảo, có Trưởng Lão Assaji (Tỳ Kheo Mã Thắng), người thuộc nhóm năm đạo sĩ trước đây là những vị đồng tu khổ hạnh với Phật Thích Ca khi Ngài chưa đạt được giác ngộ, và cũng chính những vị đó sau này đã trở thành những đệ tử đầu tiên của Ngài. Trưởng lão Assaji, sau khi đã du hành truyền đạo bèn trở lại thành Rājagaha.

Vào một buổi sáng nọ, trong khi Trưởng lão đang trì bình khất thực trong thành Ngài được Upatissa, người đang đi trên con đường dẫn đến tu viện thuộc phái đạo sĩ du phương Sanjava, trông thấy. Bị kinh cảm bởi vẻ mặt trang nghiêm và thoát tục của Đại Đức Assaji, Upatissa nghĩ : "Trước đây ta chẳng bao giờ trông thấy một nhà Sư như vậy. Ông ta chắc là một trong những Thánh Tăng A La Hán. Nếu không chắc hẳn Ngài cũng là người đang bước trên con đường đến Thánh quả A La Hán ? Tại sao ta không thử đến gần Ngài để tìm hiểu xem Ngài được thọ giáo với ai ? Đây là Đạo môn của Ngài và Ngài đã học được giáo lý như thế nào ?

# HỒI NIỆM NHÂN DUYÊN . LÂU LÂU NHỎ VỀ GIẢNG ĐƯỜNG PHẬT GIÁO

Tim Testu Quả Du ( đệ tử người Mỹ)

**N**hững hành vi của Ngài (Hoà Thượng Tuyên Hoá) trong ngày thường, ảnh hưởng rất lớn trong cuộc đời của tôi, khiến tôi bị thu hút và phải khóc cười nức nở.

Vào một buổi trưa nọ, một người đàn bà với bộ mặt khó coi cùng đám đông bạn bè dìu bước vào Chùa nghe Ngài thuyết pháp. Họ không có tâm ý thiện cảm mà chỉ lộ những bộ mặt nóng nảy cáu gắt. Vài người mang dây nịt to lớn với những cục đồng nhọn quắt. Vì đã quen với những bộ mặt lạ kỳ, Ngài vẫn thản nhiên thuyết pháp bình thường. Thuyết pháp vừa xong, Ngài bảo rằng có ai muốn hỏi điều gì, thì bà kia liền đứng dậy hỏi : "Tôi có hai câu hỏi. Thứ nhất, trong hiện tại vào mỗi ngày trên thế giới có hàng ngàn người bị chết đói. Đạo Phật giải thích và lập trường của Ngài về việc này như thế nào ? Thứ hai, thế giới đầy dẫy những thiết bị vũ khí nguyên tử. Các siêu cường quốc có những vũ khí nguyên tử nhiều hơn sự cần thiết dành cho nền quốc phòng. Những vũ khí nguyên tử này đủ để nổ tung trái đất vài trăm lần. Tuy nhiên, dường như họ cho rằng vẫn chưa đủ. Ngài nghĩ phải nên làm gì ?

Ngài mỉm cười, kiên nhẫn chờ phiên dịch câu hỏi. lát sau, Ngài bình tĩnh đáp : Có một phương pháp đơn giản giải quyết hai câu hỏi này. Hãy lấy những quả bom nguyên tử dư thừa, thả xuống vùng đông dân cư nhất.

Bà ta giật mình. Cả đại chúng đều cười rộ lên. Tuy nhiên, Ngài tiếp tục trả lời hai câu hỏi đó. Ngài bảo rằng đối với nhân quan Phật giáo thì thật ra chẳng có vấn đề chi. Kỳ lạ thay ! Con người không bằng lòng với hoàn cảnh hiện tại, nên tạo ra những vấn đề rắc rối. Thật vậy, mọi người vốn là tốt đẹp, nhưng chúng ta lại tự tạo ra những vấn đề rắc rối, rồi tự trói buộc chính mình. Phật giáo dạy chúng ta đạt đến cảnh giới "không có vấn đề gì". Lúc đang bị xoay quanh trong những vấn đề rắc rối mà hiểu rõ rằng không có gì là rắc rối, thì chúng đã đạt

đến chân lý. Bản chất Phật giáo vốn không liên hệ với chánh trị . . .

Buổi thuyết pháp kết thúc. Dường như mọi người đều hài lòng về những lời giải thích đó. Việc này khiến tôi nhớ lại một câu chuyện nói trong cuốn phim Tennessee Williams "Night of the Iguana" ? Richard Burton hỏi Ava Gardner rằng tại sao đầu bếp người Tàu của bà ta luôn nói "không sao đâu", mỗi khi được hỏi và bảo làm điều gì.

Ava xoay đầu, cười bảo : Triết lý mấy nghìn năm văn hoá của người Tàu nằm trong câu "Không sao đâu" ấy.

Vậy thì nghĩa của câu này là gì ?

Không có vấn đề gì.

Ngày nọ, lúc buổi công phu chiều vừa chấm dứt, mọi người cùng ngồi xuống để nghe giảng pháp, thì tôi chợt để ý đến lời nói nhỏ của Ngài với cư sĩ Jones rằng hãy chú ý tới mọi người, vì có kẻ đang định ăn cắp đồ. Jones dường như quên lãng đi, nhưng tôi vẫn nhớ rõ ; Tôi cảm giác là có lẽ Ngài nói cho mình nghe. Ngài luôn luôn có nhiều phương pháp để hành sự. Tâm Ngài không những thông đạt đến tất cả tánh tình của các đệ tử, mà còn biết nhân duyên với chúng sinh, và cũng đọc rõ được tâm niệm của mọi người. Giờ đây tôi xác thật nhận biết điều này.

Buổi giảng Kinh vừa chấm dứt, chánh điện liền huyền não ồn ào, với những lời bàn tán xôn xao. Đương khi Jones dường như quên hẳn lời dặn dò của Ngài thì tôi thấy một người đàn bà trạc tuổi trung niên chen lẫn vào chánh điện cố bung thùng phước sương. Thật giống như sống trong mộng, vì trước là lời tiên đoán, sau là sự thật. Tâm Ngài xoay chuyển trong ngoài, hiện tại và vị lai không ngừng nghỉ. Ngài dẫn dắt đệ tử tới những cảnh giới không thể nghĩ bàn.

Vừa được tôi báo tin thì Jones lập tức chụp lại tiền và tống bà ta ra khỏi Chùa. Dù Ngài đã đi vào phòng phía sau chánh điện, nhưng lời của Ngài vẫn

văng vẳng bên tai tôi. Ngài biết rõ việc trước khi bà ta làm. Thật không thể nghĩ bàn ! Tâm chúng ta nghĩ việc gì, Ngài đều biết hết, thật giống như tôi nói tiếng Anh lưu loát. Làm sao Ngài có thần thông như thế ? Tại sao Ngài tiết lộ cho tôi biết. Nếu thật sự tu hành thì tôi có thần thông chăng ? Việc này khiến cho niềm tin của tôi tăng thêm muôn phần. Tôi chân thật tin tưởng Phật pháp nên quyết định học hỏi thêm nhiều về diệu pháp và vị thầy này.

Để bắt đầu lãn bóng, vào một hôm, tôi nói với vị Tăng chấp sự là mình muốn thọ quy y với Ngài. Vị Tăng này bèn báo cáo với Ngài về ý định của tôi. Vài hôm sau, Ngài bảo rằng, sẽ có buổi lễ truyền giới quy y trong vài phút, vậy tôi có thật muốn tham dự hay không ? Tôi trả lời là rất muốn. Ngài mỉm cười rồi trở vào phòng nghỉ ngơi. Khi lễ quy y truyền giới vừa sắp bắt đầu thì một vị thầy người Mỹ bước ra, vội vã bảo tôi rằng nếu muốn thọ giới quy y thì phải cạo râu tóc sạch sẽ. Đương thời, tôi rất thích để râu tóc dài và cuộn tròn vì đó là hình dáng trai tráng sung sức mạnh mẽ của mình. Đột nhiên, tôi bị bắt buộc phải chọn lựa : Để râu tóc bờm sòm hay quy y Tam Bảo, việc nào quan trọng ? Tôi lập tức chạy vào nhà tắm, cạo bỏ râu, cắt tóc ngắn lại. Tôi bước trở ra thì buổi lễ quy y đang tiến hành.

Trong buổi lễ, có vài người Mỹ thọ giới quy y. Ngài tự dùng những phương pháp cá nhân để cho chúng tôi pháp danh trong 50.000 chữ Tàu. Tôi phát giác ra rằng pháp danh của mỗi người đều liên quan kỳ diệu đến căn tánh của mình. Có một đệ tử của Ngài, pháp danh là Quả Ly, ông ta không biết nghĩa của Quả Ly là gì ? Quy y thọ giới xong, ông cúng dường cho Ngài một mảnh đá bằng lưu ly mà ông đã giữ gìn bao năm trường. Không ai biết rõ ông ta có mảnh đá lưu ly này, hoặc ông ta sẽ cúng dường cho Ngài. Sau này, tìm trong tự điển tiếng Tàu, ông thấy nghĩa của chữ Ly là lưu ly.

Tôi thọ giới quy y Tam Bảo, làm đệ tử của Ngài với pháp danh là Quả Du (vượt qua giới hạn). Tôi rất thích và kiêu hãnh với pháp danh này, vì mình đã vượt qua những giới hạn của cuộc đời mà không muốn ngừng nghỉ. Buổi lễ vừa chấm dứt, một số bà Tàu người Quảng Đông đi vòng quanh chánh điện. Ngài vừa bước ra thì họ bu theo như nam châm hút sắt. Ngài nhìn tôi rồi mỉm cười bảo : Hãy nhìn thằng Mỹ ngu si này ! Nó vừa cạo bộ râu láng để quy y với tôi !

Đôi má tôi ửng hồng vì xấu hổ. Tuy nhiên, tôi không thể làm gì được để lấy lại hàm râu. Tôi cuối đầu lay xuống chiếc gối, lay để che dấu cảm giác sự hổ thẹn của mình. Tôi quyết chắc rằng một chút bản ngã đã rơi rụng. Hình tượng của tôi đã đi về phương nam, chỉ còn có đôi chút để chấp vào.

Lâu sau, tôi càng thấy Ngài rất niềm nở với mọi người. Tuy nhiên, đối với một vài người, Ngài phải dạy bảo bằng cách răn dạy cứng rắn. Tôi đã từng nghe người khác bảo : Đầu tiên nếm mật ong, kế đến là nghe giảng Phật pháp.

Ngài dạy đệ tử tùy theo căn tánh của từng người. Ngài dùng "pháp bất nhất định" hợp lý lẽ trong phạm vi truyền thống tôn giáo mà không chấp nê cứng chắc.

Ngài thường bảo : "Tại sao không có trí huệ ? Vì ngu si đăm chấp tướng".

Dùng cách này, Ngài chỉ ra hành vi ngu si của tôi. Tôi có vô minh từ vô lượng kiếp. Ngài phản ứng bằng tàng trí huệ thậm thâm mà không giải thích phương tiện thiện xảo của mình. Một phút trước, âm thanh Ngài vẫn còn vang dội tiếng la mắng người này. Một phút sau, Ngài tiếp đãi nồng hậu kẻ khác. Hầu hết, cảm tình của mọi người đều chảy từ trên xuống, như nước nóng trước lạnh. Dường như, Ngài cố tình đưa tôi vào nơi vượt ngoài sự đối đãi, hay cảnh giới thoát ngoài sự hiểu biết, không thể nghĩ bàn. Nóng giận của Ngài, dường như là thật nhưng không có chút gì chấp trước. Ngài có thể la hét bằng một sức mạnh hùng hổ, khiến lung lay cửa sổ rung động tường vách, nhưng lại biến mất vừa ngay khi nó rời khỏi miệng. Ngài giúp tôi dẹp trừ chấp trước, ngã mạn, tâm cuồng quý ma, để trở về chân tâm Phật tánh. Tôi tự nguyện thọ những sự giáo huấn đó. Ngài lại dùng gương trí huệ tròn sáng, giúp tôi tự quán chiếu chính mình. Ngài từng bảo rằng nhiệm vụ của Ngài là giúp mọi người nhận ra những việc đối đãi như tốt xấu, thương ghét, buồn vui, trong ngoài, cho đến khi họ không còn bị 'pháp đối đãi' làm mê hoặc. Nơi cảnh giới 'đối đãi', họ phải tìm ra trung đạo. Tuy nhiên, trong tự tánh chân thật, chẳng có gì gọi là 'trung đạo' hay cũng không có gì là 'tự tánh'.

Ngài thường dùng phương pháp 'bất đãi' để chỉ dạy đệ tử từ 'bên trong ra ngoài'. Phương pháp này vượt hẳn những cách thức chỉ dạy của các vị thầy khác thường dùng, như dạy từ 'ngoài vào trong'. Làm sao

*có thể chỉ dạy nếu họ không biết đệ tử mình đang làm gì đằng sau lưng ?*

*Ngài đã từng bảo : "Đừng hiểu lầm ! Thật ra tôi chỉ là kẻ vô danh tiểu tốt, giống như người đã chết, chẳng ra gì. Quý vị đều muốn tranh địa vị đệ nhất. Tôi lại thích địa vị thấp nhất. Quý vị rất thông minh sáng suốt. Tôi chỉ là kẻ tu hành ngu si. Tuy nhiên, nên nhớ rằng quý vị có thể tự lừa dối chính mình, và thầy mình, nhưng không thể lừa dối được chư Phật, Bồ Tát. Nếu muốn thử thì hãy tự tiện làm". Tất cả công đức, Ngài đều hồi hướng đến chư Phật và chư Bồ Tát.*

*Một chú Sa Di người Mỹ thường thọ rất nhiều 'roi bằng miệng'. Chú tiểu đáng thương kia cảm thấy rất khó giữ giới luật nghiêm mật và xả bỏ tâm hướng ngoại truy cầu. Câu chuyện như sau : Một đêm nọ, chú tiểu khởi tâm mong muốn 'ra ngoài' Chùa để đi chơi. Thật ra, chúng tôi cũng có những ý tưởng này, nhưng chú tiểu này lại dám làm thiệt. Mặc quần áo thường dân, đầu đội mũ ấm lông cừu, chú ôm máng xối trèo từ lan can tầng lầu thứ tư xuống lan can tầng lầu thứ ba, rồi leo theo ống khói, chạy ra ngoài Chùa giữa đêm khuya. Đi ra ngoài khoảng vài giờ, Chú làm những gì, chỉ có trời biết. Trước buổi công phu sáng, chú leo vào Chùa theo lối đã đi.*

*Không ai thấy chú ra đi hoặc trở vào Chùa. Chú cũng chẳng kể lại cho ai biết về cuộc hành trình bí mật đó. Sáng hôm sau, Ngài bước đến trước mặt chú hỏi :*

*Hôm con đi đâu ?*

*Run rẩy chú đáp :*

*Bạch thầy con không đi đâu cả.*

*Thế thì con làm gì ở trên xe buýt ?*

*Như thường lệ, mỗi khi Ngài nói chuyện, ai ai ở trong phòng cũng chú tâm lắng nghe, vì lúc đó là Ngài giáo hoá chúng tôi.*

*Chú bật khóc : Con, con, con không biết !*

*Ngài quát : Ai là người không biết ?*

*Con, con, con không biết !*

*Vậy ai đưa cho con thuốc lá ?*

*Con, con không nhớ !*

*Tại sao con nói chuyện với con gái trên xe buýt ?*

*Gương mặt chú tái mét vì sùng sốt, nên khóc lóc :*

*Bạch thầy, làm sao thầy biết được ?*

*Ngài quát : Làm sao thầy biết ? Thầy sẽ nói cho con nghe lý do thầy biết được. Vậy con có biết không ?*

*Chú đứng chết trân.*

*Ngài lại quát : Con có biết không ?*

*Dạ con biết.*

*Ngừng một lát Ngài bảo :*

*Đó là việc thầy biết ! Con có thể lừa dối chính mình, chứ không lừa dối được đại chúng !*

*Ngài lại kể cho chúng tôi nghe rằng trong thời đại vàng son của Phật giáo bên Tàu vào đời Đường, các vị Tổ Sư phải dùng gậy đánh đệ tử để khai ngộ cho họ. Tuy nhiên, Ngài bảo rằng người Mỹ rất yếu ớt và Phật giáo quá mới mẻ, nên Ngài không thể dùng sức đánh các đệ tử, ngay cả Ngài biết chúng tôi cần phải đánh. Không nghi ngờ gì, việc vị thầy đánh đệ tử sẽ giúp cho chúng tôi tu hành rất nhiều. Tuy nhiên, nếu Ngài đánh, chắc chắn chúng tôi sẽ bỏ chạy hết. Vì vậy, Ngài 'đánh' bằng tâm thức, tức là tâm đối tâm giống như các vị Tổ Sư, nhưng không có gậy. Nếu muốn khai ngộ đắc được tam muội chân thật, thì phải kiên cường thọ nhận gậy của các bậc thiện tri thức. Hầu hết chúng tôi đều muốn được 'ăn gậy'. Ngài có viết bài kệ :*

*"Tất cả đều là thử nghiệm*

*Xem mình làm được những gì*

*Trước mắt mà không nhận ra*

*Thì phải làm lại từ đầu".*

*Ngài bảo rằng, trong tương lai, Ngài sẽ thử thách các đệ tử. Chúng tôi không biết đó là thật hay là thử thách. Tuy nhiên Ngài không giải thích cận kề mỗi việc mà chúng tôi phải tự tìm ra. Ngài báo trước là có những những thử thách rất khó thọ nhận, nhưng đừng sợ. Ngài tiên toán hầu hết chúng tôi sẽ bỏ chạy, nhưng chẳng hề gì. Chúng tôi chạy đến đâu thì tùy ý, nhưng không thể chạy ra khỏi vũ trụ. Khi chúng tôi mệt mỏi thì Ngài mở cổng chờ đợi tiếp đón. Ngài không bao giờ cầu xin chúng tôi bước vào hay bảo chúng tôi đi ra.*

*Vì vậy, nếu tu hành chân chánh thì sẽ thành tựu. Những ai ở với ngài thường được thử thách bằng những lời trách mắng chua cay, hay đồ ngọt, cùng những cái 'đánh' rất thú vị, khiến được thúc đẩy đến bờ giác ngộ. Hầu hết chúng tôi đều nhận rõ rằng những cái 'đánh' đó thể hiện lòng từ bi tội độ của Ngài. Những ai xả bỏ chấp trước và kiên nhẫn tu trì mà thành tâm thực hành thì sẽ được cảm ứng. Thật vậy, cảm ứng phát khởi từ sự thật hành. Những đệ tử ở lại với Ngài sẽ đạt được những cảnh giới không thể nghĩ bàn, tức là thấy những gì chưa từng thấy, hay thông đạt được con đường giác ngộ.*

*Giống như những người đến Phật Giáo Giảng Đường vào cuối thập niên 60 và đầu thập 70, tôi mang theo rất nhiều tập khí xấu xa. Thật vậy, đạo tràng đó đã giặt giũ rất nhiều tập khí dơ bẩn của tôi. Chân thành cảm ân Ngài. Hầu hết chúng tôi đều bỏ những tập khí hút thuốc, uống rượu, ăn mặn cùng những chấp trước xấu xa. Dùng*

*những lời giáo huấn của các vị Tổ Sư, thiền ngữ, pháp thoại, cùng trí huệ sáng suốt, Ngài đổ vào tâm linh chúng tôi, để thay cho những thói quen tật xấu. Dù ngồi thiền hay nghe giảng Kinh thuyết pháp, chúng tôi đều đạt được lợi ích. Nhờ ngồi thiền mà tâm tư chúng tôi lắng đọng, nên hiểu rõ những lời Ngài dạy tường tận.*

# Le Sutra Du Merveilleux Dharma De La Fleur

Explication par Vénérable Maître Hsuan Hua  
Traduction en français : Bhiksuni Dam Nhu

## La suite

**N'AYANT PLUS D'AFFLICTIONS** : Tous les Arhats avaient obtenu le pouvoir de l'extinction des échappements, et n'avaient donc plus d'afflictions. S'ils n'avaient pas ce pouvoir, ils auraient encore des afflictions. "Plus" veut dire qu'ils ne s'affligeraient jamais plus. Ils ont fait ce qu'ils devaient faire, et n'en supporteront plus.

Parce qu'ils sont sortis du cycle de la naissance et de la mort, ils n'ont plus d'affliction. Combien de genres d'afflictions y-a-t-il ? En général, il y a 84.000 sortes d'afflictions. Mais il y a tellement d'afflictions à discuter, alors nous nous les regrouperont sous le terme "ignorance". Les afflictions surgissent toutes de l'ignorance. Il y a trois sortes d'afflictions qui sont connues comme les trois poisons. Ces trois poisons enveniment notre nature du Bouddha. Du passé le plus reculé jusqu'à nos jours, c'est la raison qui nous empêche de réaliser la Bouddhité. Ils nous empoisonnent au point que nous vivons comme enivrés et nous mourons en rêvant.

Et nous ne pouvons pas retourner simplement à la racine, retourner à la source à notre face originale.

Quels sont ces trois poisons ? Ce sont : La cupidité, la haine et la stupidité.

La cupidité est insatiable. Quoique vous possédiez, vous voulez toujours plus et vous voulez vous approprier de tout vous-même. Tout le monde a ses propres penchants et chaque peuple a ses propres aspirations. Les chefs des nations sont avides d'annexer le territoire des nations avoisinantes et les individus sont cupides de richesse. Ils pensent qu'une maison n'est pas suffisante et alors ils en achètent deux. Ensuite deux maisons ne suffisent pas alors ils en achètent une troisième. Trois maisons ne leur

satisfont toujours pas et alors ils construisent un manoir à plusieurs étages. Tous rivalisent de marques de richesse avec leurs voisins. "Je suis le plus riche", pensent-ils. Cependant, quand le moment arrive, ils ne peuvent pas se débarrasser

de leur propre vie. Or quelle que soit leur richesse, ils ne peuvent pas acheter le roi Yama afin que celui-ci leur accorde la vie éternelle. Ainsi la cupidité est un poison mortel. Elle corrompt les êtres intelligents et envoie les gens de bonne volonté dans les mauvais chemins.

La haine aussi est très difficile à commuer. Une étincelle de colère est capable de brûler une forêt de vertu. Le bois ramassé pendant mille jours peut être réduit en cendre par une seule étincelle. Vous pouvez être emplis de grands mérite et vertu, dès que vous perdez votre sang froid, tout s'enflamme.

Que veut dire : "Faire offrandes aux Trois Joyaux ?" S'il n'y a pas de haine sur votre visage, c'est une offrande au Triple Joyau. Être aimable et agréable envers autrui est une offrande au Bouddha. Mais vous vous ne faites pas d'offrandes aux Trois Joyaux, si vous le faites sous le coup de la colère, et votre visage est déformé par la rage.

Pas de mots coléreux, la bouche dégagera un merveilleux parfum. Ne grondez pas les gens, votre bouche sera très parfumée.

L'absence de haine dans l'esprit constitue un vrai trésor, mais les pensées nées de la colère sont difficiles à maîtriser. Dans le Sutra Vajra, Subhuti demande comment un Bodhisattva doit faire pour maîtriser l'esprit. Ceci fait référence à la maîtrise des afflictions et de la fausse réflexion.

Bien qu'il soit facile d'être cupide et détestable, il est aussi facile de repérer ces afflictions quand elles apparaissent. Malheureusement, la stupidité est profondément enracinée et difficile à démasquer.

La stupidité constitue à être toujours incertain dans le jugement, par exemple prendre le vrai pour le faux, et le faux pour le vrai, le noir pour le blanc et le blanc pour le noir. Les gens stupides ont continuellement des réflexions fraîches.

"Pourquoi la pleine lune ne durerait-elle pas tout le mois ?" Se demandent-ils et ils sont ennuyés lorsqu'ils voient qu'elle décroît. Les gens stupides veulent que la lune soit toujours pleine. Par contre les voleurs trouvent que la lumière de la pleine lune est gênante pour leurs vols de tous les soirs et préféreraient ne pas voir du tout la lune.

Ceux qui aiment boire du vin pensent, "je dois avoir de l'argent pour acheter du vin, mais si toutes les rivières, les ruisseaux, tous les lacs et les océans se remplissaient de vin, ne serait-il pas génial ? Tout ce que j'aurais à faire c'est de descendre au bord de la rivière et de m'en servir". Tels sont des exemples de pensées stupides.

Les gens qui sont avides d'argent travaillent pour en gagner et sont persuadés qu'ils travaillent trop durement. "Si seulement, des billets de banque poussaient sur les arbres à la place des feuilles", pensent-ils. "Tout ce que j'aurais à faire c'est d'en cueillir sur les arbres !" Toutes ces choses ne pourraient jamais se produire, mais les gens stupides continuent à les désirer, désirant l'impossible.

Voici encore d'autres exemples de la stupidité : Il existe des personnes qui ne sont jamais allées à l'école, mais qui voudraient obtenir un doctorat ; des personnes qui n'ont jamais travaillé dans les champs mais qui voudraient récolter des moissons. Ainsi, si vous ne pratiquez pas le Bouddhisme mais vous voulez devenir un Bouddha, c'est aussi un exemple de stupidité. De même, il est absurde d'espérer devenir un Bouddha si vous ne vous êtes même pas réfugiés auprès des Trois Joyaux.

Tout est souillé par ces trois poisons. Ils nous troublent, nous aveuglent et empêchent notre sagesse de se manifester.

"Bien, alors", vous vous demandez, "qu'est ce qui doit être fait, faites taire les pensées de la cupidité. Ne suscitez pas les pensées agressives. N'évoquez pas les pensées de la stupidité. Distinguez bien la cupidité, la haine et la stupidité

et cultivent les préceptes de la moralité, du Samadhi et de la sagesse.

Parlant de la moralité, du Samadhi et de la sagesse, en quoi consistent-ils exactement ?

### *La moralité.*

La moralité veut dire arrêter de faire le mal et éviter l'erreur. Ceci signifie mettre fin aux pensées de la cupidité. L'avidité engendre des réflexions malfaisantes. Elle rend les gens avides des biens d'autrui. Comment les pensées de la cupidité surgissent-elles ? Elles apparaissent parce qu'on ne comprend pas comment pratiquer la moralité. La moralité vous enseigne d'être content satisfait de ce que vous avez et de ne pas convoiter des choses qui ne vous appartiennent pas. Celui qui maintient les préceptes moraux peut apporter les pensées de la cupidité sous contrôle.

### *Le Samadhi*

Le Samadhi est un mot Sanscrit qui veut dire la "juste concentration" ou "la juste réception". Celui qui manque le pouvoir de la concentration percevra des pensées de la haine et dira que se sont les autres qui ont tort. Et s'il n'agit pas ainsi, il pensera que c'est lui-même qui est en tort et il se mettra en colère, à tel point qu'il pourrait même se donner une gifle ! Ensuite craignant que l'autre joue ne soit jalouse, il la giflera aussi. Le terme "jaloux" veut dire littéralement "boire du vinaigre". Pendant la Dynastie de Ch'in, il y avait un empereur qui avait un mandarin qui avait une peur bleue de sa propre femme. S'il rentrait tard la nuit sa femme le faisait s'agenouiller à côté du lit. S'agenouillant en public devant l'empereur était une chose, se mettre à genoux devant sa propre épouse en était une autre. C'en était vraiment trop. Pourtant il devait rester agenouillé jusqu'à ce qu'elle lui donnât la permission de se lever. Finalement, étant en bons termes avec l'empereur, il se confiait finalement qui lui répondit, "Ne vous inquiétez pas, j'ai une méthode qui fera changer votre épouse et elle ne vous mènera plus jamais par le bout du nez". Il fit venir au palais la femme du mandarin. La "vieille tigresse" se présentait devant l'empereur.

"Pourquoi obligez-vous votre mari s'agenouiller à côté du lit lorsqu'il rentre tard ? Dit l'empereur. "Ce n'est pas convenable. En plus il n'a jamais été impliqué dans des affaires indiscretes avec d'autres femmes, et même s'il l'avait fait, vous n'avez pas à le surveiller ainsi. Si vous corrigez votre comportement et cessez de contrôler de



cette manière votre épouse, nous oublierons cette histoire complètement. Mais si vous continuez à limiter sa liberté, je vous forcerai à boire cette tasse de poison ; et vous mourrez sur le champs. Si vous contentez à cesser cette surveillance, vous n'aurez pas à boire cette coupe. Par contre, si vous y attachez une grande importance, vous devez le boire et vous mourrez certainement". La femme était étonnamment hardie. "Bien", dit-elle, "je mourrai ici même et pas plus tard que maintenant". Elle prit la tasse et en vida le contenu. Bien sûr ce n'était pas du poison ; mais seulement du vinaigre. L'empereur avait dit cela uniquement dans le but de voir si elle oserait le boire. La femme était plus courageuse qu'il pensait. Elle préférait plutôt mourir que cesser de surveiller son mari. Ainsi, en Chine les gens disent, "boire du vinaigre" quand ils font allusion aux femmes qui surveillent de trop près leur époux. Heureusement, il s'agissait seulement du vinaigre. Il aurait pu aigrir son estomac mais n'était sûrement pas mortel.

Les gens qui s'énervent facilement épancheront leur colère sur eux-mêmes s'il n'y a pas d'autres personnes autour. Ils se frapperont même ! Pourquoi ? Parce qu'ils n'ont aucun pouvoir du Samadhi. Les gens qui ont le Samadhi ne se fâcheront pas. Les mauvaises humeurs s'enflammeront seulement si on n'a aucun Samadhi.

### *LA SAGESSE*

Pourquoi êtes-vous stupides ? Parce que vous manquez de sagesse. Toute la journée, votre cœur est préoccupé des pensées fausses et n'a pas de pause. Vous n'y voyez plus rien clairement.

Pour les sages,

*Quand un événement se produit, ils s'agitent ;*

*Quand cela est terminé, ils redeviennent sereins.*

Ils s'occupent bien des événements qui arrivent et quand tout est résolu, ils mettent leur esprit au repos. leur esprit n'est jamais esclave de leur corps. Si vous manquez de sagesse, vous êtes incapable de maîtriser votre corps parce que votre esprit est sous son contrôle et agit à son

commandement. Si vous êtes réellement imprégné de sagesse, alors toutes les choses sont prises en soin par l'intelligence du rasoir tranchant. Les étudiants de la doctrine du Bouddha devraient être lucides en présence de tout événement. Ceux qui comprennent parfaitement la Doctrine du Bouddha possèdent la sagesse. Ceux qui n'en comprennent pas la signification restent toujours dans leur stupidité. Les sages n'agiront pas stupidement tandis que les gens stupides seront incapables d'agir sagement.

Je serai parfaitement franc maintenant et vous dirai une vérité absolue la stupidité est juste la sagesse.

Vous pouvez me contester en disant, "vous êtes en train de me troubler ! si ce que vous venez de dire est vrai, pourquoi se donner la peine d'essayer d'obtenir la sagesse et de se débarrasser de la stupidité ?" ( Ne tenez pas compte de ce que j'ai dit ) pour juger sur les apparences. Je voulais dire que la substance fondamentale de la stupidité se change en sagesse. Autre dit la sagesse ne doit pas être séparée de la stupidité. Elle se trouve juste à l'intérieur de la stupidité : Seulement vous êtes incapable de l'utiliser. Être capable de l'utiliser, c'est de la sagesse ; être incapable de l'utiliser, c'est de la stupidité.

Le même processus s'applique au Samadhi. Le Samadhi est juste la colère et la colère est le Samadhi. Si vous désirez vraiment gagner le Samadhi, vous devez savoir qu'il doit être changé hors de votre colère. La moralité, aussi, est transformée par la cupidité. Ne les cherchez pas à l'extérieur, parce qu'ils se trouvent à l'intérieur de votre nature. Si vous savez les utiliser, ils deviennent moralité, Samadhi et sagesse. Si vous ne savez pas les utiliser, ils restent cupidité, haine et stupidité. Le merveilleux se trouve juste à ce point, et c'est aussi le point que vous ne pouvez pas comprendre.

(à suivre)

# LE SUTRA SHURANGAMA

Explication par le Vénérable Maître Hsuan Hua  
Traduction en français : Bhikshuni Dam Nhu

## La suite

**L**e deuxième Paramita pratiqué par les Bodhisattvas est la moralité. Ceci se réfère aux préceptes et aux règles, qui constituent un des aspects les plus fondamentaux des enseignements du Bouddha.

Quels sont les préceptes ? Les préceptes sont les règles de la conduite morale que les disciples Bouddhistes suivent. Les préceptes arrêtent le mal et arrêtent de faire des erreurs quand vous observez les préceptes. Vous ne vous adonnez pas aux mauvaises actions, mais à la place, vous vous comportez de façon vertueuse, et vous offrez votre bon comportement au Bouddha.

Combien de sortes de précepte y a-t-il ? Les laïcs qui ont pris refuge auprès des trois Joyaux Le Bouddha, le Dharma et le Sangha, et qui désirent qui faire des progrès, doivent observer les cinq préceptes. Qui sont : Ne pas tuer, ne pas voler, ne pas commettre l'adultère, ne pas mentir et ne pas consommer des produits alcoolisés. On fait le serment de suivre ces règles jusqu'à la fin de sa vie. Après avoir reçu les cinq préceptes, les laïcs peuvent faire plus de progrès encore observant les huit préceptes. Au-dessus du stade des huit préceptes sont les dix préceptes d'un Shramanera. Après avoir reçu les préceptes du Shramanera, pour devenir pleinement ordonné, devenir celui qui a quitté la vie séculière, on peut prendre les 250 préceptes d'un Bhiksu (le Moine) ou les 348 préceptes d'une Bhikshuni (None). Il y a aussi les dix préceptes principaux et les 48 préceptes secondaires d'un Bodhisattva. Les dix premiers sont dits majeurs parce qu'on ne peut pas se repentir et se réformer après violation d'une de ces dix règles. Si on transgresse les préceptes secondaires, il est encore possible de réparer ses fautes et de recommencer.

Quand le Bouddha était sur le point d'entrer dans le Nirvana, son disciple Ananda lui posa quatre questions. Une parmi elles était celle-ci : "Quand le Bouddha était dans le monde, il est notre maître ; après que le Bouddha sera entré dans le Nirvana, qui sera notre maître ?"

Le Bouddha lui dit, "Après que je serai entré dans le Nirvana, vous devez considérer mes préceptes comme le maître". Il voulait dire que les personnes qui se font religieux, (c'est à dire les Bhiksus et les Bhikshunis) doivent prendre pour maître ses préceptes.

Les fidèles qui cherchent à recevoir les préceptes doivent obligatoirement les obtenir de la part de celui qui a renoncé à la vie séculière. Quand les préceptes sont transmis, l'essence des préceptes doit être accordée au destinataire par un Bhikshu. Selon les préceptes du Bouddha, les Bhikshunis ne peuvent pas transmettre les préceptes.

Il est absolument essentiel que les fidèles veulent pratiquer la voie pour recevoir préceptes. Si vous pouvez garder l'essence pure des préceptes, alors vous êtes aussi admirable qu'une perle resplendissante. Le Maître Vinaya Tao Hsuan, qui vivait sur la montagne Chung Nan pendant la Dynastie de T'ang, gardait si bien les préceptes que les dieux eux-mêmes lui faisaient des offrandes. La vertu des préceptes est très grande. Si vous étudiez le Dharma du Bouddha sans recevoir les préceptes, vous serez comme une bouteille qui fuit. Garder les préceptes c'est arrêter cette hémorragie. Le corps humain a des écoulements, il fuit même si vous maintenez les préceptes pendant longtemps, il n'y aura pas de risque de débordement.

Cette assemblée du Dharma du Shurangama, dans laquelle le Sutra va maintenant être expliqué, offre une association d'étude et de pratique. L'emploi du temps est vigoureux, tous les jours à partir de 6 heures du matin jusqu'à 9 heures du soir, l'emploi du temps est beaucoup plus astreignant par rapport à l'école habituelle mais il s'agit ici d'une école où l'on apprend à s'évader de cycle infini de la naissance et de la mort. C'est une école de compréhension et de mise en application, deux aspects qui se complètent. A partir des explications du Sutra Shurangama, nous tirons la compréhension et nous pratiquons en étudiant le Ch'an (méditation).

Par la combinaison de la compréhension et de la pratique nous pouvons avancer à grands pas sur la

terre solide, comme si nous exerçons le métier sans insouciance et sans négligence. Par vos efforts, vous pouvez résoudre le problème de la naissance et de la mort et obtenir un intérêt extrêmement grand.

Un exemple aidera à démontrer l'intérêt d'associer la compréhension à la pratique. Un aveugle et un infirme vivaient ensemble dans une famille où il y avait plusieurs autres personnes qui vivaient avec eux pour les aider. Un jour, pourtant, tous les autres étaient sortis pour aller pêcher, faire des courses ou faire toutes sortes de choses que les gens aiment faire. En ce jour précis la maison prit feu. L'aveugle ne pouvait pas voir et n'avait pas aucun moyen de sortir. L'infirme pouvait voir, mais il n'avait pas de jambes. Ils se trouvaient donc dans une fâcheuse situation ! Tous les deux allaient certainement être brûlés vifs.

A ce moment là, un sage et bon conseiller leur dit : "Vous pouvez tous les deux éviter la mort. Il vous est possible de sortir cette maison en feu. Comment ? L'estropié, permettez à l'aveugle d'utiliser vos yeux. L'aveugle, laissez l'estropié se servir de vos jambes". Ils suivirent son conseil. Mais l'infirme allait-il énucléer ses propres yeux pour les replacer dans les orbites de l'aveugle ? Ou bien allait-on amputer les jambes de l'aveugle pour les greffer à l'infirme ? Bien sûr que non, cela ne peut jamais se réaliser même avec un chirurgien à l'infirme -- Bien sûr que non. Cela ne se peut. Comment firent-ils alors ? Ils s'adaptèrent à leur situation. L'infirme montait sur le dos de l'aveugle et lui indiquait où il faut marcher. "Allez à gauche, allez à droite, allez tout droit", l'aveugle avait les jambes et quoiqu'il ne pût pas voir, il put entendre les instructions de l'infirme. Grâce à cela, les deux réussirent juste à ce temps à se sauver eux-mêmes.

Quand vous lisez ceci, ne croyez pas que je suis en train de parler de vous. Vous n'êtes ni aveugle ni infirme. Ne dites pas que c'est moi qui suis à la fois l'aveugle et l'estropié. Mais ayant compris le principe que j'ai cité, l'analogie qui ne parle ni de vous ni de moi et qui pourtant vous concerne tout autant que moi-même.

Ne soyez pas trop orgueilleux de votre extraordinaire compréhension. Pour quelle raison n'avez-vous pas encore atteint la Bouddhité ? C'est justement parce que vous êtes trop arrogant. "Vous croyez que vous avez acquis beaucoup de connaissances. Mais tout ce que vous apprenez vous obstrue. Si vous avez beaucoup de connaissances, vous êtes bloqué par vos connaissances. Si vous avez beaucoup de

capacité, votre capacité vous obstrue à tel point que vous êtes incapable d'entrevoir la voie. Nous devrions nous débarrasser de nos pensées de vous, de moi, et de lui. Laissez les réflexions se dissiper. Relaxez-vous. Purifiez-les. Videz votre esprit ?

"Pourquoi ?"

Ensuite, vous pouvez remplir votre estomac avec la merveilleuse saveur du beurre clarifié, le merveilleux Dharma sans égal. (Il était) une fois, un candidat en docteur en philosophie, qui reconnaissait que son cœur était pénétré de déchets. Nous allons maintenant nous servir de ses mots et dirons, "balayez les déchets de votre cerveau, et alors vous pourrez écouter les Sutras. Ainsi chaque chose que vous entendez révélera mille compréhensions.

Le troisième Paramita du Bodhisattva est la patience. Il y a trois genres : La patience avec la production ; la patience avec les dharmas ; et la patience avec la non-production des dharmas.

Le quatrième Paramita est la vigueur. Être vigoureux signifie avancer continuellement et ne jamais se retirer. Un exemple de la vigueur extraordinaire est donné dans le Sutra du Merveilleux Dharma de la Fleur de Lotus dans le chapitre sur les actions passées du Bodhisattva Roi du Médicament. Ce Bodhisattva enveloppe son corps en coton, le trempait dans le l'huile parfumée, allait devant les Bouddhas et brûlait son corps comme une offrande au Bouddha.

"Pourquoi fait-il cela ?" Demandez-vous. Parce qu'il ressentait que la bonté du Bouddha était si sublime ; si profonde et si grande qu'il n'avait aucun moyen pour le remercier. Ainsi, il s'était servi de son propre corps, de son cœur, de son essence et de sa vie comme une offrande au Bouddha.

"Pendant combien de temps son corps brûlait-il ?" Vous vous demandez. Pendant une période extrêmement longue. Il n'existait aucun moyen pour mesurer le temps pendant lequel il s'était consumé.

(à suivre)

# LE MANTRA SHURANGAMA

Explication par Vénérable Maître Hsuan Hua  
Traduction en français : Bhikshuni Dam Nhu

## La suite

Texte : JE DESIR MAINTENANT OBTENIR LE RESULTAT ET DEVENIR UN ROI HONORE. QUI RETOURNE ENSUITE POUR SAUVER AUTANT D'ETRES QU'IL Y A DES GRAINES DE SABLES DANS LE GANGES.

JOFFRE CETTE PENSEE PROFONDE A CEUX QUI SONT AUSSI INNOMBRABLES QUE LES ATOMES DE POUSSIERES DES TERRES DU BOUDDHAS.

POUR RENDRE LA BONTE QUE LE BOUDDHA M'A MONTRE.

DANS L'OBEISSANCE, JE DEMANDE A HONORE DU MONDE DE CERTIFIER MON SERMENT D'ENTRER D'ABORD LES CINQ TURBULENTS MAUVAIS MONDES.

S'IL Y A MÊME UN ÊTRE QUI N'EST PAS DEvenu UN BOUDDHA, A MA MORT JE NE PARVIENDRAI PAS NIRVANA.

QUE LA FORCE DU HERO EXALTE, SA BONTE ET COMPASSION PUISSENT RECHERCHER ET DISSIPER MÊME LE PLUS DELICAT DE MES DOUTES,

POUR ME FAIRE OBTENIR RAPIDEMENT L'ILLUMINATION SUPRÊME,

ET DIRIGER LE BODHIMANDA DES MONDES DES DIX DIRECTIONS.

MÊME SI LA NATURE DU SHUNYATA DEVAIT FONDRE ENTIEREMENT,

CET ESPRIT DU VAJRA NE VIBRERA JAMAIS.

## Commentaire :

**A**nanda a juste dit, "Il dissipe mes pensées dispersées dans des millions d'éons, alors je n'ai pas besoin de subir Asamkhyaya éons pour atteindre le corps du Dharma". Il dit maintenant, JE DESIR ATTEINDRE LE BUT / Il fait le serment avant tout de devenir un Bouddha. ET DEVENIR UN ROI HONORE / C'est un Bouddha. Le "But" se réfère au fruit de la Bouddhéité. Le "Roi Honoré" représente le Bouddha, QUI REVIENT ENSUITE POUR SAUVER AUTANT D'ÊTRES QU'IL Y A DES GRAINS DE SABLE DANS LE GANGES / Je ne deviens pas un Bouddha pour moi-même, mais pour être un navire compatissant et navigue moi-même dans le monde de Saha pour enseigner aux êtres vivants, au nombre de grains

de sable dans la rivière du Ganges. Je les sauverai tous. JOFFRE CETTE PENSEE PROFONDE. "Cette pensée profonde" est une sorte de sagesse du Prajna. J'irai à Kshetras comme les atomes de poussière en nombre -- aux mondes des dix directions. Par le pouvoir de mon serment, je retournerai sur les terres égales en nombre d'atomes de poussière dans les dix directions, POUR RENDRE LA BONTE QUE LE BOUDDHA M'A MONTREE. J'utiliserai ce genre de sincérité extrême pour honorer le Bouddha pour m'avoir enseigné.

DANS L'OBEISSANCE JE DEMANDE A L'HONORE DU MONDE DE CERTIFIER MON VOEU D'ENTRER D'ABORD LES CINQ TURBULENTS ? MAUVAIS MONDES / S'IL Y A MÊME UN ÊTRE QUI N'EST PAS DEvenu UN BOUDDHA, A MA MORT JE NE PARVIENDRAI PAS LE NIRVANA. Je demande au Bouddha très humblement, l'Honoré du Monde, de certifier mon vœu. "Il est plus difficile de sauver les êtres vivants dans les cinq turbulents mauvais mondes, mais je fais encore vœu de faire ceci : Pendant la turbidité de Kalpa, la turbidité des vues, la turbidité d'affliction, la turbidité des êtres vivants, la turbidité d'une vie dans ces mauvais mondes des cinq turbidités -- les êtres vivants sont extrêmement obstinés et difficiles à enseigner. Mais je viendrai ici en premier pour les sauver. Je reviendrai d'abord au monde Saha. S'il y a juste un être qui n'est pas devenu un Bouddha, alors selon mon serment, je ne prendrai pas le fruit d'Arhatship non plus. Le premier fruit du Shrotaapanna, le deuxième fruit du Sabridagamin, le troisième fruit d'Anagamin, le quatrième fruit d'Arhatship. Je n'accepterai aucun d'entre eux. Je n'entreprendrai non plus le fruit du Bouddha du Nirvana.

Parce qu'aussi longtemps qu'il y a des êtres vivants qui ne sont pas devenus Bouddhas, je resterai ici à attendre une occasion pour les enseigner. Et seulement après que je les ai tous fait devenir Bouddhas, j'entrerai dans le Nirvana -- atteindrai le fruit". Ceux des deux véhicules cherchent la position d'Arhatship. Le fruit du Bouddha est le

grand Nirvana -- le dernier. La dernière, la juste et parfaite illumination. Ananda veut faire ce vœu pour aider le Bouddha Sakyamuni à enseigner et transformer les êtres vivants. QUE LA FORCE DU HERO EXALTE, SA BONTE ET COMPASSION / PUISSENT RECHERCHER ET DISSIPER MÊME LE PLUS DELICAT DE MES DOUTES. "Héros exalté" se réfère à un grand courage, se réfère à un grand courage, aussi bien que la grande sagesse, la grande connaissance, la grande pratique et les grands vœux. "LA FORCE RESPECTUEUSE" -- il n'y a pas de pouvoir qui soit plus fort que ceci. "SA BONTE ET COMPASSION" -- Un héros exalté de la force respectueuse a aussi la bonté et la compassion. Le grand courage et le grand pouvoir régularisent la grande compassion. La bonté peut apporter le bonheur aux êtres vivants. Compassion peut soulager la souffrance. C'est à dire, il n'y a rien qui ne soit pas fait pour chérir les êtres vivants, pour les protéger et pour combler leur désir. Tout ce que les êtres vivants veulent du Bouddha, il exauce désirs, parce qu'il est grandement compatissant envers les gens. "Je redis que j'espère que vous recherchez et dissipez même le plus délicat de mes doutes. Auparavant, quand Ananda dit, "il diffère mes pensées renversées rassemblées dans des millions d'éons", il a parlé de débarrasser des illusions des vues et des illusions de la pensée. Maintenant il veut dire dissiper des illusions comme la poussière et le sable. Celles-ci se réfèrent aux plus délicates, fines illusions, le genre que vous ne pouvez même pas trouver, les fausses pensées submergées continuant dans le plus délicat niveau de votre conscience, le niveau de l'ignorance fondamentale. "J'espère que le Bouddha grandement courageux, puissant et compatissant, le seul Honoré du Monde révélera et me débarrassera de mes plus délicats doutes".

"ME FAIT OBTENIR RAPIDEMENT LA SUPRÊME ILLUMINATION / ET DIRIGER LE BODHIMANDA DES MONDES DES DIX DIRECTIONS. M'incite à me dépêcher de réaliser la voie du Bouddha ! J'établirai les lieux de pratique dans les mondes des dix directions, les lieux pour propager la doctrine du Bouddha. Maintenant quelqu'un pense : "Le serment d'Ananda est vraiment contradictoire, parce qu'il vient de dire : s'il y a même un être qui n'est pas devenu un Bouddha, à la mort je n'atteindrai pas le Nirvana, et maintenant il veut se dépêcher de réaliser la voie du Bouddha et diriger le Bodhimanda dans les dix directions du monde. Son serment n'est-il pas contradictoire ?" Non ! Avant,

il a dit qu'il entrerait dans le Nirvana seulement quand tous les êtres vivants seraient devenus Bouddhas ; et aussi longtemps qu'ils ne l'étaient pas, ils ne deviendraient pas illuminés. Mais, maintenant il demande au Bouddha de l'aider, l'aider à se débarrasser de ses illusions vulgaires et ses illusions délicates de façon à ce qu'il puisse se dépêcher de sauver les êtres vivants et perfectionner son serment. "Aider moi" veut dire "me tirez embarras". Aidez-moi à réaliser l'illumination. Il demande au Bouddha de sauver les êtres vivants qu'il devait sauver, lui ! Quand il dit, "s'il y a même un être qui n'est pas devenu un Bouddha", il se réfère aux êtres vivants avec qu'il a des affinités les êtres vivants qui se joignent à l'assemblée du dharma. Il a dit qu'il sauverait tous les êtres vivants qui ont des liens causals avec lui. Bien sûr, les êtres vivants qui n'ont pas de lien avec lui devront attendre quelqu'un d'autre pour venir les sauver. Autrement, pourquoi y auraient-ils tous ces Bouddhas ? Si Ananda lui-même pouvait sauver tout le monde, alors nous n'aurions pas besoin d'autres Bodhisattvas du tout. Ils seraient tous inutiles. Ils pouvaient tous être au chômage. Ne pensez-vous pas que c'est vrai. Il est clair qu'il sauvera ceux qui ont des affinités avec lui. Par exemple, il sauverait tous êtres dans l'assemblée du dharma qui l'a entendu faire des conférences sur les Sutras.

Maintenant, je ne suis pas le procureur de la défense d'Ananda ; je crois vraiment ce que je dis. Si tous les êtres vivants dans le monde allaient être sauvés par Ananda, que feraient tous les autres Bodhisattvas ? Simplement s'asseoir là toute la journée et renifler l'encens ? Ce serait ridicule ! Même les Bouddhas et les Bodhisattvas partagent leur travail. Chacun fait le sien. Tout comme les gens à la Cité des dix mille Bouddhas partagent leur travail. Certains d'entre eux préparent les lits, certains balayent le plancher, certains ratissent les feuilles, d'autres coupent l'herbe. Ils effectuent tous leurs propres tâches. C'est la même idée. Alors vous ne devriez pas penser : "Oh, Ananda a fait un vœu qui est absurde ! C'est tout plein de contradictions ! "Avec vos critiques, vous faites d'Ananda un banal criminel. Il a commencé à vouer de vous sauver et vous l'avez inculpé ! Vous l'accusez d'être illogique. Il voudrait mieux que vous regardiez si vous n'êtes pas contradictoire vous-même. Même s'il se contredit, il suffira que vous ne vous contredisiez pas. Alors pensez-y. N'essayez pas de comprendre la sagesse d'un sage avec l'esprit d'une personne ordinaire. N'essayez pas de comprendre la pensée d'une personne

supérieure quand vous êtes seulement une petite personne. Vous ne pouvez pas juste critiquer les gens par hasard. Cela ne va pas aller ! Dans ce cas, tout n'est pas bon !

MÊME SI LA NATURE DU SHUNYATA DEVAIT FONDRE ENTIEREMENT CET ESPRIT DU VAJRA NE VIBRERA JAMAIS. Shunyata veut dire le vide. Alors le sens de cette phrase, "même si la nature du Shunyata devait fondre entièrement", exprime l'impossible. Est-il possible pour l'espace vide de disparaître ? L'espace vide peut-il ne pas exister ? Puisque le vide est juste rien, peut-il disparaître ? Il n'y a rien là pour disparaître. Mais, Ananda propose l'impossible : Supposez, il pouvait disparaître ? Fondamentalement, l'espace vide ne peut pas disparaître, parce qu'il n'est pas là pour commencer. Mais supposons seulement qu'il pouvait disparaître. Bien, il ne peut pas -- mais supposons qu'il le puisse ? Même s'il pouvait, mon indestructible esprit du Vajra ne bougera pas. Ma graine du Vajra du Bodhi, ma grande mer des graines du Bodhi Vajra ne changera pas. C'est une immense mer. L'espace vide ne peut pas disparaître, mais même s'il pouvait, mon esprit ferme ne disparaîtra pas. Il sera toujours là et pour toujours. Il ne bougera jamais ; il ne changera jamais.

Texte :

NAMO LES BOUDDHAS DEMEURANT  
ETERNELLEMENT DES DIX DIRECTIONS.  
NAMO LE DHARMA DEMEURANT  
ETERNELLEMENT DES DIX DIRECTIONS.  
NAMO LE SANGHA DEMEURANT  
ETERNELLEMENT DES DIX DIRECTIONS.

Commentaire : C'est prendre refuge auprès du Triple Joyau. "Je prends refuge auprès de tous les Bouddhas des dix directions. Je prends refuge auprès du Dharma parlé par tous les Bouddhas dans les dix directions. Je prends refuge auprès des sages du Sangha dans les dix directions". Le digne

Sangha se réfère à tous les grands Bodhisattvas et Arhats.

Texte :

NAMO NOTRE PRIMORDIAL MAÎTRE LE  
BOUDDHA SHAKYAMUNI.

Commentaire :

Ayant pris refuge auprès du Triple Joyau demeurant éternellement dans les dix directions, ensuite on prend refuge auprès son maître, le Bouddha Sakyamuni. "Sakyamuni" est un mot Sanscrit qui se traduit comme "capable d'humanité" et "tranquille et silencieux". Être "capable d'humanité" se réfère à la délivrance universelle de tous les êtres vivants. Être "tranquille et silencieux" veut dire qu'il est impassible. "Humanité" se réfère à son habilité à répondre, d'accorder la bonté et l'humanité aux êtres vivants. Ces deux représentent la non-dualité du mouvement et de la tranquillité. Etant capable d'être humain se réfère au mouvement. Tranquille et silencieux se réfère à la tranquillité. La tranquillité et le mouvement sont une substance, ils ne sont pas doubles. Il y a la tranquillité dans le mouvement et il y a le mouvement dans la tranquillité. Le mouvement n'obstrue pas la tranquillité et la tranquillité n'obstrue pas le mouvement, parce que dans le mouvement, il y a la tranquillité et dans la tranquillité il y a le mouvement. Quand on pratique la voie au point que le mouvement et la tranquillité deviennent le même soi, personne n'a plus de pensées fausses, car on est revenu à la substance de base.

Texte :

NAMO LE SHURANGAMA LE PLUS  
AVANCE. LA COURONNE DU BOUDDHA.

Commentaire : On prend refuge auprès du sommet invisible au-dessus de la couronne du Bouddha, c'est à dire le Grand Shurangama, le durable Samadhi.

(à suivre)

# LE SUTRA DU VAJRA PRAJNA PARAMITA.

Explication par le Vénérable Maître Hsuan Hua  
Traduction en français : Bhikshuni Dam Nhu

La suite

**U**NE FOIS, se reporte au temps où le Bouddha était resté à Sravasti. Sravasti, le nom de la ville capitale que logeait le Roi Prasenajit, traduit comme “ la vertu florissante”.

“Florissante” se reporte aux cinq désirs la forme, le son, l’odeur, la saveur et les objets tangibles et pour la richesse qui abondait dans le pays. “Vertu” se reporte à la conduite des citoyens, qui étaient bien éduqués et libre des chagrins.

LE BOSQUET DE JETA, appartenait au fils du Roi Prasenajit, le prince Jeta dont le nom, “Le vainqueur de la Guerre” lui était donné en commémoration de la victoire du Roi Prasenajit dans une guerre avec le pays voisin qui se passait le jour où son fils était né.

LE BIENFAITEUR DES ORPHELINS ET LE SOLITAIRE se reporte à un philanthrope indien du temps qui ressemblait beaucoup au Roi Wen de la Dynastie Chou en Chine. Le premier but du roi Wen était de bénéficier les veufs, les veuves, les orphelins et le solitaire, les personnes assez âgées, les couples sans enfants. Son gouvernement était bienfaisant et humain, et tendait uniquement au bien du pays. Le bienfaiteur mentionnait ici dans le Sutra était le plus âgé nommé Sudatta, “le bon bienfaiteur”, un des grands ministres du roi Prasenajit.

Les fleurs du jardin appartenait au Prince Jeta jusqu’à ce que Sudatta l’acheta pour un prix exorbitant d’un mètre carré d’or pour chaque mètre carré de terre ! le vieux Sudatta faisait l’achat en suivant son invitation au Bouddha de venir à Sravasti pour parler du Dharma.

Les suites sont les événements qui avait pour résultat de son achat du jardin.

Tout commençait quand Sudatta allait à Rajagrha pour les affaires et restait avec un ami nommé Shan T’an No. Une nuit pendant sa visite à la maison de Shan T’an No, son ami s’élevait au

milieu de la nuit et commençait à décorer sa maison. Il mettait en ordre des ornements et les arrangeait à la perfection, travaillant dans la nuit jusqu’à ce que sa maison soit la plus élégante. Le vieux Sudatta entendit l’agitation et se leva pour voir ce qui s’était passé.

“Ainsi, quelle est la grande cause de faire votre maison si splendide ? Avez-vous invité le Roi ? Quelqu’un dans votre famille va-t-il se marier ? Pourquoi toutes ces préparations ?”.

"Ce n’est pas le roi que j’attends ou un mariage. J’ai invité le Bouddha venir chez moi pour recevoir une offrande d’un repas végétarien", répondit son ami.

Sudatta n’avait jamais entendu le nom du Bouddha auparavant, et quand son ami parlait de nom, tous les cheveux sur son corps se dressaient. "Etrange", pensa-t-il. "Qui est le Bouddha ?" Il se demanda.

Le vieux Shan T’an No dit. "Le Bouddha est le fils du Roi Suddhodana. Il renonça à sa succession du trône pour quitter la vie de famille et pratiquer la voie. Il pratiquait depuis six ans dans le Himalaya, et après sous l’arbre de sagesse, il voyait une étoile une nuit, était éveillé la voie et devenait un Bouddha".

La fondation des bonnes racines du vieux Sudatta lui causait immédiatement à énoncer sa détermination de voir le Bouddha. Sa sincérité si profonde touchait le Bouddha Sakyamuni, qui était resté dans le Bosquet du Bambou, (à soixante ou soixante dix kilomètres du sud-est de Rajagrha), qu’il émettait une lumière pour guider Sudatta .

En voyant la lumière, Sudatta pensait qu’il était l’aube, et s’habillait passionnément et partait. Il était réellement le milieu de la nuit et les portes (grilles) de la ville n’avait pas encore ouvert, mais lorsque le vieux arrivait au mur de la ville, les grilles, causé par les pénétrations spirituelles du Bouddha, étaient ouvertes et il les traversait et poursuivait sa route pour voir le Bouddha Sudatta

suivait les directions données par son ami, et était guidé par la lumière du Bouddha.

Quand il arrivait à Vihara, il ne savait pas la marche à suivre pour saluer le Bouddha. De nouveau, sa profonde sincérité évoquait une réponse, et quatre dieux se transformèrent en bhiksus, tournaient autour du Bouddha trois fois à droite, allèrent au devant l'Honoré, s'inclinèrent trois fois, se joignirent leurs mains et allèrent aux renseignements.

Le vieux Sudatta suivait leur exemple, et puis s'agenouillait devant le Bouddha qui enleva sa couronne et dit, "Pourquoi êtes-vous venu ?".

Sudatta dit simplement, "Bouddha, vous êtes trop bon. Je n'ai jamais vu un Bouddha auparavant, et maintenant je ne veux pas vous quitter. Voulez-vous venir et vivre près de chez moi ?"

Le Bouddha accepta en disant, "d'accord, mais avez-vous un lieu ? Les douze cent et cinquante disciples qui m'accompagnent constamment auront besoin d'être nourris et logés. Avez-vous des logements assez grands pour nous tous ?"

"Je trouverai un endroit", promit le vieux, et il retourna à la maison pour commencer la recherche dans toute la région qui finissait quand il vit le Jardin de la fleur du Prince Jeta. C'était parfait à tous regards offrant une bonne vue, encore commode à la ville les terrains eux-mêmes étaient chargés d'énergie efficace. Tout, à l'exception qu'il appartenait au prince. Etonné comment il pourrait l'acheter Sudatta envoya un messenger pour faire une offre. "Il y a si beaucoup d'argent qu'il pense qu'il peut acheter mon jardin de fleurs" ! riait le prince avec stupeur. "Très bien", dit-il en plaisantant, "s'il le couvre complètement avec des pièces d'or je le lui vendrai ! C'est mon prix." Le prince Jeta était supposé que le vieux Sudatta ne pouvait se permettre de faire mettre l'or sur les terrains. Jamais il ne devinait que l'argent de Sudatta et son désir d'entendre le Dharma tous deux étaient adéquats. Le vieux prit les pièces d'or des entrepôts de sa famille et couvrait le Jardin du Prince Jeta.

Le prince Jeta était outragé. "Remmenez vos pièces ! Je n'ai pas l'intention de le vendre. C'était juste une plaisanterie. Il ne me venait jamais à l'esprit que vous pourriez réellement être disposé à payer un tel prix. Mon jardin ne peut pas être acheté pour aucune somme."

Le vieux répondit calmement, "Maintenant vous dites que vous ne vendrez pas ? Vous êtes l'héritier du trône et un mot de l'empereur devrait être sûr. Un roi ne ment pas ou parler imprudemment. Vous feriez mieux le vendre, parce que si les gens ne peuvent pas faire confiance en votre parole

maintenant, pourquoi devraient-ils croire après, lorsque vous êtes sur le trône ?"

Le prince reconnaissait sa situation fâcheuse. "Très bien", dit-il.

Puisque vous utilisez les pièces d'or pour le couvrir, vous avez acheté la terre. Mais vous ne couvriez pas les arbres. Alors le jardin est votre offrande pour le Bouddha et les arbres sont mon offrande. Avez-vous quelque chose à dire de plus ?"

Le vieux réfléchissait à cela et se rendait compte qu'il était prince. C'était vrai que les sommets des arbres n'avaient pas été couverts d'or et s'il refusait de consentir, le Prince pourrait les abattre et puis le jardin serait moins beau." D'accord, nous le diviserons."

Par conséquent il est appelé "Le Bosquet de Jeta dans le jardin du Bienfaiteur des orphelins et le solitaire." Le nom du Prince n'est pas mentionné le premier puisqu'il était royauté, et le vieux Sudatta, connu comme Anathapindada, "Le bienfaiteur des orphelins et le solitaire" qui maintenait une position ministérielle dans le court, est mentionné en deuxième position.

#### ENSEMBLE AVEC UN RASSEMBLEMENT DE GRANDS BHIKSUS.

Après Sakyamuni Bouddha réalisait la Bouddhité, il allait d'abord à la chasse gardée pour le cerf pour trouver les cinq Bhiksus y compris Ajnatakaundinya. Puis il méditait et vit que Uruvilva Kasyapa, qui avait un grand nombre de disciples, pourraient être convertis. Le Bouddha Sakyamuni était un vieux Sanghan et avait la manière d'un grand Maître, mais quand il arrivait pour rendre visite Uruvilva Kasyapa ne le reconnaissait pas en respect parce qu'il pensait. Je suis le chef de beaucoup d'homme. Tout le monde m'appelle l'homme estimable... pas au courant d'arrière plan du Bouddha, il se répandait brusquement une question du Dharma contre lui. Bientôt, quoiqu'il se rendait compte qu'il avait confronté, pour quoiqu'il disait, il ne réussissait pas à avoir le dernier mot.

Il ne pouvait pas vaincre le Bouddha au débat ! Ayant échoué avec des mots recourait à son pouvoir spirituel comme un feu adorateur. Avec intention de brûler le Bouddha, il évoquait un grand feu. Sa force était impressionnante mais le feu ne réussissait pas à toucher le Bouddha, et, en fait, se tournait vers Kasyapa lui-même, qui, sur le bord d'étant brûlé vivant, il était sans appui et immédiatement se rendit au Bouddha.



Uruvilva avait cinq cent disciples et son frère avaient deux cent cinquante disciples.

Tous ceux-là prenaient refuge avec le Bouddha, en apportant le nombre de disciples à 1005.

Plus tard, le Bouddha convertit Sariputra et Mahamaugala qui avait cent disciples. Quand ils prenaient refuge, les disciples du Bouddha s'élevaient à 1205 en tout. Yasas, le fils du vieux et ses disciples prenaient aussi refuge avec le Bouddha. Cela fait réellement un total de 1255 disciples qui étaient disciples constants du Bouddha. Les textes du Sutra arrondissent le nombre à 1250.

En ce temps là a cinq significations :

1. C'était le temps où le Bouddha voulait parler, commençant à parler et avait parlé.

2. C'était le temps qui brise les vues des voies externes.

Certaines voies externes dénie l'existence du passé, du présent et du futur. En ce temps là veut dire l'explication a passé dans le passé, se passe maintenant et se passera dans le futur. Ces mots par conséquent séparent l'enseignement du Bouddha du Dharma des voies externes.

3. C'était le temps de (planter) semer les germes. Les germes qui sont plantés et nourris se pousseront. Sans cultiver, les germes se pourriront. Si on a développé les bonnes causes dans les vies antérieures, mais ne (cultive) pratique pas ce fruit plus tard dans cette vie, il aura des racines qui se dessèchent et meurent. Si ces bonnes racines sont continuellement soignées, elles porteront plus de fruits. Alors si vous avez des racines qui sont suffisamment bonnes pour vous permettre d'entendre les conférences du Sutra, ne venez pas juste de temps en temps ; venez aussi souvent que possible.

Plus vous venez, vos racines pousseront plus profondes.

4. C'était le temps d'écouter les Sutras. Cela ne signifie pas juste d'écouter une fois ou deux fois. Il signifie d'écouter régulièrement, plus vous entendez plus vous comprenez. En écoutant les Sutras, trois conditions doivent être remplies.

- a. Un vrai maître
- b. Un vrai enseignement et
- c. étudier réellement.

Avec seulement une ou deux de ces conditions accomplies, l'étude est inutile. Par exemple, si vous avez un vrai enseignement et vraiment étudier, mais manquer un vrai maître, alors vous ne pouvez pas comprendre cet enseignement. Toutes les trois conditions doivent être rencontrées pour réussir la pratique.

5. C'était le temps où le Bouddha voulait parler le Dharma et les êtres vivants voulaient écouter. Le Bouddha souhaitait de parler dans la façon que les être vivants voulaient entendre. Le Bouddha et les êtres vivants ne sont pas deux, un haut et l'autre bas. Ils sont égaux.

LE SEUL HONORE DU MONDE est un des dix noms spéciaux du Bouddha. Quand le Bouddha descendait du palais dans le ciel TUSITA dans le monde des êtres humains et était né du côté droit à travers les côtes de sa mère Maya, il s'avancé immédiatement sept pas, puis une main pointant du ciel et une main pointant (montrant) la terre, il dit, "au-dessus du ciel et en dessous du ciel, je suis seul honoré".

Quand il avait fini de parler, neuf dragons lançaient de l'eau pour laver son corps. Ainsi, le Bouddha est connu comme le seul Honoré du Monde. MONDE se reporte non seulement de ce monde mais au monde transcendent pour tous les mondes, à la fois mondain et transcendent, honorer, vénérer et incliner au Seul Honoré du Monde. La mention de l'HEURE DU REPAS montre clairement que le Bouddha, comme les gens ordinaires, mangea encore et boit. Quand c'était le temps de manger, le Seul Honoré du Monde MIT SA ROBE. Il y a trois robes habillées par les membres du Sangha :

1. L'Antarvasas, la robe à cinq pièces, est une robe de travail. Elle est faite dans un modèle de cinq bandes, chacune d'elle contient deux pièces, une longue et une courte

2. L'Uttarasanga, la robe à sept pièces, est portée pour les cérémonies et pour écouter le Dharma

3. Le Sanghati, appelait aussi "la robe parfaite" ou "la grande robe", est composé de 108 pièces dans les vingt cinq bandes. Chaque pièce de la robe représente un champ et ainsi ils sont aussi appelés les robes du "champ de bénédictions". Les membres du Sangha portent le Sanghati lorsqu'ils reçoivent les offrandes des laïques, qui par ailleurs "semmer les champs de bénédictions". Quand ils mettent la robe, ils doivent réciter les vers suivant :

*"Bon en effet est l'habit de la libération !  
Le champ sans égal de la robe des  
bénédictions..."*

Cette robe est portée en donnant des conférences des Sutras et parlant le Dharma sur le haut siège, en acceptant les offrandes de la pure nourriture du roi ou du souverain d'un pays, et en mendiant de la nourriture.

(à suivre)

# BOUDDHA PARLE DU SUTRA D'AMITABHA

UNE EXPLICATION GENEGALE PAR  
LE VENERABLE MAITRE DU TRIPITAKA HSUAN HUA

Traduction en français : Bhikshuni Dam Nhu

La suite

**V**ous ne devez pas vous prendre à la légère et dire "J'ai commis beaucoup de fautes, je ne peux pas être né là-bas".

Si vous avez de lourd Karma de faute, vous avez maintenant une bonne occasion de le prendre avec vous à la Terre de l'Ultime Béatitude. Malgré les offenses que vous avez commises dans le passé, si vous changez votre esprit et corriger votre conduite, vous pouvez être né là-bas, avec les fautes.

Prendre votre Karma à la Terre Pure se réfère au Karma passé, cependant pas de Karma du futur. Une fois que vous avez compris le Dharma, les offenses doivent cesser. Si vous continuez à pêcher, vous ne serez absolument pas né dans la Terre de l'Ultime Béatitude. Vous pouvez réciter le nom du Bouddha et vénérer le Bouddha mais vous serez seulement fait des investissements dans la future Bouddhité. Vous ne serez pas, après cette vie, être né dans la Terre de la Dernière Béatitude parce que vous avez compris clairement et pourtant violé exprès les règles du Dharma.

Avant de prendre le refuge auprès du Triple Joyau, en faisant les choses qui ne sont pas en accord avec le Dharma, peut être excusable, mais continuer de tel comportement après avoir pris le refuge augmente la gravité de ses fautes. Reconnaissant vos erreurs, vous devez réellement changer vos défauts et dire, "Je peux être certainement né dans la Terre de l'Ultime Béatitude".

Deuxièmement, vous devez avoir foi dans la Terre de l'Ouest de l'Ultime Béatitude qui est des milliers de millions du Bouddha d'ici. Avant qu'il ait réalisé la Bouddhité, le Bouddha Amitabha, comme le Bhiksu de la Trésorerie du Dharma, a fait vœu de créer une Terre où les êtres vivants qui ont récité son nom pouvaient être nés. C'est inutile de faire quelque chose d'autre ; c'est facile, simple et pratique. Il ne coûte rien et

pourtant cette branche de Dharma est la plus haute et la plus suprême car si vous récitez juste "Namo Amitabha Bouddha", vous serez né dans la Terre de la Dernière Béatitude.

Il est aussi nécessaire de croire aux causes et effets, croire que dans le passé, vous avez planté de bonnes racines qui vous ont permis de rencontrer cette Branche de Dharma de la Foi, des vœux et la récitation du Nom de Bouddha. Sans les bonnes racines, personne ne peut rencontrer ceci ou n'importe quelle autre porte de Dharma. Mais, juste comme travailler les champs, si un fermier ne nourrit pas et irrigue

DEUX : En décrivant la Matière

La deuxième des quintuples significations profondes décrit la Matière. Si vous connaissez le nom d'une personne, vous apprenez de la reconnaître par sa silhouette. Est-elle grosse ou maigre, grande ou petite ? Vous ne devez nécessairement par voir sa face mais pouvez la reconnaître par son physique. "Oh c'est lui".

Ce Sutra est un Dharma Mahayana, parlé sans demandes et prend la Vraie Réalité comme sa matière. La Vraie Réalité n'est pas un signe. Il n'y a pas de signe, rien du tout et cependant il n'y a rien qui n'est pas indiqué. Sans marque, c'est le vrai vide, et rien sans marque, c'est la merveilleuse existence.

*Toutes marques sont la Vraie Réalité  
La Vraie Réalité marques et aussi sans non  
marques*

*C'est ni sans marques est sans marque  
Avec rien sans marque  
C'est sans ni indiqué par les non marques.*

Tandis qu'au milieu des marques, on ne devrait pas s'accrocher aux marques puisqu'ils ne sont pas la Vraie Réalité. La Vraie Réalité, le seul vrai monde du Dharma, la nature, tous sont des noms différents pour la Vraie Réalité.

## TROIS : En Elucidant Le Principe

A moins que vous comprendriez la doctrine et l'objectif du Sutra, vous ne comprendrez pas ses principes. Alors nous étudierons maintenant l'un à travers l'autre. C'est juste comme connaître le nom d'une personne et après découvrir son occupation.

Les principes de ce Sutra sont la foi, les vœux et la pratique, prier le nom du Bouddha. Ceux-ci sont les trois conditions préalables de la Branche du Dharma de la Terre Pure. Celui qui part en voyage, prend avec lui de la nourriture et un peu d'argent. Celui qui désire aller à la Terre de l'Ultime Béatitude a besoin de la Foi, les vœux, et la Pratique de la récitation du nom du Bouddha.

### LA FOI

La Foi est la première condition nécessaire car sans la Foi on ne fera pas de vœu pour être né avec Amitabha dans la Terre Pure de la Dernière Béatitude et ainsi ne réalisera pas l'objectif de ce Sutra. Vous devez avoir confiance en vous-même, la Terre de l'Ultime Béatitude, la cause et l'effet et Noumera et Phenomena.

Que veut dire croire en soi-même ? C'est croire que vous avez certainement les qualifications nécessaires pour être né dans la Terre de l'Ultime Béatitude.

Vous ne devez pas vous prendre à la légère et dire, "J'ai commis beaucoup de fautes, je ne peux pas être né là-bas". Si vous avez de lourd Karma de fautes, vous avez maintenant une bonne occasion de le prendre avec vous à la Terre de l'Ultime Béatitude. Malgré les offenses que vous avez commises dans le passé, si vous changez votre esprit et corriger votre conduite, vous pouvez être né là-bas, avec les fautes.

Prendre votre Karma à la Terre Pure se réfère au Karma passé, cependant, pas de Karma du futur. Une fois que vous avez compris le Dharma, les offenses doivent cesser. Si vous continuez à pêcher, vous ne serez absolument pas né dans la Terre de l'Ultime Béatitude. Vous pouvez réciter le nom de Bouddha et vénérer le Bouddha mais vous serez seulement fait des investissements dans la future Bouddhité. Vous ne serez pas, après cette vie, né dans la Terre de l'Ultime Béatitude parce que vous avez compris clairement et pourtant violé exprès les règles du Dharma.

Avant de prendre le refuge auprès du Triple Joyau, en ayant fait des choses qui ne sont pas en accord avec le Dharma, peut être excusable, mais continuer de tel comportement après avoir pris le refuge augmente la gravité de ses fautes. Reconnaisant vos erreurs, vous devez réellement changes vos défauts et dire, « Je peux être certainement né dans la Terre de l'Ultime Béatitude.

Deuxièmement, vous devez avoir foi dans la Terre de l'Ouest de l'Ultime Béatitude qui est des milliers de millions des Terres du Bouddha d'ici. Avant qu'il ait réalisé la Bouddhité, le Bouddha Amitabha, comme le Bhikshu de la Trésorerie du Dharma, a fait vœu de créer une Terre où les êtres vivants qui ont récité son nom, pouvaient être nés. C'est inutile de faire quelque chose d'autre ; c'est facile, simple et pratique. Il ne coûte rien et pourtant cette Branche du Dharma est la plus haute la plus suprême car si vous récitez juste "Namo Amitabha Bouddha", vous serez né dans la Terre de la Dernière Béatitude.

Il est aussi nécessaire de croire aux causes et effets, croire que dans le passé, vous avez planté de bonnes racines qui vous ont permis de rencontrer cette Branche de Dharma de la Foi, des vœux et la récitation du nom de Bouddha. Sans de bonnes racines, personne ne peut rencontrer ceci ou n'importe quelle autre porte de Dharma. Mais, juste comme travailler les champs, si un fermier ne nourrit pas et n'irrigue pas les champs, il n'aura pas de récolte. Ainsi, croyez en que dans le passé, vous avez planté les causes du Bodhi qui dans le futur portera le fruit du Bodhi si vous nourrissez juste la racine.

Vous pouvez penser, "Vous me dites de croire en causes et effets et croire que j'ai de bonnes racines, mais franchement, je ne pense pas que ce soit vrai".

Comment pouvez-vous dire si oui ou non vous avez de bonnes racines ? Les gens me demandent souvent de leur dire si oui ou non ils ont de bonnes racines, mais je leur demande de me dire si j'ai de bonnes racines. Ils disent, "Je ne sais pas si vous en avez", et je leur réponds "Alors comment devrais-je savoir à votre propos ? Mais j'ai une méthode pour vous enseigner comment découvrir. Vous avez rencontré l'enseignement du Bouddha parce que vous avez de bonnes racines ; sans elles, vous n'auriez pas eu cette occasion".

"Il faut reconnaître que j'ai rencontré l'enseignement du Bouddha », vous dites, « mais est-il possible que je n'ai pas de bonnes racines ?".

Si vous en manquez, plantez-les. Si vous ne les plantez pas, vous n'aurez jamais rien ! Si oui ou non vous avez de bonnes racines n'est pas un grand problème. La question est oui ou non vous aller les planter et les nourrir en pratiquant selon le Dharma.

Par exemple, l'enseignement du Bouddha nous enseigne de ne pas boire de l'alcool, mais vous risqueriez votre vie de le faire. Ivre, avec votre tête confuse et vos yeux troubles, votre cerveau se sent comme s'il était sur le point d'exploser. C'est descendre la route de la stupidité.

L'enseignement du Bouddha vous apprend de ne pas voler, mais même si votre vie était en jeu, vous voleriez. Celui qui se cultive réellement selon le Dharma ne ment pas, ne boit pas, ne vole pas, ne tue pas ou ne commet pas d'adultère. Obéissez au Bouddha et vous abstenez de faire du mal. Ne pensez pas que les petites fautes sont sans importance, justement ce sont les petites fautes qui vous entraînent dans les enfers ou dans les chemins des esprits affamés ou des animaux. Croyez alors, que vous avez de bonnes raisons et qu'au futur vous récolterez le fruit du Bodhi.

Finalement, on doit avoir foi en phénomène ou noumena du Sutra Amitabha. Le phénomène spécifique est ceci : le Bouddha Amitabha a une grande affinité avec nous et nous guidera certainement à la Bouddhité. Le principe noumenal est ceci : nous savons que la grande affinité existe parce que sans elle nous n'aurions pas rencontré la Branche du Dharma de la Terre Pure. Le Bouddha Amitabha est tous les êtres vivants et tous les êtres vivants sont le Bouddha Amitabha. Le Bouddha Amitabha est devenu le Bouddha Amitabha en récitant le nom du Bouddha et si nous récitons le nom du Bouddha nous aussi, nous pouvons devenir le Bouddha Amitabha.

Nous devrions nous cultiver suivant les principes du phénomène et noumène. Le Sutra Amitabha parle des quatre mondes du Dharma.

1. Le monde du Dharma du Phénomène non obstrué,
2. Le monde du Dharma du Noumène non obstrué,

3. Le monde du Dharma du Noumène et du Phénomène non obstrué,
4. Le monde du Dharma de tout phénomène non obstrué.

En considérant les quatre mondes du Dharma et en parlant de la position de notre nature du soi, nous et le Bouddha Amitabha sont unis en un et par conséquent, nous avons les qualifications pour réaliser la Bouddhité.

Le phénomène a un signe et une manifestation. Il est conditionné. Le noumène est la doctrine qui souligne l'événement du phénomène. Par exemple, en principe un arbre a le potentiel de devenir une maison. Avant que la maison soit construite, il a cet aspect du noumène. Une fois construite, la maison elle-même est le phénomène qui apparaît à cause du noumène. En principe, nous pouvons tous atteindre la Bouddhité, mais nous ne l'avons pas fait. Si nous avons foi, les vœux et nous récitons le nom, nous arriverons au phénomène de la Bouddhité juste comme l'arbre dans une maison.

Le Bouddha Amitabha est contenu dans les cœurs de tous les êtres vivants et les êtres vivants sont contenus dans le cœur du Bouddha. C'est le phénomène et le noumène. Vous devez croire en cette doctrine et en pratiquer énergiquement en récitant le nom du Bouddha de plus en plus chaque jour.

Lorsqu'on récite "Namo Amitabha Bouddha" dans la Terre de l'Ouest de la Dernière Béatitude, dans une des mares des sept joyaux remplis de huit eaux de mérite et de vertu, une fleur de lotus pousse. Plus on récite, la fleur sera grande, mais elle ne fleurisse pas jusqu'à la fin de la vie, lorsque la nature du soi va être née de nouveau en elle. Si vous désirez connaître si vous êtes né dans un grade supérieur, milieu ou inférieure du lotus, vous devriez vous demander combien de fois vous récitez le nom du Bouddha. Plus vous récitez, plus le lotus sera grand ; moins vous récitez, plus il sera petit. Si vous ne récitez pas du tout, le lotus se fane et meurt.

Pour être né dans la Terre de la Dernière Béatitude, vous devez personnellement faire preuve du résultat de la foi profonde, des vœux fermes et de la véritable pratique de récitation. Ça ne marche pas de penser, "Je dormirai aujourd'hui et je pratiquerai demain". Si cependant, vous tenez ferme le nom et pratiquez vigoureusement, le succès sera certain.

(à suivre)

# CHANT DE L'ILLUMINATION

## Le Grand Maître Yung Chia

Commentaire par le Vénérable Maître Hsuan Hua

### La suite

Texte CERTAIN D'UNE CHOSE,  
LES GENS SUPERIEURS COMPRENNENT  
TOUT,  
LES GENS MOYENS ET INFERIEURS  
APPRENNENT BEAUCOUP,  
SE DOUTENT POURTANT BEAUCOUP.  
DEBARRASSEZ SIMPLEMENT DE VOS  
PROPRES  
VÊTEMENTS SALES.  
QUI POUVAIT SORTIR VANTER  
SA VIGUEUR ?

Certain D'une Chose, Les Gens Supérieurs Comprennent Tout. Les gens qui ont des racines saines, entendent une chose et éveillent mille choses. Ils comprennent parfaitement tous les Dharmas et n'entretiennent pas de doutes. Les Gens Moyens Et Inférieurs Apprennent Beaucoup, Se Doutent Pourtant Beaucoup. Les gens moyens et les gens inférieurs ayant des racines peu solides, peuvent être appris, mais ils ont beaucoup de doutes et n'accroissent pas la foi. Debarrassez Simplement De Vos Propres Vêtements Sales. Les pratiquants de la voie cherchent simplement à comprendre leur propre essentiel esprit et à voir leur propre principale nature. Cela est comme enlever les vêtements sales de sa personne. Qui Pouvait Sortir Vanter Sa Vigueur ? Puisque la pratique est naturellement la propre responsabilité de chaque individu, pourquoi trouverait-on nécessaire de se présenter dans le monde, se vanter de sa vigueur et pourtant ne pas être sérieux de pratiquer réellement lui-même ?

Texte : LAISSEZ LES AUTRES ME CALOMNIER ;  
JE SUPPORTE LEUR CONDAMNATION  
CE QUI ESSAIENT DE BRÛLER LE CIEL  
SE FATIGUENT SIMPLEMENT EUX-  
MÊME.  
QUAND JE L'ENTENDS, C'EST JUSTE  
COMME  
JE BOIS LA ROSEE SUCREE.

AINSI FONDU ET RAFFINE,  
ON PENETRE SOUDAINEMENT  
L'IMAGINABLE.

Commentaire : Laissez Les Autres Me Calomnier ; Je Supporte Leur Condamnation. La porte dharma de la cause de la pensée est profondément délicate et merveilleuse, et elle ne peut être pas comprise par des gens ordinaires ou ceux des deux véhicules. Ainsi leur diffamation sans consistance prend fin avec l'audition de cela. Pourquoi quelque chose devrait être dite en retour ?

Ce Qui Essaient De Brûler Le Ciel Se Fatiguent Simplement Eux-Même. Les gens qui calomnient les autres sont comme des gens qui essaient de brûler le ciel avec une torche. Ils épuisent eux-même de leurs efforts inutiles. Comment pouvaient ils injurier possiblement le ciel ?

Quand Je L'entends, C'est Juste Comme Je Bois La Rosee Sucrée. Quand il entend les mots irritables et les critiques, un vrai pratiquant devrait se sentir reconnaissant, puisque pour lui, c'est la même chose comme en buvant la rosée sucrée ou en entrant dans une mare froide et fraîche.

Ainsi Fondu Et Raffiné, On Penètre Soudainement L'imaginable. Celui qui est capable de ce genre de contemplation obtient l'intérêt du Dharma par son opposé. Il est confronté par les poisons de l'avidité, de la haine et de la stupidité, qui sont puissants comme arsenic et plus forts que les bêtes sauvages, mais il doit subir ce processus du raffinement. Alors, invisiblement et totalement soudain, il pénètre l'état imaginable, délicat et merveilleux où son consentement est inépuisable.

Texte : MEDITEZ LES PAROLES  
MECHANTES  
COMME LE MERITE ET LA VERTU.  
ENSUITE LES PAROLES MECHANTES  
DEVIENNENT  
SES BONS ET SAGES CONSEILLERS.  
NE LAISSEZ PAS L'INSULTE ET LA  
CALOMNIE EXCITER

LA HAINE OU L’AFFLICTION.  
QUOI D’AUTRE LE POUVOIR DE LA  
COMPASSION  
ET DE LA PATIENCE AVEC LA NON  
PRODUCTION PUISSE  
ETRE MANIFESTE ?

Commentaire : Meditez Les Paroles  
Mechantes Comme Le Merite Et La Vertu.  
Pour pratiquer la voie, on doit pratiquer la  
patience, on devrait considérer les paroles  
méchantes comme la mère du mérite et de la  
vertu. On ne devrait pas être en colère mais en  
plus on devrait être agréable pour le mérite et  
la vertu comme le Patient Immortel était près  
du roi Kalinga.

Ensuite Les Paroles Mechantes Deviennent  
Ses Bons Et Sages Conseillers. Les paroles  
méchantes et le comportement deviennent nos  
grands et savants conseillers.

Ne Laissez Pas L’insulte Et La Calomnie  
Exciter La Haine Ou L’affliction. En réponse  
au ridicule ou à la médisance, ne donnez pas  
naissance à la haine ou à l’affection, mais  
gardez la grande et égale compassion même  
envers ceux dont vous n’avez pas d’affinités –  
la grande compassion de l’identité en  
substance. Votre capacité de la patience sous  
l’insulte devrait être aussi grande que le  
monde-dharma.

Quoi D’autre Le Pouvoir De La Compassion  
Et De La Patience Avec La Non Production  
Puisse Être Manifesté ? Si on ne peut pas faire  
face à des situations de l’insulte et du  
traitement à tort, comment la patience avec la  
non-production des dharmas, que l’on a et  
réalisé, être démontrée ? Comment peuvent  
l’esprit et le pouvoir du Samadhi sans égal de  
la patience sous l’insulte être manifesté ?  
Comment peut le pouvoir du Samadhi de la  
grande valeur, de la grande force de la grande  
bonté, des grands serments et de la grande  
patience être démontré ?

Texte : L’ECOLE PENETRAIT  
ET LES PAROLES PENETRAIENT.  
LA CONCENTRATION ET LA SAGESSE  
SONT TOTALEMENT

EVIDENTES ; JE NE DOIS PAS ETRE  
STAGNANT DANS LE VIDE.

MAIS JE NE SUIS PAS LE SEUL QUI AI  
PENETRE LA COMPREHENSION.

TOUS LES BOUDDHAS, NOMBREUX  
COMME LES SABLES DU GANGES  
SONT DE LA MÊME SUBSTANCE.

Commentaire : L’école Penetrerait Et Les  
Paroles Penetraient. L’école est l’école de  
Ch’an (méditation), et les « paroles » sont les  
principes de ses enseignements. Les deux  
doivent être comprises ensembles ; alors on ne  
peut être appelé un artisan de l’école – un  
maître dharma.

La Concentration Et La Sagesse Sont  
Totalement Evidentes ; Je Ne Dois Pas Etre  
Stagnant Dans Le Vide. Puisque le maître  
artisan a pénétré à la fois l’école et ses  
explications, il est certain que son pouvoir  
Samadhi est devenu parfaitement pénétrant et  
la fondation de la sagesse est brillante et  
pénétrante. Il ne tombe jamais dans la maladie  
inactive du silence vide.

Mais Je Ne Suis Pas Le Seul Qui Ai Penetre  
La Comprehension. Je n’ai certainement pas  
agi exprès ou semblant comme unique et  
différent, en prétendant que j’ai pénétré seul  
cette porte de dharma et ai compris ce  
merveilleux principe.

Tous Les Bouddhas, Nombreux Comme Les  
Sables Du Ganges Sont De La Même  
Substance. Les Bouddhas des dix directions et  
des trois périodes de temps, leurs nombres  
aussi sans mesure et sans borne que les grains  
de sables dans la rivière de Ganges, sont tous  
identiquement pleins de capacité de nature de  
cette substance et de ce principe. Ils sont  
uniques et ne sont pas différents des êtres  
vivants qui sont nombreux comme les sables  
du Ganges. Ainsi, on dit,

*Tout être vivant*

*A la nature de Bouddha,*

*Tous peuvent devenir Bouddhas.*

( à suivre)

# LE MONDE DU DHARMA DES DIEUX

Le Vénérable Maître Hsuan Hua

*Des êtres des six cieux du désir et des maîtres  
des cieux*

*Pratique les cinq préceptes et les dix bonnes  
actions.*

*Semant des graines avec les décharges,  
Ils ne peuvent pas terminer leur transmigration.*

**C**ommentaire : « Des êtres des six cieux du désir et des maîtres des cieux ». Avant tout, il y a les six cieux du désir, qui sont les cieux du monde du désir. Il y a des cieux dans le monde du désir, le monde de la forme et le monde sans forme -- dans tous des trois mondes.

Notre monde est situé sous le premier des six cieux du monde du désir. Le ciel des Quatre Rois Célestes. Ce ciel, qui est directement au-dessus de nous, est guidé par les Quatre Rois Célestes. Il est situé à mi-chemin au-dessus de la Montagne Sumeru, ce qui signifie que la moitié de la Montagne Sumeru est dans le monde humain, tandis que l'autre moitié est au-dessus du ciel des Quatre Rois Célestes. Les parties de ce ciel situé au Nord, au sud, à l'Est et à l'Ouest de la Montagne Sumeru sont gouvernées par les Quatre Rois Célestes, à l'exemple des quatre continents de notre monde ; Purvavideha à l'Est, Jambudvipa au Sud, Aparagodaniya à l'Ouest, et Attarakuru au Nord. Si nous allons dans les détails, nous ne finirions jamais notre discussion de ce ciel.

Les êtres dans le ciel des Quatre Rois Célestes ont une vie de 500 ans, mais ne correspondent pas à 500 ans dans notre monde. Un jour et une nuit dans ce ciel est égal à 50 ans sur terre. Calculez a combien correspondent d'années sur terre, correspondent 500 ans dans le ciel des Quatre Rois Célestes ? Les êtres dans ce ciel vivent pendant 500 ans. Un de leurs jours correspond à 50 ans années humaines. A combien d'années de l'humanité correspondent 365 de leurs jours ? Si vous connaissez les mathématiques, vous pouvez le calculer.

Le deuxième ciel dans le Monde du Désir est le ciel Trayastrimsha. Trayastrimsha est un mot Sanscrit. Vous n'en connaissez pas la signification ? Alors, appelons le « Ne savons pas le ciel ». Le « ne savons pas le ciel » est juste

le Trayastrimsha, un mot Sanscrit qui signifie « trente trois ». Shakra connu comme Yin Tuo La Ye (Indra) dans le Mantra Shurangama, réside au centre de ces cieux. Il est le « Dieu » vénéré dans le Christianisme et en Chine il est connu comme l'empereur de Jade. Le livre de l'histoire (Shu – Jing) se réfère à lui comme le seigneur suprême et dit, « Baignez et observez la pureté afin de vénérer le seigneur suprême ».

Dans la Chine ancienne, personne ne connaissait le Bouddha ; ils connaissaient seulement le seigneur suprême. Dans la Dynastie de Shang, l'empereur Tang fit une offrande d'un taureau noir au seigneur suprême et dit : « Je suis Lü, mais, bien que jeune enfant, je prétende utiliser ce taureau noir pour faire savoir au seigneur suprême, que si je l'ai offensé par mes fautes, ce ne sont pas les fautes du peuple et si le peuple l'a offensé par ses fautes, je les prends à ma charge ».

Le nom de l'empereur Tang était Lü, et il s'est désigné sous le nom d'un petit enfant par respect pour le seigneur suprême. Il offrit très sincèrement un taureau noir et dit au seigneur que s'il y avait fait des erreurs, il ne devait pas blâmer les citoyens, et que si le peuple commun de son pays avait commis les fautes, la responsabilité devait incomber à l'empereur pour n'avait pas assuré un enseignement correct. Les anciens se faisaient aussi des reproches, contrairement aux gens d'aujourd'hui qui savent clairement qu'ils sont eus tort mais disent : « Ne me regardez pas ! C'est sa faute ! Comment pouvez-vous me reprocher ? » Se plaigneur, « Dieu est injuste. Pourquoi donne-t-il la richesse aux autres et me fait-il si pauvre ? Pourquoi accorde-t-il l'honneur à certains et me laisse t-il si misérable ? » Ils blâment le ciel et maudissent l'humanité, cherchant les fautes chez les autres au lieu d'admettre leurs propres torts. Les anciens reconnaissaient leurs propres erreurs.

Dans le ciel Trayastrimsha, Shakra réside au milieu, avec huit cieux l'entourant au Nord, au Sud, à l'Est et à l'Ouest, ce qui fait 33 au total.

Le troisième des Cieux du Désir est le Ciel Yama (Suyama). Yama est un mot Sanscrit qui signifie « la période du temps ». Dans ce ciel,

les Dieux sont si heureux qu'ils chantent des chansons sur leur béatitude jour et nuit. Ils chantent, « Comme je suis heureux ! Je suis si heureux ! Ils vont joyeusement tout au long des six périodes du jour et de la nuit. Par cette raison le nom de ce ciel est traduit par « la période du temps » (la durée). Toute période du temps est rempli de bonheur.

Le quatrième des Cieux du Désir est le Ciel Tushita, qui se traduit par « bonheur et contentement ». Les êtres là bas sont toujours heureux et satisfaits. Ceux qui connaissent le contentement sont toujours heureux. Ce ciel là est appelé le « le Ciel du contentement ». Parce que les êtres là bas ne connaissent jamais ni l'inquiétude ni les soucis du matin au soir. Ils n'ont pas d'afflictions ou d'inquiétudes.

Le cinquième des Cieux du Désir est le ciel de la transformation de la béatitude (Nirmanarti). Les êtres dans ce ciel peuvent trouver le bonheur à travers les transformations. Dans le ciel précédent du bonheur et du contentement les êtres sont heureux et contents, indifférent s'il y a des transformations ; ils sont contents même dans des situations malheureuses. Dans ce ciel, les êtres apportent le bonheur à travers les transformations.

Le sixième des Cieux du Désir est le Ciel de la Transformation de la Béatitude des Autres (Paranirmita-Vashavartin). Les êtres de ce ciel ne connaissent pas la béatitude, mais ils peuvent la voler à des êtres d'autres cieux pour leur propre amusement. Beaucoup de démons viennent dans ce ciel avec leurs suites. Pourquoi s'emparent-ils du bonheur des êtres dans les autres cieux ? Parce qu'ils sont déraisonnables. Les voleurs ordinaires dans le monde des hommes sont généralement des dieux tombés du Ciel de la Transformation de la Béatitude des Autres. Tombés à terre, ils sont encore capables de voler les autres. Les maîtres des cieux comprennent le grand maître (Mahabrahma) du ciel, les multiplicités de maître du ciel et les ministres maîtres (Brahmapurohita) du ciel. Les êtres des six cieux du désir et les maîtres des cieux pratiquent les cinq préceptes et les dix bonnes actions. Parce que ces êtres pratiquent les cinq préceptes et les dix bonnes actions, ils obtiennent les bénédictions et les récompenses des cieux. Cependant, la pratique des cinq préceptes et les dix bonnes actions sème les bonnes racines qui ont des écoulements, ainsi le vers dit : Plantant des actions avec écoulement, il n'y a rien à faire avec personne d'autre du tout.

(Remarque : cette dernière ligne est réellement un vers pour le monde du Dharma des gens). Vous êtes responsable de vous-même.

Il n'est pas facile d'expliquer les Sutras. Je ne fais pas de préparation avant mes conférences. Certains d'entre vous pensent que je dis le faux vers, mais vous n'osez pas le dire à haute voix. Assez étrangement, bien que cela traverse seulement votre esprit, je reçois votre télégramme. Alors, je corrigerai la dernière ligne : Ils ne peuvent pas terminer leur transmigration. Ai-je raison cette fois ci ? Trouviez-vous cette expression incorrecte ? (Disciple : « Oui »). Plus d'un parmi vous pensez de cette manière. Les autres parmi vous devraient aussi admettre d'avoir de telles pensées. Soyez honnêtes. Si vous n'êtes pas honnêtes, vous n'atteindrez jamais la voie.

### Les Termes Bouddhistes *A définir :*

φ *Tathagata* : L'un des noms du Bouddha qui a accompli l'éveil parfait. Tathagata signifie littéralement « Ainsi venu-Ainsi allé » et ce terme désigne le principe de perfection de tous les Bouddhas parvenus à la réalisation de l'indifférenciation entre l'ultime et le phénoménal, entre le Samsara et le Nirvana.

φ *Trois mondes* : Trois sphères du cycles des renaissances, dans lesquelles les êtres reprennent un corps : 1. Le monde du Désir, commun aux six destinées, incluant les classes de dieux inférieurs. 2. Le monde de la Forme, dit aussi de « la corporéité sans désir », est le séjour des dieux des cieux plus élevés où les désirs sexuels et ceux de se nourrir ont disparu. 3. Le monde de l'absence de Forme, dit aussi de « la non-corporéité », est purement spirituel, formé des quatre cieux supérieurs.

φ *Arhat* : Littéralement « celui qui a accumulé des mérites », désigné comme « le vainqueur des ennemis ». L'Arhat incarne l'idéal du saint dans les écoles Bouddhistes anciennes. Libéré des émotions et de la souffrance, il n'a pas toutefois réalisé la plénitude de la vacuité, il n'a pas encore dissipé les voiles subtils de l'ignorance. Seuls les enseignements du Véhicule universel permettront d'accomplir cette ultime réalisation.

φ *Auditeurs* : Praticants qui aspirent à délivrance personnelle en écoutant la doctrine, en méditant sur les Quatre Nobles Vérités et en contemplant la non-réalité



# LA NATURE DU BOUDDHA ETERNELLE

Le Vénérable Maître Hsuan Hua

**T**out au début, avant que le ciel et la terre vinrent à l'existence, il n'y avait pas de gens, il n'y avait pas de terre, des êtres vivants, ni rien qu'on puisse appeler un monde. Fondamentalement, rien de ce chose n'existait pas du tout. Et alors, d'emblée de Kalpas lorsque les choses étaient venus à l'existence, les gens vinrent graduellement à exister. Finalement, d'où viennent-ils Certains disent que les gens développaient des signes jusqu'à maintenant ? C'est vraiment étrange. Les gens qui propagent ce genre de théorie n'ont fondamentalement pas d'intelligence. Ils essaient simplement d'établir quelque théorie spéciale. Alors, il y a une théorie d'évolution qui dit que les gens sont venus des singes. Pourquoi ne pouvait-il pas être le cas que les gens sont évolués des souris ? ou des chenilles ? Pourquoi ne pouvions pas dire que les souris sont venues des gens ou des chenilles évoluaient des gens ? En général, on peut dire qu'il y a quatre genres d'espèces – voler, nager, marcher et les plantes. Ceux du sang et de la souffrent sont appelés des animaux, les plantes se réfèrent à toutes les sortes d'herbes, d'arbres et des fleurs. D'où viennent-ils tous ces quatre genres d'espèces ? Quel est leur origine ? Leur origine est la nature du Bouddha. S'il n'y avait pas de nature du Bouddha, tout serait annihilé. La nature du Bouddha est la seule chose qui traverse les dix milles générations et tout le temps sans être détruite. De la nature du Bouddha vient des Bodhisattvas, des Auditeurs du Son, Ceux qui sont Illuminés aux Conditions, des Dieux, des Asuras, des humains, des animaux, des fantômes et des êtres de l'enfer. Ce sont des êtres des dix mondes du dharmas et les dix mondes du dharma ne sont pas séparés d'une seule pensée de l'esprit. Cette seule pensée de l'esprit est juste la graine de la nature du Bouddha. C'est juste un autre nom pour la nature du Bouddha—la seule vraie pensée. Alors, les humains sont transformés des Bouddhas et les animaux sont ceux qui sont tombés du monde des humains. Tout est expliqué très clairement dans les dix mondes du dharma.

Les gens stupides disent que l'origine des humains est le singe et il y a des autres qui disent

que les gens sont venus des cochons. Par exemple, certaines cultures vénèrent encore des dieux animaux. Les gens en Inde disent que la vache est un esprit divin. Et ceux là sont juste des vues qui ne sont pas réelles. Ils sont un résultat de connaître seulement un petit peu et ne pas comprendre le tableau complet. Des pareilles idées, le monde entre en trombe dans la confusion et dans le chaos.

Les gens qui croient en pareilles choses écrivent des livres et établissent les théories, ils classent par catégories tout pour proportionner leurs théories en prétendant ceci doit être ceci et cela doit être cela. Alors nous avons la science et la philosophie, tout est mis dans son propre petite niche. Mais finalement, qu'est ce que c'est tout ceci ? C'est un cas de n'ayant rien à faire et cherchant quelque chose à faire. Les gens comme cela ne sont pas capable de **sit around**, alors après qu'ils mangent à leur faim, ils vont établir leurs propres théories pour embrouiller les gens. Ceci est pourquoi la plupart des gens sont si perplexes.

Finalement, d'où viennent-ils les humains ? Comment sont-ils venus ? En étudiant cette question, nous pourrions considérer comment les poulets sont venus ? Qui (vint) est venu en premier, la poule ou l'œuf ? Si vous n'avez pas une poule, alors il n'y a pas de moyen pour que vous ayez un œuf, et si vous n'avez pas un œuf, comment une poule peut-elle couvrir ? Alors, ce problème n'a pas de solution. En ce qui concerne les gens, y'avait-il d'abord des femmes ou y'avait-il d'abord des hommes ? Si vous prétendez que les hommes sont venus en premier, comment expliquez-vous que les hommes sont nés des femmes ? Et sans les femmes, comment peut-il y avoir des hommes ? Si vous prétendez que les femmes étaient les premières à apparaître, comment pouvez-vous expliquer que les hommes et les femmes sont tous les deux sont besoin de produire plus de gens ? Sans un homme, comment une autre

femme peut-elle être conçu ? En examinant cette question, il est impossible de trouver une solution évidente. C'est parce que tout ceci a commencé il y a très longtemps, nous avons tous oublié.

Finalement, quelle est la réponse ? Eh bien, en fin de compte, tout vient de la nature du Bouddha. Tout vient naturellement : à partir du rien, quelque chose se manifeste et cette quelque chose se transforme encore une fois en rien. Ceci se passe sans fin, maintes et maintes fois ; une série infinie de production et transformation.

Par exemple, les insectes qui apparaissent dans le riz sec : Le riz s'assit juste là dans le sac sans des vers, mais soudain ils apparaissent. Vous pouvez demander comment ils viennent, si à l'origine il n'y avait pas de vers. Le riz n'est pas sensible, il n'est pas vivant, alors comment est-il le cas qu'il peut produire des insectes puisque les insectes sont des créatures de sentiments ? Voici une affaire de quelque chose dépourvue de sentiment qui produit quelque chose qui a du sentiment. Examinez ce problème jusqu'au point final. Réfléchissez comment il sera quand la terre et le ciel sont détruits par le rayon de la mort, au point que le monde et toute humanité sont totalement supprimés. Il y aura toujours les âmes spirituelles de ces êtres vivants qui sont demeurés dans le monde. La nature du Bouddha continuera à exister. Et c'est la nature du Bouddha qui peut faire apparaître les choses à partir du rien, car elle peut créer l'humanité et les êtres vivants. Et alors, même si vous insistez que ce n'est pas l'affaire et dites, « il est certain que les gens évoluaient des singes », votre théorie ne se tiendra pas.

Observez bien les Américains. Ils ont leurs propres (habitude) modèles d'habitudes et ainsi que les Russes. Et la même chose pour les Français, les Anglais etc. « Mais vous dites, en Amérique, il y a toutes sortes de gens ». Oui, c'est vrai, ils étendent leurs activités à plusieurs groupes culturels secondaires. Puisqu'il y a plusieurs genres de gens, comment pouvez-vous dire que l'humanité est développée seulement d'un genre de créature particulière ? Les gens de chaque et tout pays ont généralement une apparence différente. Il y a des gens de couleurs jaune, des blancs, des noirs, des rouges et des bruns. D'où sont-ils venus les noirs ? D'où sont-ils venus les blancs ? D'où sont-ils venus les jaunes ? et d'où sont-ils venus les rouges et les bruns ? Si vous discutez ceci de long en large vous ne serez pas capable d'indiquer exactement

une origine particulière. Mais vous pouvez l'expliquer tout en le retournant à la nature du Bouddha : Du rien vient quelque chose et quelque chose retourne à rien. Les transformations continuent sans fin, maintes et maintes fois. C'est la source derrière tout cela.

Maintenant c'est une théorie qui peut tenir. Mais bien que cette théorie est celle qui tient la vérité, très peu de gens ont la sagesse d'atteindre une compréhension de cela. Les gens sont transformés du rien ; nous nous manifestons par rien. C'est la nature de tous les êtres vivants. Ils apparaissent du rien. A l'origine, les êtres vivants n'existaient pas, mais ensuite ils sont venus par la transformation. En pratiquant la voie, nous voulons retourner à l'endroit où à partir de quelque chose nous devenons rien. Ceci est appelé « allant vers l'origine et retournant à la source ». En retournant à la nature du Bouddha à l'origine, « qu'est-ce qu'il y a de bon en ceci ? » Vous demandez. Eh bien, A quoi bon y-a-t-il en étant une personne ? Si vous retournez à la nature originale, vous pouvez rapidement accomplir la voie du Bouddha. Même si le ciel et la terre devaient ne plus exister, la nature du Bouddha serait toujours présente à jamais. Et même si toute l'humanité était finie par le « rayon de la mort », la nature du Bouddha demeurerait encore et serait pour toujours indestructible.

Pourquoi ai-je abordé ceci cette nuit ? Aujourd'hui est l'anniversaire du Bodhisattva de la Grande Terre et son pouvoir du serment m'a aiguillonné de parler un peu du vrai principe pour vous tous. Alors, ne pensez surtout pas que tout ce que je dis est très ordinaire. Ne pensez pas ce que je vous dis est banal, parce que je contourne les principes fondamentaux qui expliquent ce que les gens et les êtres vivants sont tous. C'est le principe de la transformation de quelque chose à partir du rien et la transformation à rien de nouveau. Si vous ne croyez pas ceci, comment pouvez-vous expliquer les insectes peuvent pousser à partir du riz ? Vous pouvez dire, « eh bien, il y a certaines causes et conditions qui apportent ceci ». Les gens dans ce monde sont juste comme ces insectes là, excepté que nos attachements sont plus forts et notre nature magique est plus grande. Mais nous ne pouvons pas commencer à nous comparer avec le Bouddha. Nous sommes justes loin d'être des Bouddhas que ces insectes sont loin d'être des gens. Comparé au Bouddha, nous sommes

justes comme ces insectes. Quand les gens observent ces insectes qui grandissent à partir du riz, nous les voyons vraiment pitoyable, qu'ils n'ont au but dans la vie. Eh bien, le Bouddha nous voit juste aussi pitoyable. Nous voyons que ces insectes traversent la vie sans rien savoir ; ils sont nés inconscients de tout et après ils meurent. Ce principe tient vrai pour nous tous aussi bien. Vous devriez tous étudier ceci. C'est vraiment intéressant. Si vous comprenez ce principe alors vous pouvez pratiquer la voie. Ainsi dans notre pratique, tous les jours vous devriez être très niveau et équilibré dans tout ce que vous faites. Que veut-il dire être équilibré ? Par exemple ; quand vous lisez dans les Sutras que les « afflications sont juste le Bodhi et la naissance et la mort sont juste le Nirvana », Vous pouvez trouver facile à comprendre ce principe et penser que c'est une chose à facile à faire. Mais vous ne pouvez pas en effet réaliser cette vérité. Par exemple, quand vous lisez que les afflications sont juste du Bodhi ; vous pensez que « les afflications sont juste du Bodhi et puisque j'ai des des afflications, cela est juste du Bodhi ; si je n'ai pas eu d'affliction alors je n'aurais pas de Bodhi ». C'est ce qui ne voulait pas dire ceci. Vous devez changer ces afflications et après ils deviennent Bodhi. Quand vous avez des afflications, si vous pouvez les reconnaître, alors vous n'aurez plus d'afflications. C'est le Bodhi. Ce n'est pas que vous laissez tomber vos afflications et chercher quelque chose d'autre qui est Bodhi. Si vous n'avez pas d'afflications, alors, il n'y a en fait rien quoi que se soit, où peut-elle déposer donc la poussière ? En se promenant sûr un âne, n'allez pas chercher après l'âne. Vous avez besoin être équilibré. Vous avez besoin de rester tranquille en tout temps pour que vous n'agitez pas le moindre geste dans votre nature du moi, et c'est l'état où les afflications sont juste du Bodhi et la naissance et la mort sont juste le Nirvana. Si vous n'êtes pas inquiets de la naissance et de la mort et ne considérez comme un problème, si vous sentez que vous vivez, vous vivez et si vous mourez, vous mourez, que s'il y a de la nourriture pour manger, vous mangez et s'il y a des vêtements pour porter, vous les portez et autrement il ne s'agit pas une affaire qu'il en soit ainsi ou non que vous mangez ou porter des vêtements, si vous n'êtes pas attaché aucun de ceci, c'est l'état de la naissance et de la mort qui est Nirvana. Alors, ne soyez pas si attaché et traîner autour de ces chaînes sur votre corps. Qu'est ce que les chaînes ? Toutes vos

mauvaises habitudes et fautes. Ce sont vos chaînes, si vous tenez à ces chaînes, vous ne pouvez pas soulever vos jambes et vous ne pouvez pas atteindre l'autre bord. Les mots que je parle maintenant sont très simples, mais la signification est très profond. Ne pensez pas que vous êtes si intelligent et pensez : « Je comprends tout ce que vous dites ». Si vous le comparez réellement tout alors je peux vous parler l'enseignement du Bouddha et nous pouvons étudier comment pratiquer la voie. Mais seulement si vous comprenez vraiment. Si vous ne comprenez pas vraiment, alors vous avez encore des problèmes pour la réputation et le bénéfice. Vous ne pouvez toujours pas les déposer. Vous ne pouvez pas déposer le nom et le profit vous voyez tout comme étant trop important, alors comment puisse-je vous parler du vraiment enseignement du Bouddha ? Comment puisse-je examiner avec vous la pratique de la voie ? Vous devriez tous réveiller de votre rêve ! Réveillez-vous de votre rêve !

# LE SOUVENIR DE LA VIE DU VENERABLE MAÎTRE HSUAN HUA

## La suite

Quelque temps plus tard, après que le Maître avait quitté la maison, il visitait un parent qui croyait en Renard Immortel et qui l'avait invité à venir chez lui pour recevoir les offrandes. Quand le Renard Immortel arriva et vint le Maître, il s'agenouilla immédiatement et demanda le Maître d'être son maître.

« Qui êtes vous ? Le Maître demanda.

« Je suis le Renard Immortel du Pei Tin Ho », vint la réponse.

« Vraiment ? » dit le Maître. « Je m'agenouillais pendant trois jours pour chercher le médicament qui vient de vous et vous ne me l'avez pas donné et maintenant vous voulez que je sois votre maître ? Absolument pas ».

« Ce n'est pas vrai », dit le Renard Immortel. « Ce n'était pas que je ne voulais pas vous donner. J'ai voulu créer une affinité avec vous en vous donnant le remède, mais chaque fois que je m'approchais de vous avec, je ne pouvais pas ouvrir mes yeux. Je voulais prendre refuge auprès de vous-même alors, mais je ne pouvais pas vous atteindre ».

En entendant le Renard Immortel parler de cette façon, vous pouvez vous demander pourquoi il ne pouvait pas ouvrir ses yeux quand il s'approchait du Maître avec le médicament, mais si vous ne savez pas, il n'y a pas moyen de vous l'expliquer. En dessinant une image d'une personne, ou dessine la forme extérieure pas celle de l'intérieur. Pour comprendre ce que le Renard Immortel voyait, il est nécessaire de travailler dur, pratiquer la voie et comprendre la vous-même.

Peu après l'enterrement de sa mère, le Maître est allé au Temple des Trois Conditions à Ping Fang, région du Sud d'Harbin et le huitième jour du quatrième mois lunaire, il quittait la vie de famille, en recevant les dix préceptes du Sramanera ou moine novice, du Grand Maître Ch'ang Chih. Il retournait ensuite à la tombe de sa mère et construisait une cabane à cinq par huit hors de cinq pouces des chaumes de sorgo. La cabane resta à l'abri du vent et de la pluie, mais

il n'y avait en réalité une petite différence entre l'intérieur et l'extérieur. Ici, le Maître conservait la coutume de la pitié filiale en observant la tombe de sa mère pendant une période de trois ans. Vêtu

seulement une robe en lambeau, il endurait la neige rigoureuse Manchourienne et le soleil de l'été qui enflamme. Il mangeait un repas par jour et ne se couchait jamais pour dormir.

A côté de la tombe, le Maître lisait les Sutras. Il lisait d'abord le Sutra du Lotus et sautait de joie. « Je le récitais », dit-il, « s'agenouillait pendant sept jours et nuits, oubliait de dormir ou de manger, jusqu'à ce que le sang dégouttait de mes yeux . . . Ensuite, je lisais le Sutra Shurangama, examinant profondément le grand Samadhi. Après je lisais le Sutra Avatamsaka et mon réveil était comme l'océan, sans bornes immenses, sans nom et majestueusement suprême.

Le maître a dit, « La pratique endure simplement ce que vous ne pouvez pas endurer, supporter ce que vous ne pouvez pas supporter. Vous devez déterminer : Ce que les autres ne peuvent pas faire, je fais. Ce que les autres ne peuvent pas souffrir, je souffre. Ce que les autres ne peuvent pas manger, je mange, jusqu'au point où il n'y a même pas une pensée du vol autant qu'une bouchée de la nourriture ou une goutte d'eau. Vous dites que vous ne pouvez pas le prendre ? Prenez ce que vous ne pouvez pas prendre ! C'est la pratique, et c'est la seule chose qui compte ».

## UN RÊVE A VINGT TROIS JOURS

Depuis que le Maître a déterminé de pratiquer la voie, il a mangé seulement un repas par jour, et qu'avant midi. C'est par ce qu'il sait que beaucoup de gens du monde ont faim et il veut offrir sa nourriture à eux. En s'asseyant à côté la tombe de sa mère, il ne faisait pas la cuisine pour lui-même et puisque personne ne lui apportait la nourriture, il ne mangeait simplement pas. Finalement, un laïc fit serment de lui apporter la nourriture tous les jours.

Quand les pluies d'été arrivaient et la terre était boueuse, le Maître lui dit, « J'ai assez de nourritures pendant vingt jours. Alors, ne vous donnez pas la peine de grimper le coteau à pic quand le temps est mauvais ». Parce qu'il croyait chaque parole que le Maître dit, à partir de ce jour, il restait à la maison quand il pleuvait.

Biensûr, le Maître n'avait même pas un grain de riz stockés dans sa cabane.

Une fois il pleuvait pendant plusieurs jours, mais le Maître fermait simplement ses yeux pour méditer et ne prêtait aucune attention à ce qu'il faisait nuit ou jour. Quand l'homme arrivait, le Maître demanda, « Combien de temps était-il depuis votre dernière visite ? »

« Vingt trois jours », dit-il.

« Ah », dit le Maître, « J'ai fait un rêve de vingt trois jours ».

## DIX HUIT SERMENTS SACRES

En s'asseyant à côté la tombe de sa mère, Le dix-neuvième jour du sixième mois lunaire, le Maître a fait les serments sacrés suivants : « Je me prosterne devant les Bouddhas des dix directions, le Dharma du Tripitaka, et le Saint Sangha du passé et du présent, priant qu'ils entendront et porteront témoignage ».

« Je suis disciple Tu Lun, An Tzu, détermine ne pas chercher pour moi-même ni les bénédictions des dieux ou des hommes, ou les obtentions des Sravakas, des Bouddhas Pratyeka, ou les grands Bodhisattvas. A la place, je compte sur le plus suprême véhicule, le véhicule d'un Bouddha unique et fait naître le cœur du Bodhi déclarant que tous les êtres vivants du monde du dharma atteindront la plus juste et Parfaite Illumination en même temps que moi.

1. Je jure que je n'obtiendrai pas l'illumination juste, s'il y a même un Bodhisattva dans les dix directions et des trois périodes du temps jusqu'à la fin de l'espace vide et le monde du dharma qui n'est pas encore devenu un Bouddha.

2. Je jure que je n'obtiendrai pas l'illumination juste, s'il y a même un Bouddha Pratyeka dans les dix directions et des trois périodes du temps jusqu'à la fin de l'espace vide et le monde du dharma qui n'est pas encore devenu un Bouddha.

3. Je jure que je n'obtiendrai pas l'illumination juste, s'il y a même un Sravaka dans les dix directions et des trois périodes du temps jusqu'à la fin de l'espace vide et le monde du dharma qui n'est pas encore devenu un Bouddha.

4. Je jure que je n'obtiendrai pas l'illumination juste, s'il y a même un dieu dans les mondes des dix directions qui n'est pas encore devenu un Bouddha.

5. Je jure que je n'obtiendrai pas l'illumination juste, s'il y a même un être humain dans les

mondes des dix directions qui n'est pas encore devenu un Bouddha.

6. Je jure que je n'obtiendrai pas l'illumination juste, s'il y a même un Asura qui n'est pas encore devenu un Bouddha.

7. Je jure que je n'obtiendrai pas l'illumination juste, s'il y a même un animal qui n'est pas encore devenu un Bouddha.

8. Je jure que je n'obtiendrai pas l'illumination juste, s'il y a même un esprit affamé qui n'est pas encore devenu un Bouddha.

9. Je jure que je n'obtiendrai pas l'illumination juste, s'il y a même un être dans les enfers qui n'est pas encore devenu un Bouddha.

10. Je jure que je n'obtiendrai pas l'illumination juste, s'il y a n'importe quel être dans le triple monde qui a pris le refuge auprès de moi et n'est pas encore devenu un Bouddha, soit un dieu, immortel, un être humain ou Asura, un oiseau, un poisson, une plante ou animal, un dragon magicien, un ours, un spectre ou un esprit.

11. Je jure que je donne à tous les êtres vivants du monde du dharma toutes les bénédictions et bonheur que je suis destiné à recevoir.

12. Je jure de supporter moi-même les misères de tous les êtres vivants du monde du dharma, que je puisse les endurer seul pour eux.

13. Je voue que mon esprit entrera dans les esprits de tous les êtres vivants qui ne croient pas en doctrine du Bouddha, leur faire de reformer leur mauvaise conduite et pratique le bien et leur faire de prendre refuge auprès du Triple Joyaux et réaliser fondamentalement la Bouddhité.

14. Je voue que tout être vivant qui a vu mon visage ou même entendu mon nom fera naître l'esprit du Bodhi et réalisera rapidement la voie du Bouddha.

15. Je jure d'observer respectueusement le règlement du Bouddha et prendre seulement un repas par jour à midi.

16. Je jure d'éclairer tous les êtres vivants conformément à leurs dispositions.

17. Je jure d'atteindre les cinq yeux et les six pouvoirs spirituels et la capacité de voler librement dans cette vie présente.

18. Je voue que mes vœux seront tous exaucés.

*Je jure de sauver les êtres vivants innombrables.*

*Je fais vœu de couper les afflictions inépuisables.*

*Je fais vœu d'étudier les portes du dharmas illimitées.*

*Je jure de réaliser la voie suprême du Bouddha.*

(à suivre)

# JE SOUHAITE RECEVOIR LA REVUE BOUDDHADHARMA

Nom et prénom : .....  
Adresse : .....  
Téléphone : .....

Veillez m'envoyer la revue Bouddhadharma :

- 1 an                      300 FF (45€)
- 2 ans                     550 FF (85€)
- 3 ans                     800 FF (120€)

Remplir le chèque à l'ordre Pagode Kim Quang

✂ .....

# THỈNH BÁO PHẬT PHÁP DÀI HẠN

Họ và tên ..... Pháp danh (nếu có) : .....

Địa chỉ : .....

Điện thoại : .....

- 1 năm :                (45€)
- 2 năm :                (90€)
- 3 năm :                (120€)

Ngân phiếu xin đề Pagode Kim Quang

✂ .....

## Phát tâm góp phần vào sự việc hoằng pháp

Họ và tên / Nom et prénom .....

Địa chỉ / L'adresse : .....

Điện thoại / Téléphone : .....

### Phát tâm :

- Đánh máy Kinh tiếng Việt.
- Đánh máy Kinh tiếng Pháp.
- Sửa Kinh Văn tiếng Pháp.
- Dịch Kinh từ tiếng Tàu ra tiếng Việt.
- Dịch Kinh từ tiếng Anh ra tiếng Pháp.

# L'HISTOIRE DU BOUDDHA

La suite

**A**sita leur répondit : « Je vous remercie de votre aimable accueil. Je suis venu d'une grande distance pour vous rendre visite à cause des merveilleux signes que j'ai vu récemment. Ces signes me disent que le garçon récemment né, gagnera de grandes connaissances spirituelles pour l'intérêt de tous les gens. Puisque j'ai passé ma vie entière à essayer d'obtenir une telle sagesse sainte, je suis venu ici aussi vite pour le voir moi-même ».

Le roi était très excité et entra dans la chambre en toute hâte où le bébé prince s'endormait. Il releva prudemment son fils et l'apporta à Asita. Le sage homme observait l'enfant pendant longtemps, ne disant rien. Ensuite, il fit un pas en arrière, regarda le ciel tristement, poussa un soupir lourdement et commença à pleurer.

En voyant Asita pleurer, le roi et la reine devinrent très effrayés. Ils avaient peur que le sage homme avait vu quelque chose de mauvais de leur enfant. Des larmes dans ses yeux, le roi tomba à ses genoux et poussa des cris, « Oh, sage maître, qu'avez-vous vu vous fait pleurer ? N'avez-vous et tous les autres hommes sages dit que mon fils était né pour être un grand homme, pour gagner le suprême connaissance ? Mais maintenant, quand vous regardez mon bébé, vous pleurez. Cela veut-il dire que le prince mourra bientôt ? ou quelque chose d'autre très terrible lui arriva ? C'est mon seul enfant et je l'aime chèrement. Je vous en supplie, dites moi vite ce que vous avez vu car mon cœur tremble de tristesse et de peur ».

Alors, par un regard très aimable, Asita assura les nouveaux parents et leur dit de ne pas s'inquiéter, « Ne vous inquiétez pas leur dit-il ». Je ne pleure pas à cause de quelque chose de mauvais que je vois dans le prince. En réalité, maintenant que j'ai vu votre fils, je sais parfaitement qu'il grandira pour être plus que juste un grand homme. Il y a des signes particuliers que j'ai vu sur cet enfant. Tel que la lumière qui brille de ses doigts, qui me disent qu'il aura un futur glorieux.

« Si votre fils décide de rester avec vous et devenir un roi, il sera le roi le plus grand dans l'histoire. Il gouvernera un immense monde et apportera à son peuple beaucoup de paix et de bonheur. Mais s'il décide de ne pas devenir roi, son futur sera même très grand ! Il deviendra un grand maître, en montrant à tous les gens comment vivre avec paix et amour dans leurs cœurs. Voyant la tristesse dans le monde, il quittera votre palais et découvrira une voie pour finir toute souffrance. Ensuite, il enseignera la voie à quiconque écoutera.

« Chers roi et reine, je ne pleurais pas pour l'enfant. Je pleurais pour moi-même. Vous voyez, j'ai passé ma vie entière à rechercher la vérité, cherchant une voie pour finir toute souffrance. Et aujourd'hui, j'ai rencontré l'enfant qui enseignera tout un jour que j'ai voulu apprendre. Mais, lorsqu'il est assez grand pour enseigner, je suis déjà mort. Ainsi, je ne serai pas capable d'apprendre quelque chose en lui dans cette vie. C'est pourquoi je suis triste. Mais, vous, oh, les parents heureux, ne seriez pas tristes. Jouissez que vous ayez un merveilleux enfant pareil ».

Ensuite, Asita jeta un long coup d'œil sur l'enfant sur l'enfant, et quitta lentement le palais. Le roi le regarda partir et puis tourna vers son fils. Il était très heureux qu'il n'y avait aucun danger pour la vie du prince. Il réfléchissait : « Asita avait dit que Siddhartha deviendra soit un grand roi ou un grand maître. Ce serait beaucoup mieux s'il devint d'abord un roi. Comme je serais fier d'avoir un tel fils célèbre et puissant ! Ensuite, quand il est un vieil homme Asita, il peut devenir un sage homme s'il veut ».

Alors, en pensant comme ceci, le roi Suddhodana resta debout dans le bonheur avec son enfant dans ses bras,

en rêvant de la réputation que son fils aurait un jour.  
( à suivre )

Thần Chú Thủ Lăng Nghiêm có năm hội (năm đệ), là tượng trưng cho năm phương : Đông, tây, nam, bắc, giữa. Phương đông là Kim Cang bộ, Phật A Súc là giáo chủ. Phương nam là Bảo Sinh bộ, Phật Bảo Sinh là giáo chủ. Ở giữa là Phật bộ, Phật Thích Ca là giáo chủ. Phương tây là Liên Hoa bộ, Phật A Di Đà là giáo chủ. Phương bắc là Yết Ma bộ, Phật Thành Tựu là giáo chủ. Năm bộ này quản lý năm đại quân của ma quỷ ở năm phương. Vì năm loại ma quỷ này nên chư Phật phân ra năm hướng để trấn áp chúng. Nếu không có chư Phật thì ma quân đều xuất hiện nơi thế gian. Do đó, quý vị vừa tụng một biến Thần Chú Lăng Nghiêm thì năm đại ma quân ở năm hướng đều cúi đầu nạp mạng, tự làm các điều chân chánh, không dám chống lại oai lực của Thần Chú này. Nhờ có đủ năm bộ nên Thần Chú này mới vi diệu nhất không gì sánh bằng. Tuy nhiên, đừng nên chấp trước, bằng ngược lại thì sẽ không còn vi diệu.

Trong năm hội Thần Chú có hơn 30 bộ pháp. Xưa kia ở vùng Mãn Châu, lý do tôi chữa trị được bệnh tật cho dân chúng, tất cả đều nhờ vào oai lực của Thần Chú Lăng Nghiêm. Song, không thể tùy tiện lạm dụng Thần Chú này. Nếu lạm dụng thì không thể dùng hết được, vì ngay trong đó có hơn 30 bộ pháp khác nhau. Đây là nói đại khái, nếu nói tỉ mỉ thì có hơn một trăm loại.

Trong những pháp đó có pháp Thành Tựu. Nghĩa là trì tụng Chú Lăng Nghiêm thì dù tu pháp môn nào cũng đều thành tựu, dù cầu việc gì thì tất cả đều thành tựu như ý nguyện. Lại nữa có pháp Tăng Ích. Ví dụ : Khi tu hành, nếu đạo tâm chưa vững vàng, thì nhờ trì tụng Thần Chú này mà tăng trưởng trí huệ, tâm Bồ đề, nguyện lực, tất cả đều được tăng trưởng. Khi tụng Thần Chú này thì tất cả sở cầu của mình đều có thể được tăng thêm ; đối với sở cầu của người khác cũng như thế. Pháp Tiêu Tai : Tụng trì Thần Chú này thì không còn thiên tai hoạn nạn. Nếu như có người đáng lẽ phải bị chết đuối trong biển, nhưng nhờ tụng trì Thần Chú này mà được thoát chết. Hoặc ngồi trên một chiếc thuyền sắp bị chìm, nhưng nhờ tụng trì Thần Chú này mà thuyền không bị chìm. Hoặc đáng lẽ máy bay phải bị rơi, nhưng nhờ tụng trì Thần Chú này mà máy bay tránh được tai nạn. Tuy nhiên, phải chính tự diệt trừ những tai hoạn ngay trong tâm mình. Những tai hoạn đó là gì ? Nếu chỉ dựa vào Thần Chú mà trong tâm mình lại khởi vọng tưởng, chứa những tâm niệm xấu xa, đầy dẫy tạp niệm và dục niệm không thanh tịnh, thì quý vị thật chưa diệt trừ tai hoạn ngay trong tâm mình. Trong trường hợp đó, dù tụng Chú gì cũng vô dụng. Nếu muốn tránh tai hoạn, thì trước hết phải thanh tịnh hoá tâm niệm, đó mới là việc diệt trừ tai hoạn chân chính. Dù có niệm Chú nào cũng chẳng linh nghiệm, nếu trong tâm vẫn đầy dẫy tâm tham lam, sân hận, si mê. Do đó, tâm niệm rất là quan trọng, nhất định phải giữ tâm từ bi hiền hoà lương thiện, nguyện muốn trợ giúp người khác.

*Hoà Thượng Tuyên Hoá*



